

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI  
SAI GÒN – SÓC TRĂNG**

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG  
Của Cơ sở**

**SIÊU THỊ COOPMART SÓC TRĂNG**



**SÓC TRĂNG, THÁNG 8 NĂM 2024**

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI  
SAI GÒN – SÓC TRĂNG

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG  
Của Cơ sở**

**SIÊU THỊ COOPMART SÓC TRĂNG**

**CHỦ CƠ SỞ**

*(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)*

  
CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
MỘT THÀNH VIÊN  
THƯƠNG MẠI  
SAI GÒN  
SÓC TRĂNG

**Trần Trung Hiếu**

**SÓC TRĂNG, THÁNG 7 NĂM 2024**

## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ .....	1
1. Tên chủ cơ sở .....	1
2. Tên cơ sở.....	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở .....	3
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở .....	3
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	3
3.3. Sản phẩm của cơ sở .....	4
4. Nguyên, nhiên, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất và nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở .....	5
5. Các thông tin liên quan đến cơ sở.....	7
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	10
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường .....	10
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường .....	11
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	13
1. Công trình biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	13
1.1. Thu gom thoát nước mưa.....	13
1.2. Thu gom thoát nước thải.....	14
1.3. Xử lý nước thải.....	15
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải .....	23
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	24
3.1. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.....	24
3.2. Công trình biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	25
4. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu chất thải nguy hại.....	26
5. Công trình, biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tiếng ồn độ rung.....	28
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường .....	29
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có) .....	33
8. Các nội dung thay đổi so với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. ....	33
8.1. Nội dung thay đổi chức năng hạng mục công trình.....	34
8.2 Thay đổi công nghệ xử lý nước thải .....	37
9. Các nội dung thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp.....	38

Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	40
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải .....	40
1.1. Nguồn phát sinh nước thải:.....	40
1.2. Lưu lượng xả nước thải .....	40
1.3 Dòng nước thải.....	40
1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải .....	40
1.5. Vị trí xả nước thải, Phương thức xả nước thải vào nguồn tiếp nhận nước thải .....	41
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải .....	41
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung .....	41
3.1 Nguồn phát sinh .....	41
3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: .....	42
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	43
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	43
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.....	44
CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	45
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải .....	45
2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật .....	45
2.1. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ.....	45
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải .....	46
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở. ....	46
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hàng năm .....	46
CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG .....	48
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ .....	49

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BTCT	Bê tông cốt thép
BOD <sub>5</sub>	Biochemical Oxygen Demand – nhu cầu oxy sinh học
BTNMT	Bộ Tài nguyên – Môi trường
COD	Chemical Oxygen Demand – nhu cầu oxy hóa học
CO <sub>x</sub>	Oxit của cacbon
ĐTM	Báo cáo đánh giá tác động môi trường
ĐBSCL	Đồng bằng Sông Cửu Long
DO	Oxy hòa tan
DO	Diesel Oil – nhiên liệu dùng cho động cơ Đêzen
FAO	Tổ chức Nông lương thế giới
NO <sub>x</sub>	Oxit của nitơ
ODA	Vốn hỗ trợ phát triển chính thức
PCAs	Các chất cao phân tử kể cả hydrocarbon thơm đa vòng
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PTNT	Phát triển nông thôn
UBND	Ủy ban nhân dân
UBMTTQ	Ủy ban mặt trận Tổ Quốc
SS	Chất lơ lửng
SO <sub>x</sub>	Oxit của lưu huỳnh
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
WHO	Tổ chức y tế thế giới

## DANH MỤC BẢNG

	<b>Trang</b>
Bảng 1.1. Tọa độ vị trí địa lý của cơ sở .....	1
Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng hàng hóa của siêu thị bình quân 01 tháng.....	5
Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng điện năng và nhiên liệu .....	5
Bảng 1.4. Bảng thống kê nhu cầu sử dụng nước cấp của đơn vị .....	6
Bảng 1.5. Bảng thống kê nhu cầu sử dụng nước cấp của đơn vị .....	6
Bảng 1.6. Thống kê hạng mục công trình của cơ sở .....	7
Bảng 1.7. Danh mục trang thiết bị, máy móc.....	8
Bảng 3.1. Các hạng mục xây dựng của hệ thống xử lý nước thải tập trung.....	21
Bảng 3.2. Danh mục hóa chất sử dụng trong xử lý nước thải.....	22
Bảng 3.3. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở .....	27
Bảng 3.4. Các nội dung thay đổi về chức năng hạng mục công trình so với Báo cáo ĐTM được phê duyệt.....	34
Bảng 4.1. Giới hạn thông số ô nhiễm theo dòng nước thải .....	40
Bảng 4.2. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, độ rung .....	42
Bảng 5.1. Kết quả quan trắc nước thải năm 2022 .....	43
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc nước thải năm 2023 .....	44
Bảng 6.1. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	46

## DANH MỤC HÌNH

	Trang
Hình 1.1. Sơ đồ vị trí cơ sở trong ảnh vệ tinh google map.....	2
Hình 1.2. Vị trí Siêu thị Co.opMart Sóc Trăng .....	2
Hình 1.3. Sơ đồ hoạt động của Siêu thị Co.opMart Sóc Trăng.....	4
Hình 1.4. Tổ chức quản lý của cơ sở .....	9
Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa .....	13
Hình 3.2. Sơ đồ hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải .....	14
Hình 3.3. Mô hình hệ thống bể tự hoại .....	16
Hình 3.4. Nguyên lý làm việc của thiết bị tách dầu mỡ .....	17
Hình 3.5. Hình ảnh thiết bị tách dầu mỡ .....	18
Hình 3.6. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung .....	19
Hình 3.7. Hình ảnh khu vực thu gom tập trung chất thải rắn .....	25
Hình 3.8. Kho chất thải nguy hại của Cơ sở .....	27
Hình 3.9. Kho chất thải nguy hại của Trung tâm VNVC .....	27
Hình 3.10. Quy trình công nghệ xử lý nước thải theo ĐTM đã được phê duyệt	37
Hình 3.11. Quy trình công nghệ xử lý nước thải hiện trạng .....	38

## CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

### 1. Tên chủ cơ sở

Công ty TNHH MTV Thương Mại Sài Gòn – Sóc Trăng.

- Địa chỉ: Số 6, đường Hùng Vương, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Người đại diện theo pháp luật: Trần Lâm Hồng;

- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Điện thoại: 02993. 640 131.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2200271882, cấp lần đầu ngày 03/4/2007 và cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 03/8/2023 tại Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng.

- Giấy chứng nhận đầu tư số: 59121000069 do Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 22/10/2009.

### 2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Siêu thị Co.opMart Sóc Trăng

- Địa điểm cơ sở: Số 6, Hùng Vương, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Vị trí cơ sở có tứ cận tiếp giáp như sau:

+ Phía Đông Bắc: Giáp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Phía Đông Nam: Giáp Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai

+ Phía Tây Bắc: Giáp đường Hùng Vương.

+ Phía Tây Nam: Giáp với Bảo tàng tỉnh Sóc Trăng.

Tọa độ các điểm giới hạn khu đất theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>30, múi chiếu 3<sup>0</sup>:

**Bảng 1.1. Tọa độ vị trí địa lý của cơ sở**

Tên điểm	Ký hiệu	Tọa độ điểm	
		X	Y
Điểm 1	Đ1	1063073	551266
Điểm 2	Đ2	1063145	551349
Điểm 3	Đ3	1063087	551400
Điểm 4	Đ4	1063009	551320



Ảnh minh họa vị trí địa lý cơ sở:



Hình 1.1. Sơ đồ vị trí cơ sở trong ảnh vệ tinh google map



Hình 1.2. Vị trí Siêu thị Co.opMart Sóc Trăng

- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng và các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án: Siêu thị Co.opMart Sóc Trăng được cấp Giấy phép xây dựng số 27/GPXD ngày 28/8/2009 của Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng và

*Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH MTV tư vấn Môi trường Đồng Xanh Sóc Trăng;  
Địa chỉ: Số 461, Trương Vĩnh Ký, Phường 7, TP Sóc Trăng.*

Giấy phép xây dựng số 765/GPXD ngày 19/10/2022 của UBND thành phố Sóc Trăng; Giấy xác nhận số 376/GXN-STNMT ngày 15/5/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án Siêu thị Co.opMart Sóc Trăng; Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ ngày 04/01/2024.

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Quyết định số 134/QĐHC-CTUBND này 12/02/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê chuẩn Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư Siêu thị Co.opMart Sóc Trăng của Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – Sóc Trăng và Công văn số 1167/STNMT-MT ngày 12/09/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng về việc điều chỉnh nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư Siêu thị Co.opMart Sóc Trăng.

- Quy mô của cơ sở phân loại theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công: Tổng mức đầu tư dự án là 80.697.140.000 (*Tám mươi tỷ, sáu trăm chín mươi bảy triệu, một trăm bốn mươi ngàn đồng*).

Căn cứ vào khoản 4, Điều 9 của Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019, dự án có tổng mức đầu tư từ 45 tỷ đồng đến dưới 800 tỷ đồng thì Dự án thuộc tiêu chí phân loại nhóm B; Căn cứ tiêu chí phân loại theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) thì dự án thuộc nhóm II có nguy cơ tác động xấu đến môi trường.

### **3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở**

#### **3.1. Công suất hoạt động của cơ sở**

- Công suất phục vụ: Siêu thị Co.opmart Sóc Trăng có khả năng phục vụ tối đa là 2.500 khách/ngày bao gồm mua sắm tự chọn và ăn uống;

- Thời gian phục vụ: Từ 8 giờ đến 22 giờ hằng ngày;

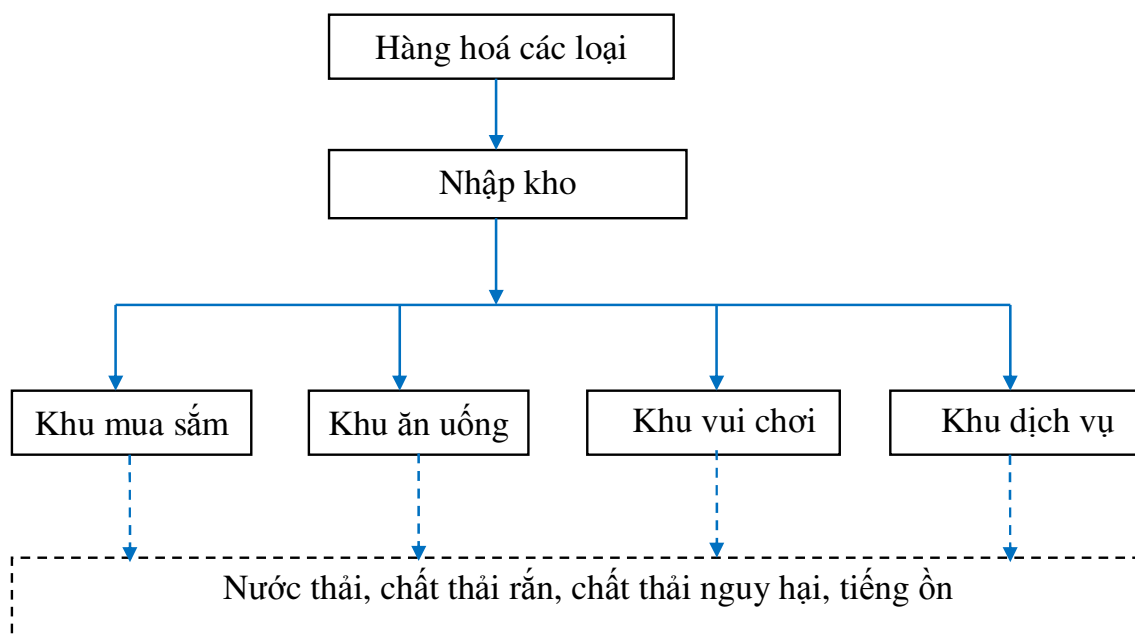
- Số lượng nhân viên của Siêu thị là 94 người; bao gồm quản lý, nhân viên văn phòng, nhân viên phục vụ trực tiếp tại các quầy hàng, thu ngân, bảo vệ.

#### **3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở**

Hoạt động của Siêu thị Co.opmart Sóc Trăng chủ yếu cung cấp hàng hóa, phục vụ nhu cầu ăn uống, vui chơi giải trí của người dân; Quy trình hoạt động như sau:

Các sản phẩm nguyên liệu, hàng hóa sau khi được bên cung cấp vận chuyển đến Cơ sở sẽ vận chuyển vào kho nguyên liệu để lưu trữ, riêng đối với các mặt hàng thực phẩm tươi sống sẽ được vận chuyển vào lưu trữ kho lạnh. Sau

đó, các loại hàng hóa này sẽ được phân loại và phân phối vào các khu vực khác nhau để thực hiện cho hoạt động mua sắm của khách hàng. Ngoài ra, Cơ sở cung cấp các dịch vụ cho thuê lại cửa hàng để hoạt động kinh doanh thời trang, tập sách văn phòng phẩm, ăn uống, vui chơi giải trí và dịch vụ tiêm chủng. Trong quá trình hoạt động của Cơ sở sẽ làm phát sinh chất thải rắn, nước thải, chất thải nguy hại, tiếng ồn và khói thải từ các phương tiện giao thông lưu thông trong khuôn viên Cơ sở. Các loại chất thải này sẽ được thu gom và áp dụng các biện pháp quản lý, xử lý theo quy định nhằm đảm bảo không gây tác động đến môi trường tại Cơ sở.



Hình 1.3. Sơ đồ hoạt động của Siêu thị Co.opMart Sóc Trăng

### 3.3. Sản phẩm của cơ sở

Hoạt động của cơ sở chủ yếu là kinh doanh các mặt hàng như sau :

Kinh doanh các đồ dùng cho gia đình; tập sách, văn phòng phẩm; đồ điện gia dụng, hàng công nghệ, đồ chơi trẻ em; cặp, túi, ví, hàng da.

Kinh doanh hàng tiêu dùng may mặc, giày dép; Hoá mỹ phẩm, hoá chất diệt côn trùng; hoá chất tẩy rửa.

Kinh doanh hàng thực phẩm: đường, sữa và các sản phẩm sữa; bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; thịt, cá và các sản phẩm từ thịt; thực phẩm đồ uống có cồn và không có cồn; thực phẩm bao gói.

Buôn bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh như: rau, quả, trái cây và các sản phẩm khác phụ thuộc vào nhu cầu của thị trường.

#### 4. Nguyên, nhiên, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất và nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

\* **Nhu cầu nguyên liệu:** Nhu cầu nguyên liệu, chủng loại và số lượng hàng hóa phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Siêu thị phụ thuộc vào thị hiếu, nhu cầu và sức mua của thị trường; Trong năm, vào các dịp ngày lễ, tết thì sản lượng hàng hóa bán ra có thể tăng thêm 20-30%.

**Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng hàng hóa của siêu thị bình quân 01 tháng**

STT	Loại hàng hóa	Đơn vị	Khối lượng
1	Nhóm hàng nông thủy sản, rau quả, thịt tươi sống	Tấn	19
2	Nhóm hàng hóa – mỹ phẩm	Đơn vị sản phẩm	76.220
3	Nhóm hàng công nghệ	Đơn vị sản phẩm	400.000
4	Nhóm hàng gia dụng	Đơn vị sản phẩm	80.000
5	Nhóm hàng tiêu dùng may mặc, giày dép, khác	Đơn vị sản phẩm	19.000

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn – Sóc Trăng, năm 2024)

#### \* **Nhu cầu sử dụng điện và nhiên liệu**

Hoạt động của Cơ sở có sử dụng năng lượng điện để chiếu sáng, vận hành máy móc thiết bị, Ngoài ra. Cơ sở còn sử dụng dầu DO để vận hành máy phát điện dự phòng trong trường hợp mất điện. Khối lượng chi tiết được thể hiện qua bảng sau:

**Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng điện năng và nhiên liệu**

STT	Nhu cầu sử dụng	Đơn vị	Tháng 2/2024	Tháng 3/2024	Tháng 4/2024	Trung bình
1	Điện năng	kWh/tháng	149.600	173.600	187.500	170.233
2	Dầu DO	lít/tháng	-	-	-	25
3	Khí gas	kg/tháng	239	320	279	279,3

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn – Sóc Trăng, năm 2024)

#### \* **Nhu cầu sử dụng nước**

Tổng nhu cầu sử dụng nước của Siêu thị cao nhất khoảng 52,5m<sup>3</sup>/ngày

phục vụ cho các hoạt động như sau:

- Khách hàng đến giao dịch tại Siêu thị sẽ cần nhu cầu sử dụng nước cho việc vệ sinh cá nhân với lượng khách trung bình từ 2.000 – 2.500 người/ngày; Hoạt động vệ sinh cá nhân của nhân viên làm việc tại Siêu thị.

- Hoạt động tại các khu nhà ăn, khu chế biến thực phẩm, bảo quản thực phẩm tươi sống, rửa thực phẩm, sơ chế và chế biến thực phẩm.

Thống kê về nhu cầu sử dụng nước cấp của Siêu thị Co.opmart Sóc Trăng trong 3 tháng liên tục của năm 2024 (theo hóa đơn tiền nước cấp) như sau:

**Bảng 1.4. Bảng thống kê nhu cầu sử dụng nước cấp của đơn vị**

Tháng	2/2024	3/2024	4/2024	Trung bình
Nước cấp (m <sup>3</sup> /tháng)	1.756	1.608	1.363	1.576

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn – Sóc Trăng, năm 2024)

Thực tế nhu cầu sử dụng nước cấp của Siêu thị Co.opmart Sóc Trăng luôn biến động qua hàng tháng và biến động theo ngày trong tháng. Điều này phù hợp với đặc điểm kinh doanh, dịch vụ của đơn vị; Nguồn nước sử dụng là nước cấp từ nhà máy cấp nước thành phố Sóc Trăng, được đưa về bồn chứa thể tích khoảng 40m<sup>3</sup>, bơm lên đài nước cấp vào mạng lưới sử dụng.

**\* Danh mục hóa chất, chế phẩm vi sinh trong xử lý nước thải**

Nhu cầu hoá chất và chế phẩm sinh học phục vụ cho việc vệ sinh và xử lý nước thải tại cơ sở như sau:

**Nhu cầu sử dụng hóa chất và vi sinh trong xử lý nước thải**

**Bảng 1.5. Bảng thống kê nhu cầu sử dụng nước cấp của đơn vị**

STT	Tên, loại hóa chất, chế phẩm vi sinh	Công đoạn xử lý có sử dụng	Lượng sử dụng Trong tháng
1	Nước Javen rửa màng	Bể màng MBR	30 lít
2	Mật đường	Bể sinh học Anoxic	10 lít
3	Clorine (dạng bột)	Bể khử trùng	2 kg
4	Hóa chất nâng pH	Bể sinh học thiếu khí	5 kg
5	Chất tẩy, rửa các loại	Vệ sinh	60 kg

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn – Sóc Trăng, năm 2024)

## 5. Các thông tin liên quan đến cơ sở.

### a) Các hạng mục công trình của Cơ sở

Siêu thị Co.opmart Sóc Trăng có diện tích là 9.155,1m<sup>2</sup>; Trong đó, hạng mục công trình chính phục vụ cho hoạt động kinh doanh và dịch vụ là 5.555,4m<sup>2</sup>, hạng mục công trình bảo vệ môi trường, quản lý và xử lý chất thải là 512,8 m<sup>2</sup> và đường giao thông, sân bãi, cây xanh có diện tích còn lại là 3.446,9m<sup>2</sup>. Cơ cấu sử dụng đất của các hạng mục công trình như sau:

**Bảng 1.6. Thống kê hạng mục công trình của cơ sở**

STT	Loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Hạng mục công trình chính</b>	<b>5.555,4</b>	
1	Khối nhà chính (Siêu thị)	3.794,4	
2	Bãi xe (Bãi trước và bãi sau)	1.376,2	
3	Shop Cafe	43,2	
4	Khu Shop 1,2 và kho hàng công nghệ và hoá mỹ phẩm	213,4	
5	Khu vận hành (phòng bảo vệ; kho vật tư; trạm biến áp; trạm điện trung tâm; phòng máy phát điện 1 và 2, phòng máy bơm).	128,2	
<b>II</b>	<b>Hạng mục công trình bảo vệ môi trường</b>	<b>152,8</b>	
1	Hệ thống xử lý nước thải	92	
2	Kho chứa chất thải nguy hại (2 kho chất thải nguy hại có diện tích là 8,4 m <sup>2</sup> ; Gồm 01 Kho CTNH thuộc khối nhà chính có diện tích 6 m <sup>2</sup> và kho tại khu vực xử lý nước thải của Trung tâm tiêm chủng vắc-xin VNVC là 2,4 m <sup>2</sup> )	2,4	
3	Kho tập kết chất thải rắn sinh hoạt	27	
4	Kho chứa chất thải tái chế	24,8	
5	Kho chứa hàng không phù hợp	6,6	
<b>III</b>	<b>Hạng mục giao thông, sân bãi, cây xanh</b>	<b>3.446,9</b>	
<b>Tổng cộng</b>		<b>9.155,1</b>	

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn – Sóc Trăng, năm 2024)

**b) Danh mục máy móc của Cơ sở**

Hoạt động của Siêu thị Co.opmart Sóc Trăng chủ yếu là thương mại – dịch vụ, kinh doanh các sản phẩm phục vụ nhu cầu tiêu dùng của người dân trong khu vực. Trang thiết bị đáp ứng nhu cầu hoạt động của Siêu thị được mô tả qua bảng sau:

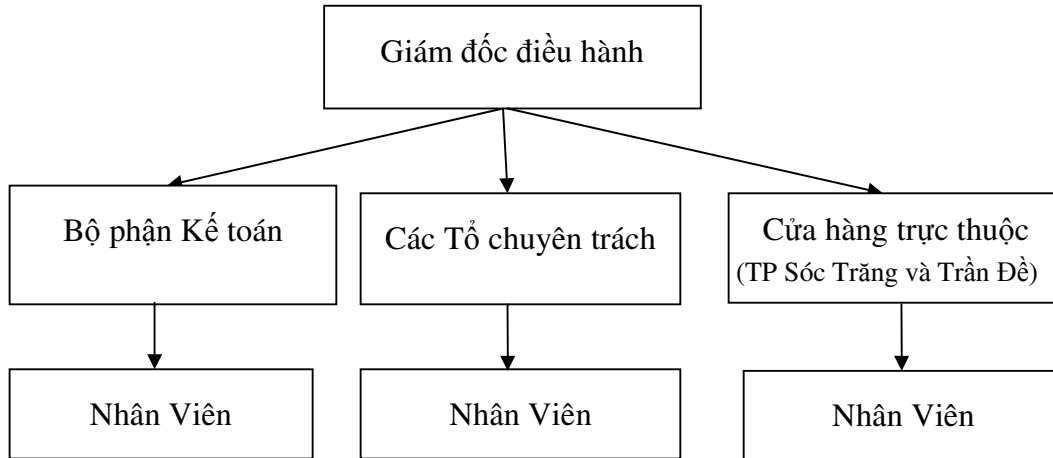
**Bảng 1.7. Danh mục trang thiết bị, máy móc**

STT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng	Thực trạng sử dụng
1	Xe lồng (120l)	Chiếc	150	Tốt
2	Giỏ nhựa, giỏ nhựa kéo	Cái	230	Tốt
3	Tủ đông	Cái	7	Tốt
4	Tủ mát	Cái	9	Tốt
5	Hệ thống than trọt	Bộ	01	Tốt
6	Ba- lét, kệ	Cái	30	Tốt
7	Sọt nhựa	Cái	136	Tốt
8	Camera	Cái	77	Tốt
9	Thiết bị đo nhiệt độ	Cái	2	Tốt
10	Cân định lượng các loại	Cái	10	Tốt
11	Hệ thống máy lạnh	Hệ thống	47	Tốt
12	Máy phát điện 2 (80 kVA)	Máy	01	Tốt
13	Máy phát điện 1 (550 kVA)	Máy	01	Tốt
14	Máy bơm nước các loại	Máy	18	Tốt
15	Hệ thống thang cuốn	Bộ	01	Tốt
16	Hệ thống thang máy	Bộ	03	Tốt
17	Xe nâng hàng	Chiếc	01	Tốt
19	Thiết bị văn phòng, thu ngân	Bộ	52	Tốt

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn – Sóc Trăng, năm 2024)

**c) Tổ chức quản lý hoạt động của Siêu thị Co.opmart Sóc Trăng**

Tổ chức quản lý hoạt động của Cơ sở Siêu thị Co.opmart Sóc Trăng thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại Sài Gòn – Sóc Trăng như sau:



**Hình 1.4. Tổ chức quản lý của cơ sở**



## CHƯƠNG II

### SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

#### 1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Siêu thị Co.opmart Sóc Trăng phù hợp với các quy hoạch đã được phê duyệt, cụ thể như sau:

- Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 25/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, Phương án quy hoạch phát triển thương mại tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030 toàn tỉnh Sóc Trăng sẽ phát triển mới 04 trung tâm thương mại tại các huyện Trần Đề, thị xã Vĩnh Châu, Thị xã Ngã năm và thành phố Sóc Trăng; 03 siêu thị tổng hợp hạng 1 tại các huyện Trần Đề, thị xã Vĩnh Châu và Thị xã Ngã năm; 02 Trung tâm Logistics tại thành phố Sóc Trăng và huyện Trần đề; Trung tâm Hội chợ triển lãm Sóc Trăng và Trung tâm trưng bày, giới thiệu sản phẩm OCOP tại thành phố Sóc Trăng và khuyến khích phát triển hệ thống các siêu thị chuyên doanh và cửa hàng tiện lợi tại các thị trấn, khu vực trung tâm xã, phường trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

- Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 3282/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

- Quyết định số 3470/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Siêu thị Co.opmart Sóc Trăng đã được phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 134/QĐHC-CTUBND ngày 12/02/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê chuẩn Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư Siêu thị Co.opMart Sóc Trăng của Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – Sóc Trăng và Công văn số 1167/STNMT-MT ngày 12/09/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng về việc điều chỉnh nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư Siêu thị

Co.opMart Sóc Trăng; Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 30/GP-UBND ngày 15/7/2021 của UBND tỉnh Sóc Trăng; Giấy xác nhận số 376/GXN-STNMT ngày 15/5/2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án Siêu thị Co.opmart Sóc Trăng.

Vì vậy, Siêu thị Co.opmart Sóc Trăng phù hợp với Quy hoạch xây dựng, Quy hoạch sử dụng đất và phù hợp với Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Sóc Trăng và tỉnh Sóc Trăng.

## **2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường**

Nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý của Siêu thị Co.opmart Sóc Trăng là hệ thống cống thoát nước chung của đường Hùng Vương, thành phố Sóc Trăng; sau đó thoát ra kênh Maspero khu vực phường 6, thành phố Sóc Trăng

Nguồn tiếp nhận bụi và khí thải là môi trường không khí xung quanh khu vực cơ sở là phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường đã được khảo sát, đánh giá chi tiết trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư Siêu thị Co.opmart Sóc Trăng. Trong đó quy định nước thải của dự án sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (giá trị C cột B với  $k = 1$ ); bụi, khí thải phát sinh không liên tục từ máy phát điện dự phòng được xử lý trong hệ thống công nghệ, thiết bị đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B,  $K_v = 0,8$  và  $K_p = 1$ ) trước khi thải ra môi trường tiếp nhận, nhằm không gây tăng mức độ ô nhiễm cho nguồn tiếp nhận. Đồng thời, Cơ sở đã được cấp phép xả nước thải vào cống thoát nước chung của đường Hùng Vương thành phố Sóc Trăng, Giấy phép số 30/GP-UBND ngày 15/7/2021 của UBND tỉnh Sóc Trăng

Ngoài ra, theo Quyết định số 1075/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 của UBND tỉnh Sóc Trăng về phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông chính thuộc nguồn nước nội tỉnh (nước mặt) trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, thì sông Maspero khu vực Sóc Trăng đảm bảo khả năng tiếp nhận nguồn nước thải của thành phố Sóc Trăng.

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hàng ngày cơ sở thu gom tập trung tại khu vực kho chứa chất thải rắn sinh hoạt, phân loại và hợp đồng với Công ty Cổ phần công trình đô thị Sóc Trăng thu gom và xử lý tập trung hàng ngày tại bãi rác của địa phương.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình kinh

doanh được thu gom vào kho chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý định kỳ theo quy định.

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động kinh doanh của siêu thị sẽ được thu gom vào kho chứa chất thải nguy hại thuộc khối nhà chính (siêu thị) với diện tích 6m<sup>2</sup> và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý định kỳ theo quy định.

Chất thải rắn y tế nguy hại phát sinh từ hoạt động của Trung tâm tiêm chủng VNVC Sóc Trăng sẽ thu gom vào kho chứa chất thải nguy hại riêng có diện tích là 2,4m<sup>2</sup> và Trung tâm có hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý định kỳ theo quy định.

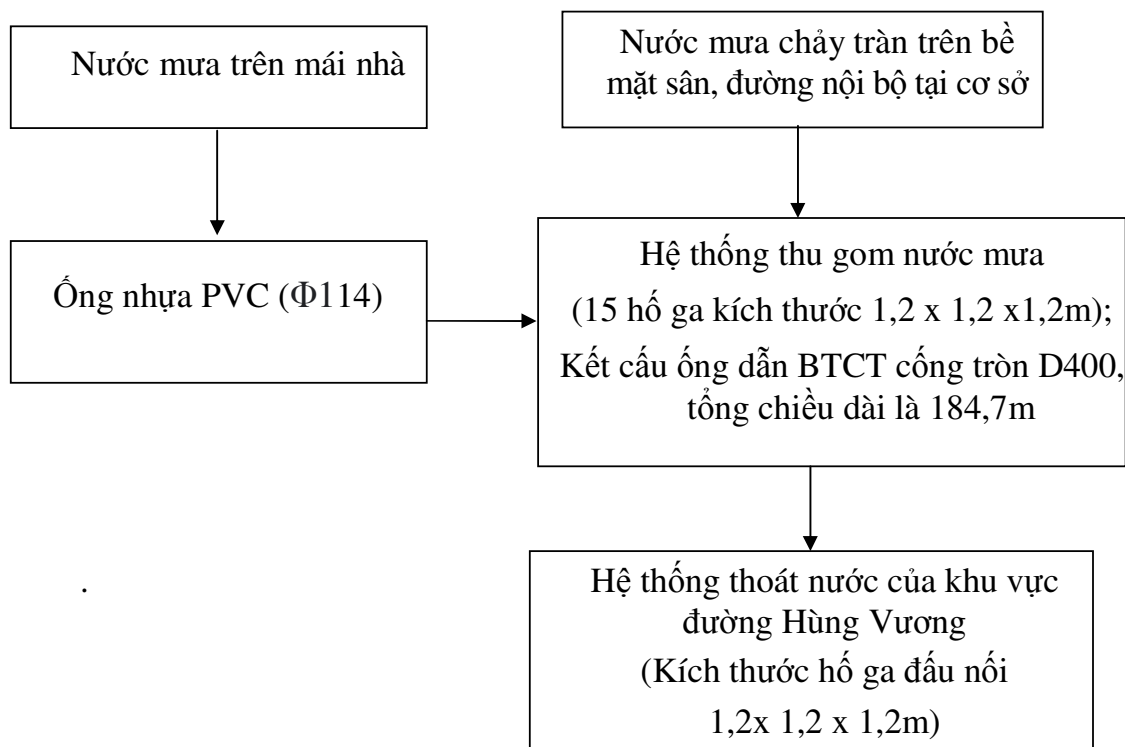
### CHƯƠNG III

## KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 1. Công trình biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

#### 1.1. Thu gom thoát nước mưa

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa được xây dựng hoàn chỉnh và riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải; sơ đồ thu gom nước mưa như sau:



Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa

Nước mưa phát sinh từ mái nhà được thu gom bằng ống nhựa PVC (đường kính 114mm) dẫn vào hệ thống hố ga thu nước mưa và nước mưa phát sinh chảy tràn trên bề mặt sân, đường nội bộ theo cao độ thiết kế (*thiết kế với độ dốc 0,3-0,5%*) chảy vào hệ thống hố ga thu nước mưa; Hệ thống hố ga thu gom nước mưa có kết cấu bằng BTCT có nắp chắn rác, kích thước hố ga (1,2x1,2x1,2m) và cống dẫn dạng cống tròn D400 kết cấu BTCT với tổng chiều dài tuyến thoát nước mưa là 184,7m với 15 hố ga kết nối dẫn thoát nước mưa đầu nối vào Hệ thống thu gom nước thải chung của khu vực đường Hùng Vương tại cơ sở.

Vị trí tọa độ đầu nối là: X = 1063031; Y = 551267

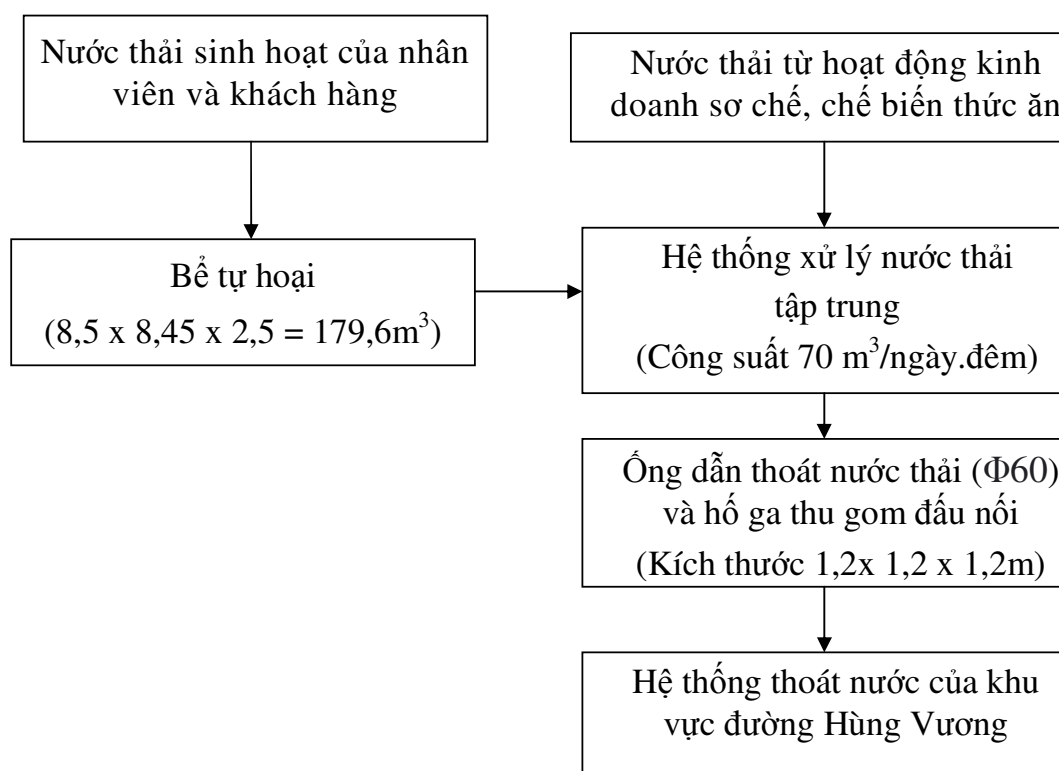
Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom nước mưa:

- Đường ống nhựa PVC  $\Phi 114$ ; kết nối dẫn nước mưa từ mái nhà đến hố ga thu gom nước mưa;
- Đường cống tròn dẫn nước mưa đặt ngầm BTCT D400, dài 184,7m;
- Số Hố ga: 15 cái; kích thước (1,2x1,2x1,2m).

Ngoài ra, Cơ sở thực hiện các biện pháp: Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống cống, rãnh, hố ga; Thường xuyên duy tu bảo dưỡng hệ thống thu gom, thoát nước mưa chảy tràn, không để các loại rác thải, bụi xâm nhập vào đường thoát nước; Thực hiện tốt công tác dọn dẹp, vệ sinh mặt bằng, đường nội bộ trong khuôn viên siêu thị, bố trí các thùng rác cho khách hàng tiện lợi bỏ rác vào thùng, định kỳ dùng thiết bị hút bụi để thu gom bụi bề mặt phát sinh tại các khu vực sảnh, sân, đường nội bộ trong khuôn viên siêu thị nhằm hạn chế bụi lan truyền theo nước mưa ra ngoài môi trường.

## 1.2. Thu gom thoát nước thải

Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải tại cơ sở dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung như sau:



Hình 3.2. Sơ đồ hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải

Nước thải sinh hoạt từ lavabo và nhà vệ sinh dùng cho cán bộ quản lý, nhân viên siêu thị và khách hàng đến mua sắm được thu gom dẫn về 01 hầm tự hoại 03 ngăn với thể tích là  $179,6\text{m}^3$  để xử lý sơ bộ, sau đó tự chảy theo tuyến

ống PVC đường kính  $\Phi 114\text{mm}$  đặt trong rãnh hộp bê tông dẫn về hố ga thu gom nước thải (Kích thước  $1,2 \times 1,2 \times 1,2\text{m}$ ) và Nước thải từ hoạt động kinh doanh sơ chế, chế biến được thu gom bằng ống dẫn PVC đường kính  $49\text{mm}$  qua thiết bị tách dầu, mỡ (bằng inox 304 có kích thước  $0,7 \times 0,4 \times 0,4\text{m}$ ) để tách loại dầu mỡ ra khỏi nước thải, sau đó tự chảy theo hệ thống ống dẫn nhựa PVC đường kính  $140\text{mm}$  vào hố ga thu gom nước thải (Kích thước  $1,2 \times 1,2 \times 1,2\text{m}$ ). Nước thải từ các hố ga thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng cống tròn  $D400$  kết cấu BTCT với tổng chiều dài tuyến thu gom nước thải là  $102,5\text{m}$  với 05 hố ga kết nối dẫn nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất xử lý là  $70\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ .

- Vị trí xả nước thải: Hệ thống thoát nước chung dọc đường Hùng Vương, phường 6, thành phố Sóc Trăng.

- Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ VN 2000, kinh tuyến trục  $105^0$ , múi chiều  $3^0$ ): X= 1063027; Y= 551309.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung khu vực đường Hùng Vương và thoát ra Sông Maspero thuộc khu vực phường 6, thành phố Sóc Trăng.

### 1.3. Xử lý nước thải

#### a) Đối với nước thải sinh hoạt

- Nguồn phát sinh: Từ cán bộ quản lý, nhân viên siêu thị và khách hàng đến mua sắm và nước thải từ khu dịch vụ phục vụ ăn uống, khu vực kinh doanh sơ chế thực phẩm; Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh bằng 100% lượng nước cấp sử dụng; ước tính trung bình mỗi ngày lượng nước thải phát sinh khoảng  $52,5\text{m}^3/\text{ngày}$ ; cụ thể như sau:

Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên là:

$$94 \text{ người} \times 80 \text{ lít/người/ngày} = 7,5\text{m}^3$$

Nước thải phát sinh từ vệ sinh của khách hàng ra vào siêu thị (theo tiêu chuẩn cấp nước TCVN 33-68) ước tính tối đa là:

$$2.500 \text{ người} \times 15\text{lít/người} = 37,5\text{m}^3$$

Nước thải phát sinh từ khu dịch vụ phục vụ ăn uống, khu vực kinh doanh sơ chế thực phẩm ước tính thực tế khoảng  $7,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$ .

Lượng nước thải này sẽ được xử lý sơ bộ bằng 01 bể tự hoại 3 ngăn được xây dựng trong khối công trình siêu thị với tổng thể tích là  $179,6\text{m}^3$  ( $8,5\text{m} \times 8,45\text{m} \times 2,5\text{m}$ ).

- Quy trình hoạt động của bể tự hoại 03 ngăn như sau:

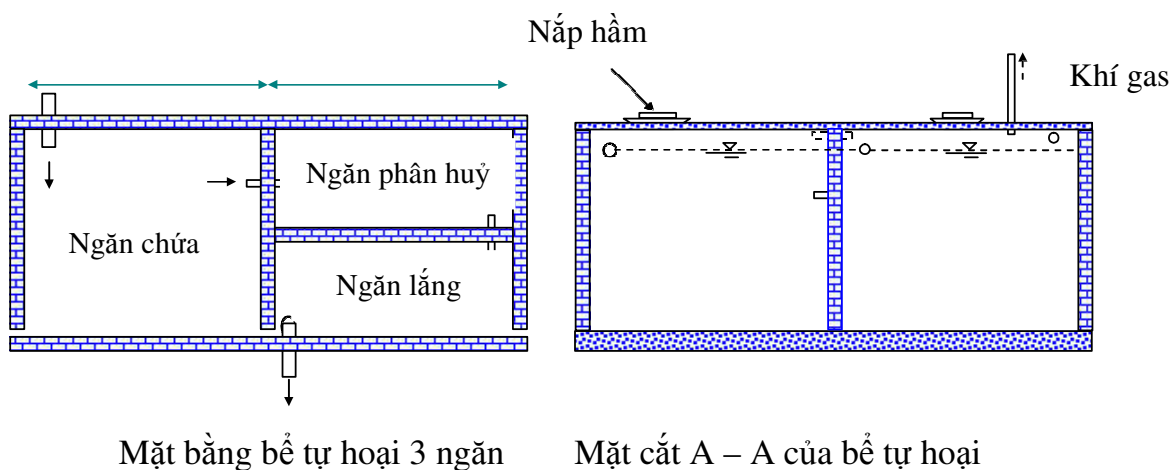
+ Ngăn chứa: Kích thước lớn nhất (chiếm 50%), đây là nơi tích trữ phân. Phân bùn và các váng nổi bọt bị giữ lại bên ngăn chứa phân.

+ Ngăn phân hủy: Nước thải sau khi qua ngăn chứa được dẫn vào ngăn phân hủy bằng các lỗ thông trên vách.

+ Ngăn lắng: Nước thải từ ngăn phân hủy sẽ chảy qua ngăn lắng; Nước thải từ ngăn lắng chảy vào hố ga thu gom nước thải. Tiếp theo nước thải tự chảy về hố ga thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Hiệu suất xử lý cặn được giữ lại trong đáy bể từ 03 – 06 tháng, dưới tác động phân huỷ chất hữu cơ của hệ vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân huỷ một phần, một phần tạo ra các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hoà tan.

Trong mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng lượng khí phát sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt. Nước thải sau khi xử lý qua bể tự hoại thì hàm lượng các chất ô nhiễm BOD<sub>5</sub>, COD và SS giảm đáng kể (40 – 50%). Thời gian lưu nước trong bể khoảng 20 ngày thì 95% chất rắn lơ lửng sẽ lắng xuống đáy bể.



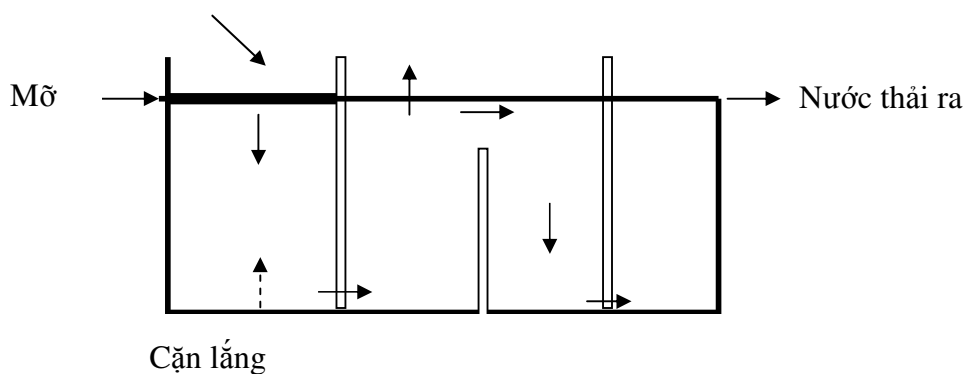
**Hình 3.3. Mô hình hệ thống bể tự hoại**

Nước sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở để xử lý đạt Quy chuẩn môi trường theo quy định trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.

#### ***b) Đối với nước thải từ sơ chế, chế biến thức ăn***

- Nguồn phát sinh: Từ khu dịch vụ phục vụ ăn uống, khu vực kinh doanh sơ chế biến thực phẩm được thu gom bằng ống dẫn PVC đường kính  $\Phi 49\text{mm}$  về

04 thiết bị tách dầu mỡ, trong đó 02 thiết bị đặt tại khu vực bếp, 02 thiết bị khu vực quầy sơ chế cá, thịt... mỗi thiết bị bằng inox 304 có kích thước (0,7m x 0,4m x 0,4m) để xử lý tách dầu mỡ sơ bộ, sau đó nước thải theo hệ thống ống dẫn bằng nhựa PVC đường kính  $\Phi 60\text{mm}$  đặt ngầm theo hướng lối đi để dẫn vào hố ga thu gom nước thải và tự chảy theo cống tròn D400 kết cấu BTCT dẫn nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn môi trường trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.



**Hình 3.4. Nguyên lý làm việc của thiết bị tách dầu mỡ**

**\* Nguyên lý làm việc của thiết bị tách dầu mỡ:**

Thiết bị tách dầu mỡ được chia thành 3 ngăn: Nước thải sơ chế, chế biến thức ăn được đưa vào ngăn thứ nhất thông qua sọt rác được thiết kế bên trong, nhằm giữ lại các chất bẩn như các loại thực phẩm, đồ ăn thừa, xương hay các loại tạp chất khác... có trong nước thải. Chức năng này giúp cho bể tách mỡ làm việc ổn định mà không bị nghẹt rác. Sau đó nước thải đi sang ngăn thứ hai được thiết kế nhằm hạn chế sự xáo trộn của dòng nước. Tại đây được thiết kế vách để hướng dòng tách dầu mỡ và nước thành 2 phần riêng biệt để dầu, mỡ nổi lên mặt nước do dầu mỡ có tỷ trọng thấp so với nước. Phần nước thải sau khi dầu mỡ đã tách ra lại tiếp tục đi xuống đáy bể và chảy sang ngăn thứ ba ra ngoài. Lớp dầu mỡ sẽ tích tụ dần dần và tạo lớp váng trên bề mặt nước, định kỳ xả van để loại bỏ lớp dầu mỡ. Lớp dầu mỡ này sẽ được thu gom vào bao chứa và hợp đồng thuê đơn vị chức năng thu gom và xử lý cùng với chất thải rắn sinh hoạt. Nước thải sau khi qua thiết bị tách dầu mỡ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.





**Hình 3.5. Hình ảnh thiết bị tách dầu mỡ**

*\* Cấu tạo thiết bị tách dầu mỡ:*

Bể tách mỡ có thể tích  $B \times L \times H(m) = 0,7 \text{ m} \times 0,4 \text{ m} \times 0,4 \text{ m} = 0,112 \text{ m}^3$  được chia làm 3 ngăn bằng nhau.

Ngăn 1: Ngăn lọc rác.

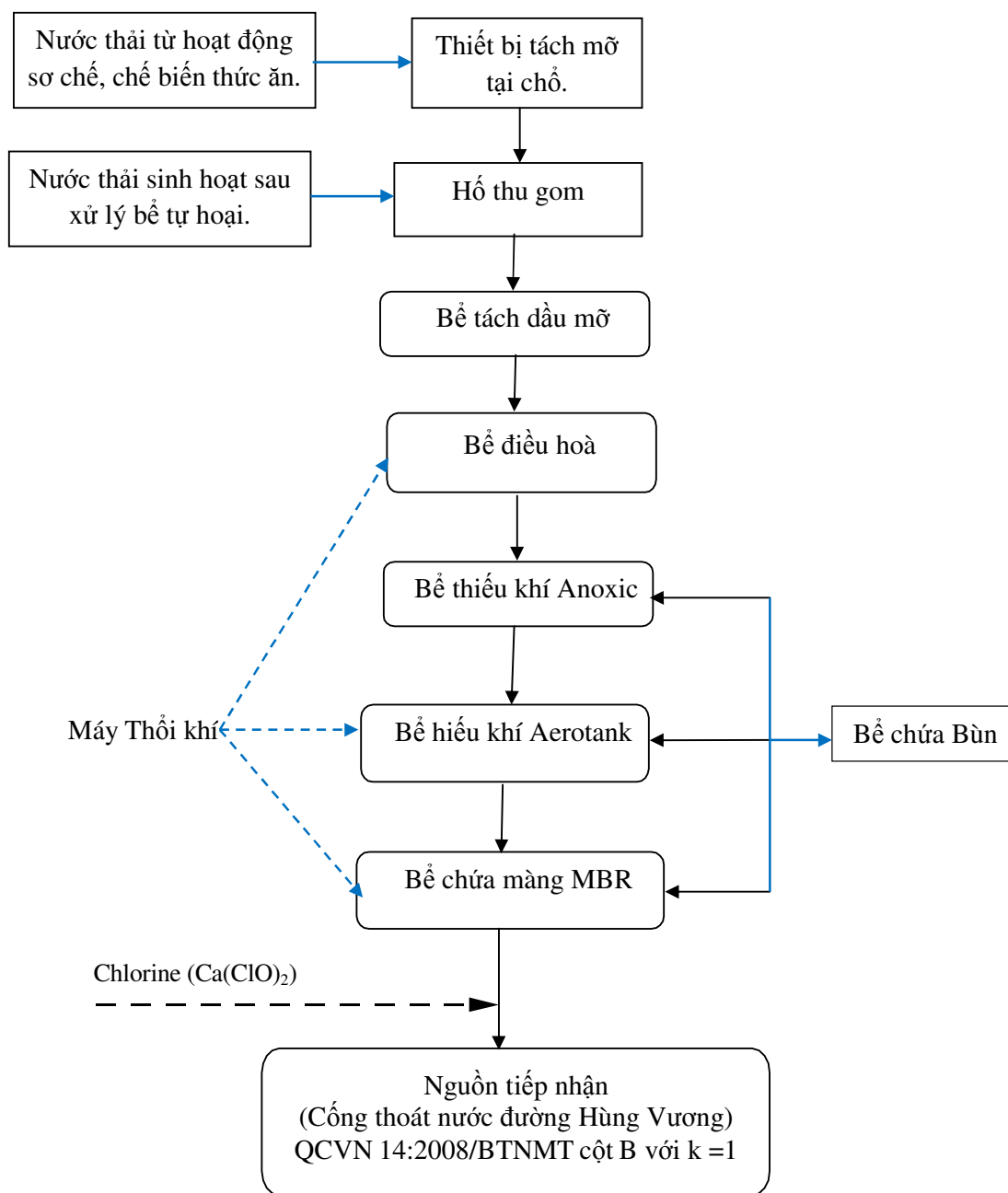
Ngăn 2: Ngăn tách mỡ;

Ngăn 3: ngăn thu nước.

Nước thải sơ chế và chế biến thức ăn sau khi qua bể tách mỡ sẽ được thu gom về hố ga thu nước thải và tự chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

***b) Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 70m<sup>3</sup>/ngày.đêm***

Để đảm bảo xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Siêu thị Co.opMart Sóc Trăng. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại Sài Gòn – Sóc Trăng đã đầu tư xây dựng một hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 70m<sup>3</sup>/ ngày đêm; Hệ xử lý nước thải tập trung với công nghệ xử lý bằng phương pháp sinh học; Cụ thể công nghệ hệ thống xử lý nước thải của siêu thị Co.opMart Sóc Trăng như sau:



Hình 3.6. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung

**\* Thuyết minh công nghệ:**

Nước thải phát sinh từ hoạt động kinh doanh sơ chế, chế biến thức ăn sẽ được thu gom bằng ống dẫn PVC đường kính  $\Phi 49\text{mm}$  được về 04 thiết bị tách dầu mỡ để xử lý tách dầu mỡ sơ bộ rồi dẫn vào hố ga thu gom nước thải và cùng nước thải sinh hoạt sau xử lý bể tự hoại được thu gom chung dẫn về hố thu gom của Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- **Hố thu gom, Song chắn rác:** Hồ thu gom có nhiệm vụ thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ siêu thị trước khi vào hệ thống xử lý. Tại đây có đặt giỏ lược rác nhằm tách rác, các dị vật có kích thước lớn ra khỏi nước thải, bảo vệ hệ thống bơm phía sau. Sau đó nước thải được bơm qua bể tách dầu mỡ.

- **Bể tách dầu mỡ:** Có tác dụng tách dầu mỡ ra khỏi nước. Mỡ động thực vật có tỷ trọng nhẹ hơn nước, do đó khi vào bể tách dầu mỡ sẽ nổi lên trên bề mặt và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- **Bể điều hoà:** Lưu lượng và nồng độ nước thải phát sinh thường không ổn định vì phải phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: thời gian, lưu lượng nước thải và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải. Vì vậy, bể điều hòa có nhiệm vụ điều hòa sự không ổn định đó, về lưu lượng cũng như nồng độ các chất ô nhiễm, giúp cho các thiết bị và hệ vi sinh trong bể xử lý sinh học hoạt động ổn định và liên tục, đảm bảo hệ thống hoạt động lâu dài. Tại bể điều hòa được lắp đặt hệ thống phân phối khí với mục đích cung cấp oxy vào trong nước thải và nhằm tạo dòng chảy rối tránh tù nước, phân hủy kỵ khí phát sinh mùi hôi. Từ bể điều hòa, nước thải được bơm với lưu lượng ổn định vào bể xử lý sinh học yếm khí.

- **Bể sinh học yếm khí:** Tại Bể yếm khí, các vi sinh vật kỵ khí sẽ hoạt động phân hủy các vật chất hữu cơ thành  $CH_4$ ,  $CO_2$ ,  $H_2S$ , các axit hữu cơ; sau khi được tồn lưu xử lý qua Bể yếm khí; nước thải sẽ được dẫn vào Bể hiếu khí.

- **Bể sinh học Aerotank:** Bể hiếu khí (Bể Arotank) là công trình thiết kế cho xử lý nước thải bậc hai và có khả năng xử lý được cả nitơ, phosphor và chất hữu cơ. Trong Bể hiếu khí, khí được cấp từ máy thổi khí thông qua đường ống công nghệ; dòng khí được cấp cùng hướng nhau là từ dưới đáy bể lên mặt. Vi sinh vật hiện diện trong nước thải ở trạng thái lơ lửng do tác động của bọt khí. Trong quá trình sinh trưởng, vi sinh vật sử dụng các chất hữu cơ có trong nước thải và chuyển hóa thành sinh khối. Quá trình này diễn ra nhanh nhất ở giai đoạn đầu và giảm dần về phía cuối bể. Sau quá trình sinh học hiếu khí nồng độ COD và  $BOD_5$  giảm 70-80% so với nồng độ COD và BOD đầu vào. Nước thải sau khi đã oxy hóa hết các chất hữu cơ có khả năng phân hủy sinh học sẽ tiếp tục chảy qua Bể màng MBR.

- **Bể màng MBR:** Cấu tạo, màng được tạo từ các sợi rỗng, dạng ống kết hợp hệ thống rửa ngược làm giảm bám dính trên bề mặt màng nhờ bơm màng thẩm thấu qua màng. Mỗi đơn vị MBR được cấu tạo gồm nhiều sợi rỗng liên kết với nhau, mỗi sợi rỗng lại cấu tạo giống như một màng lọc với các lỗ lọc rất nhỏ (khoảng 0,01 – 0,03 micromet) nên một số vi sinh vật không có khả năng xuyên

qua. Các đơn vị MBR này sẽ liên kết với nhau thành những module lớn hơn và đặt vào các bể xử lý sinh học.

Nguyên lý hoạt động của màng lọc sinh học MBR: Khi dòng nước thải chảy qua màng, nước sạch sẽ được thẩm thấu qua các sợi rỗng chảy về hệ thống thu nước và được bơm hút ra ngoài. Vi sinh vật, chất ô nhiễm, bùn được giữ lại bề mặt màng và định kỳ hút vào bể chứa bùn để xử lý. Hệ thống có sục khí để cung cấp oxy cho vi sinh vật và giữ bùn ở trạng thái lơ lửng, tránh bị nghẹt màng MBR.

Màng lọc MBR được vệ sinh định kỳ 6 tháng/lần; Nước thải từ vệ sinh màng sẽ được dẫn vào bể chứa bùn để lắng bùn, phần nước trong sẽ được dẫn vào hệ thống để tiếp tục xử lý.

Nước thải sau qua xử lý màng lọc MBR sẽ dẫn vào bồn chứa để tạo áp lực chảy theo đường ống dẫn bằng ống nhựa PVC  $\Phi 60$ , trong hệ thống ống dẫn có bố trí kết nối ống dẫn dung dịch clo để khử trùng nước thải. Tiếp theo nước được dẫn vào hố ga thoát nước thải sau xử lý và đầu nối vào Cống thoát nước chung khu vực đường Hùng Vương. Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (giá trị C, cột B, hệ số áp dụng K= 1)

- **Bể chứa bùn:** Bể chứa bùn có nhiệm vụ chứa bùn dư và tách một phần nước ra khỏi bùn và chứa bùn. Phần nước tách ra được đưa về bể hiếu khí để tái xử lý. Phần bùn sẽ được giữ lại và định kỳ (1 năm/lần) thuê đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

**Bảng 3.1. Các hạng mục xây dựng của hệ thống xử lý nước thải tập trung**

STT	Tên hạng mục	Số lượng	Kích thước (m) (D x R x C)	Thể tích (m <sup>3</sup> )	Ghi chú
1	Hố thu gom; song chắn rác	1	1,5 x 1,5 x 3m	6,75	
2	Bể tách dầu mỡ	1	1,35 x 1,5 x 3m	6	
3	Bể điều hòa	1	4,0 x 3 x 3m	36	
4	Bể sinh học yếm khí	1	3 x 1,5 x 3m	13,5	
5	Bể sinh học Aerotank	1	6 x 3 x 3m	54	
6	Bể màng MBR	1	3 x 2,5 x 3	22,5	

STT	Tên hạng mục	Số lượng	Kích thước (m) (D x R x C)	Thể tích (m <sup>3</sup> )	Ghi chú
7	Bể chứa bùn	1	3 x 1 x 3	9	

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn – Sóc Trăng, 2024)

\* Quy trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải:

Kiểm tra toàn bộ hệ thống

Bước 1: Kiểm tra hoạt động tủ điện:

Bước 2: Kiểm tra hóa chất và bơm định lượng

+ Kiểm tra lượng nước trong bồn chứa hóa chất

+ Bổ sung hóa chất

+ Kiểm tra hoạt động bơm định lượng

Bước 3: Kiểm tra máy móc thiết bị

+ Kiểm tra máy thổi khí

+ Kiểm tra đồng hồ áp trên bơm hút màng

+ Kiểm tra bơm hút và rửa màng

+ Kiểm tra chất lượng nước sau xử lý

Bước 4: Kiểm tra hoạt động các bể xử lý nước thải

+ Kiểm tra, vệ sinh giỏ tách rác/ phao điều khiển hồ thu gom

+ Kiểm tra phao điều khiển bể điều hòa

+ Kiểm tra phao điều khiển bể màng MBR

+ Kiểm tra vi sinh của bể sinh học

Chế độ vận hành: Liên tục 24 giờ.

Định mức sử dụng hóa chất cho hệ thống xử lý nước thải:

**Bảng 3.2. Danh mục hóa chất sử dụng trong xử lý nước thải**

STT	Tên, loại hóa chất, chế phẩm vi sinh	Công đoạn xử lý có sử dụng	Lượng sử dụng Trong tháng
1	Nước Javen rửa màng	Bể màng MBR	30 lít
2	Mật đường	Bể sinh học Anoxic	10 lít
3	Clorine (dạng bột)	Bể khử trùng	2 kg
4	Hóa chất nâng pH	Bể sinh học thiếu khí	5 kg

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn – Sóc Trăng, 2024)

## 2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Quá trình hoạt động của siêu thị hầu như không phát sinh khí thải đặc trưng mà chủ yếu là lượng khí thải phân tán, không tập trung từ phương tiện giao thông ra vào khu vực siêu thị, khu xử lý nước thải, khu chứa rác và khí thải không thường xuyên của máy phát điện dự phòng (chỉ hoạt động khi mất điện); mùi thức ăn từ khu vực nấu bếp.

Đối với những loại khí thải phát sinh không tập trung cũng như không thường xuyên nên cơ sở không áp dụng các biện pháp xử lý cụ thể mà chỉ áp dụng các biện pháp giảm thiểu tương đối các tác động này như:

*\* Giảm thiểu tác động khí thải, bụi do các phương tiện giao thông ra vào khu vực siêu thị:*

- Đã thực hiện bê tông hoá các tuyến đường nội bộ, thường xuyên vệ sinh khu vực bãi đỗ xe, đường nội bộ nhằm hạn chế bụi phát sinh.

- Sử dụng dầu diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp, sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ để giảm thiểu ô nhiễm.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

- Bố trí khu vực đỗ xe ra vào cơ sở hợp lý, lắp bảng hạn chế tốc độ khi ra vào cơ sở.

- Không cho nổ máy trong lúc chờ nhập hàng. Không sử dụng các loại xe vận chuyển đã hết hạn sử dụng, không chở quá tải. Sử dụng xe chuyên dụng; kiểm tra, bảo hành xe đúng theo quy định của nhà sản xuất. Điều phối xe hợp lý để tránh tập trung quá nhiều xe hoạt động tại cơ sở cùng thời điểm.

- Vào mùa nắng phun nước sân bãi giảm bụi và hơi nóng do xe vận chuyển ra vào khu vực.

*\* Giảm thiểu tác động do máy phát điện dự phòng:*

Để đảm bảo cho hoạt động kinh doanh, dịch vụ Công ty đã bố trí 02 máy phát điện dự phòng đặt ở 2 khu vực riêng biệt đảm bảo cách âm, không gây ảnh hưởng đến khách hàng đến siêu thị cũng như dân cư xung quanh, nhà đặt máy phát điện được xây dựng riêng biệt. Tại ống xả của máy phát điện được lắp đầu giảm thanh, lắng bụi và nối với ống khói. Ống khói được làm bằng thép không rỉ, chịu nhiệt cao. Khí thải máy phát điện được khuếch tán ra môi trường xung quanh qua ống khói cao 5m.

*\* Giảm thiểu tác động từ khu xử lý nước thải, khu chứa rác:*

- Bố trí các thùng rác ở các khu vực và ký hợp đồng thu gom, xử lý chất thải rắn, không để tồn đọng lâu dẫn đến quá trình phân hủy gây mùi hôi thối ảnh hưởng đến môi trường cục bộ.

- Nơi tập kết chất thải rắn được bố trí cuối hướng gió và thuận tiện trong quá trình thu gom.

- Khu vực xử lý nước thải được thiết kế ngầm và bố trí cách xa khu vực hoạt động mua sắm của Siêu thị, hệ thống xử lý được vận hành đúng theo công nghệ thiết kế, có nhân viên chuyên môn theo dõi. Bùn thải sẽ hợp đồng thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định khi lượng bùn đầy bể chứa để tránh gây ô nhiễm.

- Nạo vét hệ thống thoát nước thường xuyên theo định kỳ tránh tình trạng không tiêu thoát nước và gây mùi hôi thối.

- Đối với mùi từ khu vực chế biến thức ăn: Cơ sở đã lắp đặt 01 hệ thống quạt hút, thông gió bằng inox tại khu vực nấu bếp nhằm điều hoà không khí, tạo bầu không khí trong lành cho nhân viên, giảm thiểu tác động của mùi thức ăn, mùi gas,... đối với sức khỏe nhân viên. Đồng thời, yêu cầu bộ phận nhân viên ở khu vực chế biến thức ăn phải vệ sinh sạch sẽ sau mỗi đợt chế biến thức ăn, đặt biệt là các mặt hàng thịt, cá tươi sống, tránh để tình trạng nước bị ứ đọng phân hủy rác phát sinh mùi hôi gây ô nhiễm môi trường không khí của khu vực cục bộ.

### **3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường**

#### **3.1. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt**

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh thực tế của Cơ sở khoảng 665kg/ngày gồm Chất thải rắn phát sinh từ sinh hoạt của nhân viên siêu thị là 75kg/ngày (94người x 0,8kg/người/ngày) và chất rắn phát sinh từ khách hàng đến siêu thị hàng ngày và từ hoạt động kinh doanh sơ chế, chế biến thức ăn tại các quầy ẩm thực cho thuê ước tính trung bình là 590kg/ngày.

Thiết bị thu gom và lưu chứa: Cơ sở bố trí 23 thùng rác các loại gồm 18 thùng 60 lít bằng nhựa đặt tại một số khu vực trong khuôn viên cơ sở để tiện lợi cho khách hàng và nhân viên tiện bỏ rác vào thùng; 03 thùng loại 660 lít, có nắp đậy và 02 thùng loại 240 lít. Chất thải rắn sinh hoạt Công ty hợp đồng với Công ty Cổ phần công trình đô thị Sóc Trăng thu gom, xử lý hàng ngày.

Khu vực lưu chứa: Chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái chế được lưu chứa vào khu vực lưu chứa có diện tích 27m<sup>2</sup> và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý định kỳ. Đối với chất thải rắn sinh hoạt không có khả năng tái chế chứa trong các thùng chứa được lưu vào khu vực chứa (diện tích 27m<sup>2</sup>) định kỳ chuyển giao cho Công ty Cổ phần công trình đô thị Sóc Trăng thu gom, xử lý 01 lần/ngày.



Hình 3.7. Hình ảnh khu vực thu gom tập trung chất thải rắn

### 3.2. Công trình biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường có khả năng tái chế, tái sử dụng phát sinh thực tế của cơ sở bao gồm các bao bì carton, giấy, bọc nylon,... khoảng 37kg/ngày đêm. Toàn bộ chất thải rắn công nghiệp có thể tái chế sẽ được tập kết trong Kho chứa chất thải tái chế có diện tích 24,8m<sup>2</sup> và định kỳ hàng tuần chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

Đối với chất thải rắn không tái chế: Dầu mỡ được thu từ các thiết bị tách dầu mỡ và bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải ước tính khối lượng phát sinh thực tế khoảng 02 kg/ngày đêm; Toàn bộ chất thải này được lưu giữ tại bể chứa bùn có thể tích là 8,68m<sup>3</sup> bằng BTCT, kích thước (3,1m x 1m x 2,8m). Khi nào lượng bùn đầy bể chứa, Cơ sở sẽ hợp đồng thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

Thiết kế, kết cấu hạng mục kho chứa chất thải tái chế và bể chứa bùn như sau:

- Kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường có khả năng tái



ché, tái sử dụng có kết cấu khung cột Bê tông cốt thép, nền bê tông đá, vách tường và mái tole.

- Bể lưu giữ chất thải rắn không tái chế và bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải có kết cấu xây dựng bằng bê tông cốt thép, có đai đậy kín.

#### **4. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu chất thải nguy hại**

Kho chứa chất thải nguy hại phát sinh sẽ được phân loại, thu gom và lưu chứa trong các thùng nhựa và can nhựa có nắp đậy chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải lưu chứa trong quá trình sử dụng, mỗi thùng tương ứng với từng loại chất thải nguy hại khác nhau và được dán nhãn, tên CTNH, mã CTNH, các thùng chứa được kê trên các ba-lét; kho chất thải nguy hại có biển báo cảnh báo, phân loại theo quy định.

Kho chứa chất thải nguy hại gồm 02 kho:

- Kho 1: Lưu chứa chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động kinh doanh và dịch vụ của siêu thị có diện tích là 6m<sup>2</sup>; Thiết kế, kết cấu của kho bằng bê tông cốt thép, nền lát gạch, cửa sắt tấm kiên cố.

- Kho 2: Lưu chứa chất thải rắn y tế nguy hại của Trung tâm tiêm Vắcxin VNVC có diện tích là 2,4m<sup>2</sup>; Thiết kế, kết cấu của kho bằng khung cột hộp kẽm, vách cửa bằng tôn thép, nền bê tông đá, mái tole đảm bảo tránh nước mưa chảy tràn, có dán bảng tên, có biển cảnh báo và đảm bảo không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn.

Chất thải nguy hại sau khi lưu chứa thì Cơ sở sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Hiện tại Cơ sở đang ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Việt Úc để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với tần suất 01 năm/lần.



Hình 3.8. Kho chất thải nguy hại của Cơ sở



Hình 3.9. Kho chất thải nguy hại của Trung tâm VNVC

Bảng 3.3. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải.	Lỏng	10	17 02 03
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh thải.	Rắn	3	16 01 06
3	Hộp mực in thải có các	Rắn	2	08 02 04

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
	thành phần nguy hại			
4	Pin, ắc quy thải	Rắn	5	16 01 12
5	Chất thải y tế	Rắn	24	-
<b>Tổng số lượng</b>			<b>44</b>	

*Nguồn: Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn – Sóc Trăng, 2024)*

## 5. Công trình, biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tiếng ồn độ rung

\* *Nguồn phát sinh:* Tiếng ồn của siêu thị được xác định từ các nguyên nhân sau:

- Va chạm và ma sát của các dụng cụ xe đẩy.
- Tiếng máy xe ở bãi giữ xe.
- Máy phát điện, dàn giải nhiệt của hệ thống lạnh.
- Thang máy, quạt hút khi hoạt động.
- Hệ thống âm thanh, trò chơi điện tử,...

\* *Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:*

- Công trình Siêu thị Co.opmart Sóc Trăng được thiết kế kín và có lắp đặt các thiết bị làm lạnh thế hệ mới, đạt tiêu chuẩn nên tiếng ồn phát sinh ra môi trường là không đáng kể;

- Hệ thống máy phát điện dự phòng được lắp đặt trong phòng máy riêng và có gắn hệ thống giảm thanh và chỉ hoạt động khi có sự cố mất điện nên trong quá trình hoạt động cũng không gây ảnh hưởng đến môi trường và khách hàng xung quanh.

- Kiểm tra, thay thế hoặc bổ sung các đệm cao su và lò xo chống rung cho nền và thiết bị như: máy phát điện, thiết bị làm lạnh. Đặc biệt là do mật độ và số lượng nhân viên đông nên cơ sở bố trí và xây dựng riêng biệt hệ thống thiết bị lạnh nhằm giảm mức độ ồn cho nhân viên và khách hàng mà còn cách ly an toàn nếu có xảy ra sự cố nổ, vỡ hệ thống làm lạnh.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì và thay thế các bộ phận máy móc bị hỏng hoặc cũ, sử dụng chất bôi trơn cho các trục máy.

- Khi thiết kế công trình, siêu thị đã áp dụng TCXDVN 175-2005: Tiêu chuẩn thiết kế độ ồn tối đa cho phép, hệ thống âm thanh quảng cáo được điều

chính phù hợp.

- Trang bị bảo hộ lao động cần thiết cho nhân viên như nút tai chống ồn, ủng cao su, trang phục bảo hộ...

- Bố trí khu vực để xe ra vào cơ sở hợp lý, các phương tiện khi ra vào cơ sở giảm tốc độ, không bóp còi in ỏi gây mất trật tự.

- Khu vực trò chơi điện tử được thiết kế ở khu vực riêng biệt trên lầu, có lắp vách ngăn bằng kính và lắp thiết bị giảm thanh nhằm giảm thiểu tiếng ồn tác động đến các văn phòng làm việc và khu vực mua bán ảnh hưởng đến chất lượng công việc.

- Trang bị quạt gió; quạt hút đặt tại những vị trí thích hợp (khu vực chế biến thức ăn, các quầy phục vụ thức ăn nhanh,...) để không khí trong khu vực dễ dàng khuếch tán ra môi trường bên ngoài, giảm thiểu tác động của khí thải đối với sức khỏe của mọi người.

## **6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

### **\* Biện pháp phòng chống cháy nổ**

Hoạt động siêu thị là nơi có nguy cơ cao xảy ra sự cố cháy nổ, để hạn chế những rủi ro có thể xảy ra trong quá trình hoạt động, Công ty sẽ phải áp dụng các biện pháp phòng chống sự cố cháy nổ một cách nghiêm ngặt như sau:

- Tổ chức huấn luyện, tuyên truyền giáo dục pháp luật cho nhân viên; Thiết kế hệ thống báo cháy tự động sử dụng các đầu dò khói, còi báo cháy và chữa cháy vách tường bằng hệ thống đầu phun nước tự động (automatic sprinklers) cho nhà xưởng và các khu vực dễ phát sinh cháy.

- Các hạng mục công trình trong Siêu thị phải được nghiệm thu PCCC của cơ quan chức năng trước khi đưa vào sử dụng. Dự án đã được thẩm duyệt PCCC theo giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy. Các thiết bị, hệ thống được trang bị tại dự án cụ thể: Hệ thống báo cháy; Hệ thống chữa cháy tự động; Bình chữa cháy lưu động được bố trí tại các khu vực như phòng máy thiết bị, phòng máy bơm, tại mỗi hộp vòi chữa cháy.

- Thành lập đội PCCC cơ sở để chủ động phối hợp với cơ quan PCCC khi có sự cố xảy ra.

- Tại các khu vực trong Siêu thị đều được trang bị những bình chữa cháy cầm tay, được kiểm tra định kỳ nhằm đảm bảo khả năng dập tắt những đám cháy xảy ra tại từng khu vực.

- Công ty sẽ trang bị 2 máy bơm chữa cháy động cơ điện hoạt động đồng



lượng dòng điện sét xuống các cọc tiếp địa theo đường cáp thoát sét và tản ra nhanh chóng trong đất.

- Thiết bị tự động hoạt động hoàn toàn, không cần bảo trì. Nối đất đơn giản có thể nối vào hệ thống nối đất có sẵn.

- Hệ thống tiếp đất thoát sét phải đạt  $R < 10 \Omega$ ; Hệ thống bao gồm các bộ phận chính: □ Kim thu sét phóng tia tiên đạo sớm □ Trụ đỡ kim loại; Cáp thoát sét chuyên dụng với nhiều lớp bọc chống cảm ứng; Thiết bị đếm sét, ghi lại số lần sét đánh vào kim thu sét; Hộp kiểm tra nối đất; Hệ thống đất tổng trở.

- Thi công hệ thống tiếp đất hạ thế: Hệ thống nối đất được thiết kế để trung hoà, tản dòng điện rò của các tủ phân phối và toàn bộ các thiết bị sử dụng điện khi có sự cố. Hệ thống cọc đất sẽ được kết nối với thanh cái chính của hệ thống nối đất và phân phối cho toàn bộ hệ thống nối đất công trình. Các dây đất sẽ phân phối đến tận các thiết bị chiếu sáng, tủ phân phối, máng cáp, thiết bị, ổ cắm điện... Điện trở của hệ thống nối đất không vượt quá  $4 \Omega$  tại mọi thời điểm trong năm.

**\* Sự cố tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông:**

- Công trình Co.opmart Sóc Trăng có khoảng lùi so với lộ giới đường Hùng Vương khoảng 22,9m, đảm bảo yêu cầu thông thoáng, an toàn cho xe ra vào, đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến đường này, hạn chế đỗ xe ô tô trên đường Hùng Vương.

- Đặt biển báo trước công ra vào siêu thị; Tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức cho nhân viên chấp hành nghiêm túc luật lệ giao thông.

- Bố trí bãi đậu xe trong khu vực siêu thị, tránh ảnh hưởng đến việc lưu thông xe cộ của khu vực.

**\* Sự cố tai nạn lao động:**

- Để đảm bảo vấn đề về an toàn lao động cho nhân viên, cơ sở sẽ thực hiện một số biện pháp sau:

- Thường xuyên tổ chức tập huấn, tuyên truyền cho nhân viên nâng cao ý thức kỷ luật trong lao động. Riêng đối với nhân viên vận hành máy móc, thiết bị phải nắm rõ nguyên tắc hoạt động của thiết bị.

- Đảm bảo sức khỏe cho nhân viên: Tạo môi trường lao động trong lành, không bị ô nhiễm. Trang bị các dụng cụ bảo hộ cho nhân viên (*quần áo, ủng, nón, khẩu trang, bao tay...*). Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho nhân viên.

**\* Sự cố rò rỉ khí gas:**

- Các đường ống dẫn khí gas phải bảo đảm luôn kín, thường xuyên kiểm tra các ống dẫn, các khớp nối và các van. Khi hệ thống dẫn khí gas bị xì mà chưa có biện pháp khắc phục được thì tiến hành phun nước vào nơi khí gas bị xì, tác dụng là lắng tụ khí gas từ dạng khí hòa chung với nước, không để khí gas phát tán nhanh trong không khí gây khó thở, cay mắt đối với khách hàng và nhân viên tại cơ sở.

- Sơ tán người ra khỏi khu vực, ngưng hoạt động các máy móc có nén khí. Cử người kiểm tra sự cố và khắc phục. Bơm sang bình chứa khác, nếu xì ra phòng với số lượng nhiều mở cửa thông thoáng, quạt thổi để pha loãng nồng độ.

**\* An toàn vệ sinh thực phẩm:**

- Cơ sở sẽ thường xuyên kiểm tra công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trong hoạt động kinh doanh, chế biến thực phẩm và vệ sinh ăn uống không để xảy ra ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua từ thực phẩm.

- Hợp đồng với đơn vị cung ứng các loại thực phẩm có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong quá trình bảo quản;

- Không sử dụng các loại gia vị, hương vị bị cấm trong chế biến thức ăn, đảm bảo món ăn an toàn cho khách.

- Đăng ký với Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm Sóc Trăng để được cấp giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm khi công trình đi vào vận hành.

- Xây dựng, áp dụng và duy trì đầy đủ các quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn ATTP ở toàn bộ chuỗi cung cấp thực phẩm, đảm bảo sự vận hành chính xác các tiêu chuẩn, quy chuẩn ở mọi lúc, mọi nơi.

**\* Sự cố hệ thống xử lý nước thải:**

+ *Đối với bể tự hoại:*

- Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu.

- Bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu.

+ *Biện pháp phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải tập trung*

- Tuân thủ nội quy bảo vệ môi trường của siêu thị; Sử dụng điện, nước tiết kiệm.

- Vận hành máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình.

- Kế hoạch kiểm tra, bảo dưỡng đối với công trình, thiết bị hệ thống xử

lý nước thải định kỳ. Biện pháp ứng phó sự cố môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải sẽ được áp dụng tại Cơ sở như sau:

+ Cơ sở đã bố trí các máy bơm nước thải và máy bơm bùn dự phòng. Trong trường hợp máy bơm nước thải và máy bơm bùn bị sự cố không hoạt động, máy bơm dự phòng tự động hoạt động, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải tập trung luôn được vận hành liên tục.

+ Trường hợp hệ thống xử lý nước thải bị sự cố phải ngưng hoạt động hoặc trường hợp chất lượng nước thải đầu ra không đạt quy chuẩn sẽ chuyển nước thải sau xử lý về bể điều hòa, nước thải được lưu chứa trong 24 giờ; sau đó nhanh chóng khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục sự cố đưa hệ thống xử lý nước thải vào vận hành, đảm bảo xử lý nước thải đạt quy chuẩn trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Một số biện pháp khắc phục sự cố cơ bản trong quá trình vận hành hệ thống xử lý như sau:

+ Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo hệ thống xử lý nước thải được vận hành ổn định, đạt hiệu quả.

+ Thường xuyên kiểm tra hoạt động của công trình xử lý nước thải, hoạt động thường xuyên, không quá tải, vận hành hệ thống xử lý đúng quy trình.

+ Hệ thống xử lý nước thải có bố trí nhân viên trực và tuân thủ đúng quy trình vận hành. Có hướng dẫn phòng ngừa và ứng phó khi xảy ra sự cố.

## **7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có)**

Không có

## **8. Các nội dung thay đổi so với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.**

Trong quá trình triển khai xây dựng và hoạt động của cơ sở, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại Sài Gòn – Sóc Trăng có điều chỉnh thay đổi một số chức năng hạng mục của công trình để phù hợp, tiện lợi cho hoạt động kinh doanh dịch vụ như sau:



### 8.1. Nội dung thay đổi chức năng hạng mục công trình

Bảng 3.4. Các nội dung thay đổi về chức năng hạng mục công trình so với Báo cáo ĐTM được phê duyệt

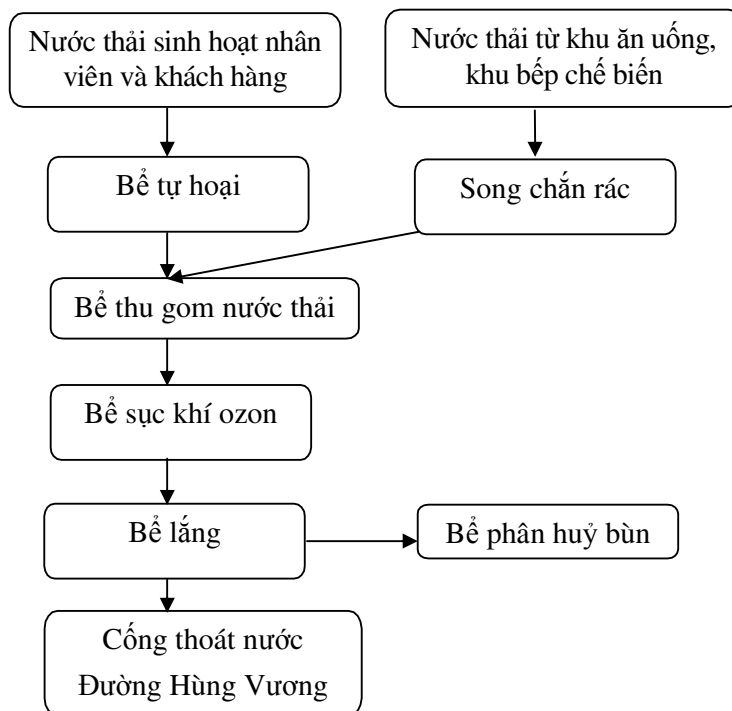
STT	Số tầng	Nội dung theo Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Quyết định số 134/QĐHC-CTUBND ngày 12/02/2010		Hiện trạng	
		Diện tích	Công năng sử dụng	Diện tích	Công năng sử dụng
1	Tầng hầm	2.880 m <sup>2</sup>	Phòng điện trung tâm Phòng Trạm biến áp Phòng máy phát điện dự phòng Phòng bảo trì Phòng máy bơm Phòng Bảo vệ và kiểm soát báo cháy Bãi đậu xe Sảnh và giao thông bên trong	0	
2	Tầng trệt	3.569 m <sup>2</sup>	Khu siêu thị tự chọn Khu shop cho thuê Khu điện máy Khu Foodcourt Khu bếp chế biến		<b>Khối toà nhà công trình chính (khối siêu thị 3 tầng)</b> Khu siêu thị tự chọn Khu shop cho thuê Trung tâm tiêm chủng VNVC Khu Foodcourt

STT	Số tầng	Nội dung theo Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Quyết định số 134/QĐHC-CTUBND ngày 12/02/2010		Hiện trạng	
		Diện tích	Công năng sử dụng	Diện tích	Công năng sử dụng
			Kho trung chuyển và sảnh nhập hàng Khu vệ sinh khách Sảnh và giao thông bên trong và bên ngoài siêu thị, cầu thang		Khu bếp chế biến Kho trung chuyển và sảnh nhập hàng Kho chất thải nguy hại 1 Khu vệ sinh khách hàng Sảnh và giao thông bên trong và bên ngoài siêu thị, cầu thang <i>Các công trình phụ trợ riêng lẻ</i> Khu Shop 1,2 và kho hàng công nghệ và hoá mỹ phẩm Khu vận hành (phòng bảo vệ; kho vật tư; trạm biến áp; trạm điện trung tâm; máy phát điện 1 và 2, phòng máy bơm). Bãi xe 1,2 Hệ thống xử lý nước thải Kho chứa chất thải nguy hại 2 Kho tập kết chất thải rắn sinh hoạt Kho bao bì; Kho chứa hàng lỗi Sảnh và giao thông

STT	Số tầng	Nội dung theo Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Quyết định số 134/QĐHC-CTUBND ngày 12/02/2010		Hiện trạng	
		Diện tích	Công năng sử dụng	Diện tích	Công năng sử dụng
3	Tầng lầu 1	3.591 m <sup>2</sup>	Khu siêu thị tự chọn Khu shop + kho Khu game + thiếu nhi Khu nhà sách; Khu Foodcourt Khu vệ sinh khách Sảnh và giao thông, cầu thang	3.591 m <sup>2</sup>	Khu siêu thị tự chọn Khu shop + kho Khu game + thiếu nhi Khu nhà sách Khu vệ sinh khách; Sảnh và giao thông, cầu thang
4	Tầng lầu 2	3.605 m <sup>2</sup>	Khu văn phòng quản lý; Khu vệ sinh Khu nội trú; Nhà hàng, tiệc cưới Phòng chiếu phim 1,2 Khu văn phòng nhà hàng, rạp phim Khu nhà hàng; Khu giải khát; Kho Sảnh, giao thông, cầu thang	3.605 m <sup>2</sup>	Khu văn phòng quản lý Kho hàng Khu vệ sinh Hành lang giao thông, cầu thang

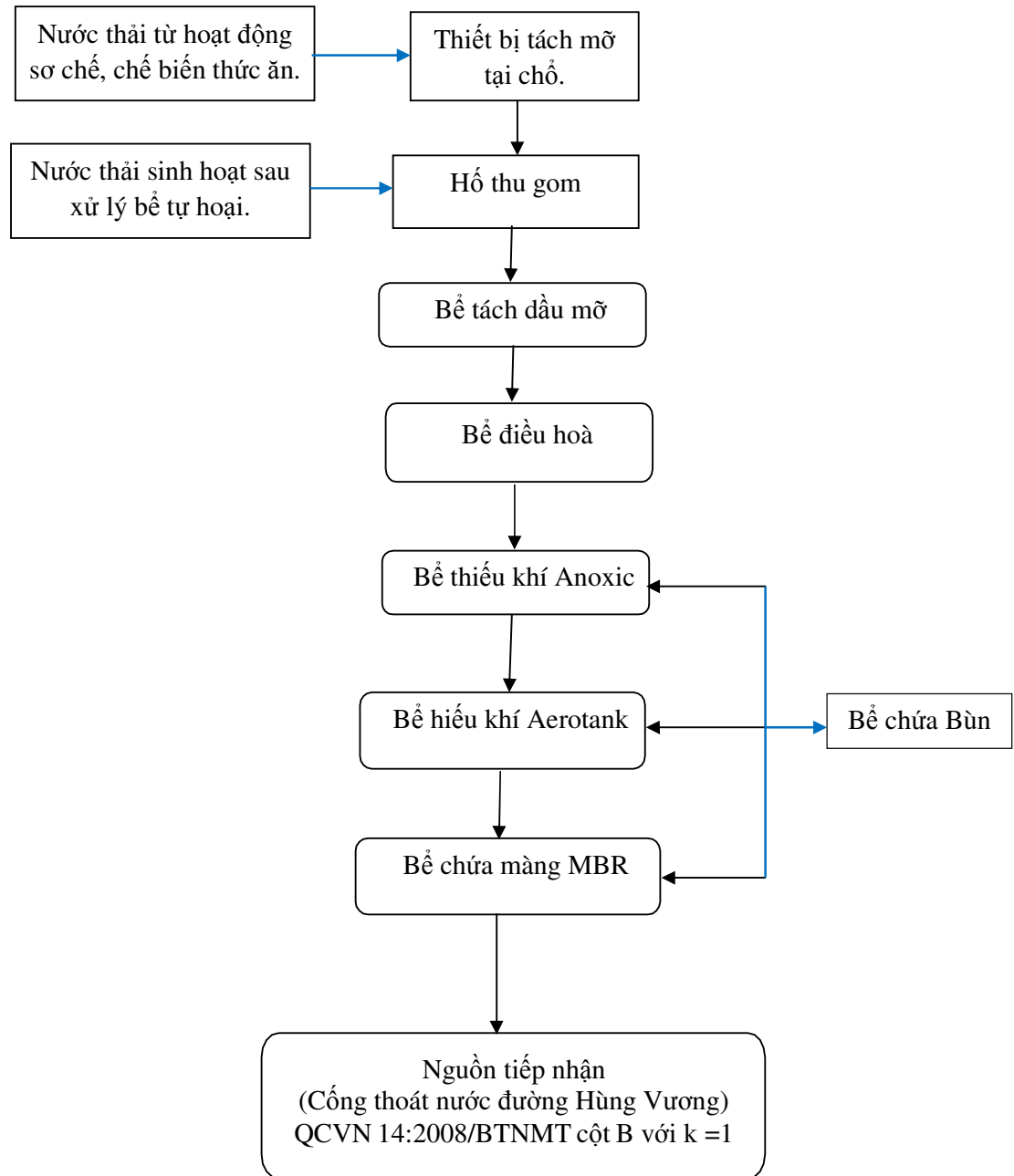
## 8.2 Thay đổi công nghệ xử lý nước thải

a. Quy trình công nghệ Hệ thống xử lý nước thải theo Nội dung của Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Quyết định số 134/QĐHC-CTUBND ngày 12/02/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng như sau:



Hình 3.10. Quy trình công nghệ xử lý nước thải theo ĐTM đã được phê duyệt

b. Quá trình Cơ sở đi vào hoạt động để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải Đơn vị đã đầu tư Hệ thống xử lý nước thải với công nghệ tiên tiến xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học yếm khí và kỵ khí kết hợp với màng lọc MBR. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải như sau:



Hình 3.11. Quy trình công nghệ xử lý nước thải hiện trạng

## 9. Các nội dung thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp

Cơ sở đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng phê cấp Quyết định số 134/QĐHC-CTUBND ngày 12/02/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê chuẩn Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư Siêu thị Co.opMart Sóc Trăng của Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – Sóc Trăng và Công văn số 1167/STNMT-MT ngày 12/09/2016 của Sở Tài nguyên và Môi

trường tỉnh Sóc Trăng về việc điều chỉnh nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư Siêu thị Co.opMart Sóc Trăng; cơ sở chưa được cấp giấy phép môi trường.

## Chương IV

### NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

#### 1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

##### 1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt là 45 m<sup>3</sup>/ngày đêm;
- Nguồn số 02: Nước thải từ khu vực sơ chế, chế biến thức ăn là 7,5m<sup>3</sup>/ngày đêm.

##### 1.2. Lưu lượng xả nước thải

Tổng lưu lượng xin phép xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép của Nguồn số 01 và Nguồn số 02 là 70m<sup>3</sup>/ngày đêm, tương đương khoảng 03m<sup>3</sup>/giờ.

##### 1.3 Dòng nước thải

Dòng thải gồm 01 dòng nước thải sau xử lý xả vào nguồn tiếp nhận, chế độ xả thải liên tục 24 giờ/ngày đêm

##### 1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải (theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (giá trị C, cột B, hệ số áp dụng K= 1); cụ thể như sau:

**Bảng 4.1. Giới hạn thông số ô nhiễm theo dòng nước thải**

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B
1	pH		5 - 9
2	BOD <sub>5</sub> 20°C	mg/L	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	1000
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/L	4
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	10

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B
7	Nitrat ( $\text{NO}_3^-$ ) (tính theo N)	mg/L	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	10
10	Phosphat ( $\text{PO}_4^{3-}$ ) (tính theo P)	mg/L	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100mL	5.000

### 1.5. Vị trí xả nước thải, Phương thức xả nước thải vào nguồn tiếp nhận nước thải

- Vị trí xả nước thải: Hồ ga thu gom nước thải chung khu vực cơ sở thuộc tuyến đường Hùng Vương, phường 6, thành phố Sóc Trăng

- Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ VN 2000, kinh tuyến trục  $105^0$ , múi chiều  $3^0$ ): X=1063027; Y=551309.

- Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn theo quy định sẽ được dẫn vào hồ ga thoát nước thải bên trong cơ sở bằng ống nhựa PVC  $\Phi 60$  có chiều dài 102,5m (hố ga được tách riêng với với hố ga tiếp nhận nước mưa). Hồ ga này phục vụ cho công tác quan trắc nước thải, có tọa độ X=1063027; Y=551309.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung khu vực cơ sở thuộc tuyến đường Hùng Vương và thoát ra Sông Maspero thuộc khu vực phường 6, thành phố Sóc Trăng.

## 2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Do nguồn khí thải phát sinh có tính chất phân tán và tải lượng thấp, không ảnh hưởng đáng kể đến môi trường. Do đó, Cơ sở không đề nghị cấp phép nội dung này.

## 3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

### 3.1 Nguồn phát sinh

- Nguồn số 01: Khu vực máy phát điện dự phòng 1 có công suất 550kVA; Khu vực máy phát điện dự phòng 2 có công suất 80kVA. Nguồn phát sinh không thường xuyên, chỉ sử dụng khi mất điện.



- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ khu vực bãi giữ xe, quạt hút, motor điện, hệ thống âm thanh, khu trò chơi, khu vực xử lý nước thải,... phát sinh rãi rác không có điểm tập trung.

### 3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Khu vực đặt máy phát điện dự phòng, khu vực bãi giữ xe, quạt hút, motor điện, hệ thống âm thanh, khu trò chơi, khu vực xử lý nước thải.

**3.3. Tiếng ồn độ rung phải đảm bảo Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:** 70 dBA theo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; cụ thể như sau:

**Bảng 4.2. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, độ rung**

Thông số	Đơn vị	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	Áp dụng theo quy chuẩn
Độ ồn	dBA	70	55	QCVN 26:2010/BTNMT
Độ rung	dB	70	60	QCVN 27:2010/BTNMT

## CHƯƠNG V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Trong quá trình hoạt động Siêu thị Co.opmart Sóc Trăng đều thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ theo kế hoạch quan trắc hàng năm. Kết quả quan trắc và phân tích mẫu nước thải sau xử lý tập trung trong năm 2022 của Cơ sở được thể hiện qua bảng sau:

Kết quả quan trắc nước thải năm 2022:

**Bảng 5.1. Kết quả quan trắc nước thải năm 2022**

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả			QCVN 14/2008/ BTNMT (Cột B, k=1)
			Tháng 3/2022	Tháng 9/2022	Tháng 12/2022	
1	pH	mg/l	7,65	6,75	6,65	5 - 9
2	BOD <sub>5</sub> 20°C	mg/l	20,2	< 3	4,81	50
3	TSS	mg/l	40	KPH	11,8	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	540	560	145	1.000
5	Sulfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	KPH	KPH	KPH	4
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	KPH	KPH	0,017	10
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	13,5	30	39,4	50
8	Dầu mỡ động, thực vật		0,2	KPH	0,531	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	-	KPH	KPH	10
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	2,4	1,92	3,9	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100mL	4,3 x 10 <sup>2</sup>	KPH	1,5 x 10 <sup>3</sup>	5.000

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn – Sóc Trăng, 2024)

Qua bảng tổng hợp kết quả phân tích chất lượng nước thải sau khi xử lý ở bảng trên cho thấy, hầu hết các chỉ tiêu phân tích đều đạt dưới mức cho phép của quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải

sinh hoạt, giá trị C cột B với hệ số K = 1.

**Bảng 5.2. Kết quả quan trắc nước thải năm 2023**

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả				QCVN 14/2008/ BTNMT (Cột B, k=1)
			Tháng 3/2023	Tháng 6/2023	Tháng 9/2023	Tháng 12/2023	
1	pH	mg/l	7,45	7,3	7.55	7,25	5 - 9
2	BOD <sub>5</sub> 20°C	mg/l	1,54	2,47	2,96	3,75	50
3	TSS	mg/l	7,6	2,4	3,45	24	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	835	645	620	870	1.000
5	Sulfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	4
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	0,031	0,034	KPH	0,007	10
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	6,14	5,09	3,02	27,5	50
8	Dầu mỡ động, thực vật		0,424	0,335	0,406	KPH	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	KPH	KPH	<0,022	0,9	10
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	2,21	0,442	2,43	2,9	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100mL	9 x 10 <sup>0</sup>	4 x 10 <sup>0</sup>	2,4 x 10 <sup>2</sup>	7,9 x 10 <sup>2</sup>	5.000

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn – Sóc Trăng, 2024)

Kết quả phân tích nước thải sau xử lý trong năm 2022 và năm 2023 cho thấy, tất cả các chỉ tiêu phân tích nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải siêu thị Co.opmart Sóc Trăng đều đạt mức giới của QCVN 14:2008/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, giá trị C cột B với hệ số K = 1. Qua đó, cho thấy hoạt động của hệ thống xử lý nước thải của cơ sở ổn định và xử lý hiệu quả. Cơ sở tiếp tục duy trì hoạt động quản lý và xử lý nước thải đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định

## 2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

Cơ sở miễn giám sát chất lượng môi trường không khí theo Công văn số 1167/STNMT- MT ngày 12/9/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc điều chỉnh nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư Siêu thị Co.opmart Sóc Trăng.

## CHƯƠNG VI

### CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

#### 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Siêu thị Co.opmart Sóc Trăng đã đi vào hoạt động ổn định và được cấp Giấy xác nhận số 09/GXN-STNMT ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận hoàn thành việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường, do đó không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

#### 2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

##### 2.1. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ

###### a) Giám sát nước thải

- Vị trí quan trắc nước thải: Tại hố ga đầu nối vào hệ thống thoát nước chung thuộc khu vực đường Hùng Vương, thành phố Sóc Trăng.

- Tọa độ thu mẫu: Hệ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^0$ , múi chiều  $3^0$  đo được như sau: X = 1063027; Y = 551309.

- Tần suất quan trắc: 01 lần/năm.

- Thông số quan trắc: pH, BOD<sub>5</sub>, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Sunfua (tính theo H<sub>2</sub>S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO<sub>3</sub><sup>-</sup>) (tính theo N), Dầu mỡ động thực vật, Phosphat (PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>) (tính theo P), Tổng Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, giá trị C cột B với hệ số K = 1.

###### b. Giám sát chất thải rắn

- Giám sát việc bố trí các thùng rác thu gom chất thải rắn sinh hoạt trong siêu thị và tại điểm tập kết rác sinh hoạt; Giám sát quá trình thu gom rác sinh hoạt của nhân viên tại siêu thị để từ đó có phương án điều chỉnh; Giám sát Khu tập kết rác sinh hoạt của dự án có bố trí đúng quy hoạch, khu vực gọn gàng, sạch sẽ hay không và Giám sát việc thực hiện hợp đồng thu gom chất thải rắn của đơn vị chức năng, tần suất thu gom, tổng lượng thu gom.

- Tần suất: Thực hiện mỗi ngày.

- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải rắn và các thùng rác thu gom trong siêu thị.

Ngoài ra cơ sở còn thực hiện các các hoạt động giám sát khác như: Giám sát về an toàn trong sử dụng điện, rủi ro cháy nổ, an toàn lao động trong việc

vận chuyên hàng hoá trong siêu thị.

## 2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Siêu thị Co.opmart Sóc Trăng không thuộc nhóm đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

## 2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.

Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động liên tục đối với nước thải theo quy định Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

## 3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hàng năm

Kinh phí đầu tư cho hoạt động giám sát môi trường hàng năm của Siêu thị Co.opmart Sóc Trăng dự tính như sau:

**Bảng 6.1. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm**

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	pH	Mẫu	1	71.705	71.705
2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	1	259.100	259.100
3	TSS	Mẫu	1	307.773	307.773
4	Chất rắn hòa tan	Mẫu	1	61.448	61.448
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	Mẫu	1	209.177	209.177
6	Amoni (tính theo N)	Mẫu	1	210.935	210.935
7	Nitrat (tính theo N)	Mẫu	1	323.319	323.319
8	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	1	514.416	514.416
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Mẫu	1	465.263	465.263
10	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính	Mẫu	1	331.298	331.298

Báo cáo đề xuất cấp GPMT cơ sở Siêu thị Co.opMart Sóc Trăng

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	theo P)				
11	Coliforms	Mẫu	1	402.697	402.697
	<b>Tổng Cộng</b>				<b>3.157.500</b>

Chi phí phân tích mẫu phục vụ cho hoạt động giám môi trường định kỳ hàng năm khoảng **3.200.000** đồng (Đơn giá theo Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 27/03/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng).

## **CHƯƠNG VII**

### **KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Trong quá trình hoạt động Công ty TNHH một thành viên Thương mại Sài Gòn – Sóc Trăng luôn tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và Triển khai thực hiện các nội dung theo hồ sơ Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Đơn vị có tiếp một Đoàn kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền trong năm 2022.

Kết quả kiểm tra cho thấy Công ty TNHH một thành viên Thương mại Sài Gòn – Sóc Trăng thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường tại cơ sở như thu gom và xử lý chất thải đảm bảo theo quy định; hoạt động xử lý nước thải được đảm bảo ổn định, an toàn.

## **CHƯƠNG VIII**

### **CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương Mại Sài Gòn – Sóc Trăng cam kết:

- Cam kết về tính chính xác trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.

- Công tác quản lý môi trường, kiểm soát ô nhiễm môi trường và an toàn lao động sẽ được ưu tiên hàng đầu trong suốt quá trình hoạt động của dự án.

- Trong quá trình hoạt động, Chủ dự án cam kết sẽ thực hiện chương trình quản lý và kiểm soát ô nhiễm môi trường của Cơ sở như đã đề xuất trong hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường của dự án.

- Cam kết xử lý nước thải phát sinh tại cơ sở đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Giá trị C cột B, k = 1) trước khi xả thải ra môi trường.

- Cam kết thực hiện Quản lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt đúng theo quy định của pháp luật.

- Cam kết thực hiện chương trình Quản lý và Giám sát môi trường định kỳ theo quy định của pháp luật về Bảo vệ môi trường; Quan trắc các điều kiện vi khí hậu trong môi trường làm việc theo quy định của ngành y tế

- Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường do các sự cố môi trường xảy ra trong quá trình hoạt động của Cơ sở./.



## PHỤ LỤC

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
3. Quyết định thuê đất và Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất;
4. Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của dự án;
5. Văn bản chấp thuận điều chỉnh nội dung Báo cáo ĐTM của dự án;
6. Giấy xác nhận Hoàn thành công trình bảo vệ môi trường;
7. Giấy phép xây dựng
8. Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế và Biên bản kiểm tra PCCC;
9. Sổ đăng ký Chủ nguồn thải nguy hại;
10. Hợp đồng thu gom chất thải sinh hoạt và Chất thải rắn nguy hại;
11. Hoá đơn tiền điện; hoá đơn tiền nước;
12. Phiếu kết quả phân tích môi trường 2022 và 2023
13. Quyết định số 1075/QĐ-UBND ngày 4/5/2023 Về khả năng tiếp nhận nước thải và sức chịu tải của các sông chính;
14. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;
15. Bản vẽ mặt bằng và Bản vẽ hoàn công trình xử lý nước thải.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
TỈNH SÓC TRĂNG  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

**Mã số doanh nghiệp: 2200271882**

*Đăng ký lần đầu: ngày 03 tháng 04 năm 2007*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 10, ngày 03 tháng 08 năm 2023*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - SÓC TRĂNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAIGON - SOCTRANG TRADING ONE MEMBER COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY SASOCO

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

06 Hùng Vương, Phường 6, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

Điện thoại: 0299 3640131

Fax: 0299 3640134

Email: [emsoctrang@coopmart.vn](mailto:emsoctrang@coopmart.vn)

Website:

**3. Vốn điều lệ : 29.000.000.000 đồng.**

*Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ đồng*

**4. Thông tin về chủ sở hữu**

Tên tổ chức: LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI TP. PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 0301175691

Ngày cấp: 22/03/1999 Nơi cấp: Phòng ĐKKD Phòng ĐKKD TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ trụ sở chính: Số 199-205 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: **TRẦN LÂM HỒNG**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch Công ty*

Sinh ngày: *23/03/1967* Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *030067013766*

Ngày cấp: *10/05/2021* Nơi cấp: *Cục cảnh sát QLHC về TTXH*

Địa chỉ thường trú: *674/2D Xã Việt Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *25.04A Parkson Hùng Vương, 126 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

**KT. TRƯỜNG PHÒNG**

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



*Trần Lâm Hồng*

*Thành phố Hồ Chí Minh*

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ**

Số: 59121000069

Chứng nhận lần đầu, ngày 22 tháng 10 năm 2009

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND, ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đầu tư, ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP, ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 124/2008/NĐ-CP, ngày 11/12/2008 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 149/2005/NĐ-CP, ngày 08/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Quyết định số 47/2006/QĐ-UBND, ngày 22/12/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định chính sách khuyến khích và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Xét bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - Sóc Trăng gửi ngày 12/10/2009,

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

Chứng nhận: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - SÓC TRĂNG**

Trụ sở: Thửa đất số 99 Hùng Vương, phường 6, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 2200271882 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 03/4/2007.

Đại diện bởi: Đoàn Văn Hình

Chức danh: Chủ tịch HĐQT.

Sinh năm: 1953.

Dân tộc: Kinh.

Quốc tịch: Việt Nam.

Chứng minh nhân dân số: 020561861.

Ngày cấp: 07/01/2002.

Nơi cấp: Công an TP. Hồ Chí Minh.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 136 Bis/8 Lý Chính Thắng, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện tại: Số 136 Bis/8 Lý Chính Thắng, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1. Tên dự án đầu tư: SIÊU THỊ CO.OPMART SÓC TRĂNG.

Điều 2. Mục tiêu và quy mô của dự án: Xây dựng trung tâm thương mại, dịch vụ siêu thị 3 tầng. Diện tích đất dự kiến sử dụng 9.197m<sup>2</sup>.

Điều 3. Địa điểm thực hiện dự án: Thửa đất số 99 Hùng Vương, phường 6, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Điều 4. Tổng vốn đầu tư: 80.697.140.000 đồng (tám mươi tỷ, sáu trăm chín mươi bảy triệu, một trăm bốn mươi ngàn đồng).

Điều 5. Tiến độ thực hiện dự án:

- Khởi công xây dựng: Từ tháng 9/2009.

- Chính thức hoạt động: Tháng 10/2010.

Điều 6. Thời hạn thực hiện dự án: 49 năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Điều 7. Các ưu đãi đối với dự án:

- Hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20% (hai mươi phần trăm) được áp dụng trong 10 (mười) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 (hai) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% (năm mươi phần trăm) số thuế phải nộp cho 04 (bốn) năm tiếp theo.

- Được xem xét miễn, giảm thuế nhập khẩu theo Nghị định số 149/2005/NĐ-CP, ngày 08/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu.

Điều 8. Giấy chứng nhận đầu tư được lập thành 02 (hai) bản gốc, 01 bản cấp cho Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - Sóc Trăng và 01 bản lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v điều chỉnh Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 22/7/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Sài Gòn Sóc Trăng thuê 9.155,1 m<sup>2</sup> đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng siêu thị**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 94/2011/TT-BTC ngày 29/6/2011 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30/12/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng (Tờ trình số 1006/STNMT-ĐĐ ngày 30/8/2013),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh nội dung về giá cho thuê đất tại Điều 1 Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 22/7/2009 của Ủy ban nhân dân Sóc Trăng về việc cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Sài Gòn Sóc Trăng thuê 9.155,1 m<sup>2</sup> đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng siêu thị, cụ thể như sau:

“Giá cho thuê đất: Áp dụng theo quy định hiện hành”.

**Điều 2.** Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng xác định giá đất tính thu tiền thuê đất đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Sài Gòn Sóc Trăng theo quy định hiện hành; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Sài Gòn Sóc Trăng căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chi cục Thuế TPST;
- Lưu: HC, KT.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



# GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỬ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

T. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN  
THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - SÓC TRĂNG**

Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất số: 22/00271/882, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 01/7/2015 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 06, đường Trưng Vương, Phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

CG 680908

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ký và đóng dấu trong Giấy chứng nhận; trừ bị một hoặc nhiều trong các trường hợp pháp luật quy định; cơ quan cấp Giấy



9 4 3 1 5 0 7 7 0 0 1 0 3 3





### QUYẾT ĐỊNH

V/v phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư Siêu thị Co.opMart Sóc Trăng của Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – Sóc Trăng.

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND, ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường, ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP, ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Theo Biên bản số 36/BB.HĐTĐ.09, ngày 20/11/2009 của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường tỉnh Sóc Trăng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, tỉnh Sóc Trăng,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư Siêu thị Co.opMart Sóc Trăng của Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – Sóc Trăng đã được Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường tỉnh thông qua tại Biên bản số 36/BB.HĐTĐ.09, ngày 20/11/2009 và những nội dung bổ sung theo yêu cầu.

**Điều 2.** Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – Sóc Trăng có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

- Thu gom, xử lý chất thải rắn, xử lý khí thải, tiếng ồn theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 14:2008-Cột B) trước khi thải ra môi trường.

- Đối với chất thải nguy hại phải thực hiện đúng quy định theo Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT, ngày 26/12/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn điều kiện hành nghề và thủ tục lập hồ sơ, đăng ký, cấp phép hành nghề, mã số quản lý chất thải nguy hại và Quyết định số 23/2006/QĐ-BTNMT, ngày 26/12/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Danh mục chất thải nguy hại.

- Thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, chương trình giám sát môi trường đúng theo nội dung báo cáo được phê duyệt và có trách nhiệm báo cáo định kỳ với cơ quan nhà nước chức năng.

Điều 3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc trên là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường kiểm tra việc bảo vệ môi trường tại Siêu thị Co.opMart Sóc Trăng.

Điều 4. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, nếu có thay đổi về nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – Sóc Trăng phải báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Điều 5. Ủy nhiệm Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, giám sát việc bảo vệ môi trường trong quá trình đầu tư xây dựng và sau khi hoàn thành, đưa Siêu thị Co.opMart Sóc Trăng đi vào hoạt động.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng và Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – Sóc Trăng căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Lưu: NC, VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Trần Thành Nghiệp*

UBND TỈNH SÓC TRĂNG  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 467/STNMT-MT

Sóc Trăng, ngày 12 tháng 9 năm 2016

V/v điều chỉnh nội dung báo cáo đánh giá  
tác động môi trường của dự án đầu tư  
Siêu thị Co.opmart Sóc Trăng



Kính gửi: Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn - Sóc Trăng.

Căn cứ Quyết định số 134/QĐHC-CTUBND ngày 12/02/2010 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư Siêu thị Co.opMart Sóc Trăng của Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn-Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 1483/QĐ-UBND ngày 06/7/2015 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc ủy quyền Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng thực hiện một số nhiệm vụ trong xét duyệt và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, để án bảo vệ môi trường chi tiết thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh Sóc Trăng;

Qua xem xét Công văn số 84/VT ngày 17/08/2016 của Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn - Sóc Trăng (sau đây gọi là Công ty) về việc xin miễn giám sát môi trường không khí xung quanh.

Sở Tài nguyên và Môi trường trả lời như sau:

1. Chấp thuận cho Công ty miễn thực hiện giám sát chất lượng không khí trong chương trình giám sát môi trường theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 134/QĐHC-CTUBND ngày 12/02/2010 của UBND tỉnh Sóc Trăng.

2. Công ty có trách nhiệm thực hiện đúng, đầy đủ nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, điều chỉnh, đồng thời thực hiện nghiêm các biện pháp bảo vệ môi trường, xử lý chất thải đạt quy chuẩn môi trường quy định trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.

Công văn này thay thế công văn số 1095/HĐTĐ-MT ngày 08/9/2014 của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường về việc điều chỉnh nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - Sóc Trăng. *Am*

Nơi nhận:  
- Như trên;  
- Lưu VT.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC *TSL*



*Tranh*  
ThS. Trần Văn Chánh



UBND TỈNH SÓC TRĂNG  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
Số 576/KCN-STNMT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sóc Trăng, ngày 15 tháng 5 năm 2012

### GIẤY XÁC NHẬN

Việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường  
của Dự án đầu tư siêu thị Coopmart Sóc Trăng

### GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số Điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số: 40/2008/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ kết quả kiểm tra việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư siêu thị Coopmart Sóc Trăng thực hiện vào ngày 18/4/2012;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,

### XÁC NHẬN

**Điều 1.** Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - Sóc Trăng đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư siêu thị Coopmart Sóc Trăng sau đây:

1. Đã xây dựng, đưa vào vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải với công suất thiết kế 70 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý nước thải khu ăn uống, chế biến thức ăn; kết quả phân tích chất lượng nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn môi trường quy định (QCVN 14:2008, giá trị C, cột B Quy chuẩn về nước thải sinh hoạt) trước khi thải ra đường thoát nước chung của thành phố (kèm phiếu kết quả).

2. Đã xây dựng, đưa vào sử dụng bể tự hoại để xử lý nước thải nhân viên, khách hàng và đầu nối đưa vào hệ thống xử lý nước thải với công suất thiết kế 70 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý trước khi thải ra đường thoát nước chung của thành phố.

3. Đã xây dựng, đưa vào sử dụng hệ thống thu gom, thoát nước thải, nước mưa.

4. Xây dựng kho chứa và dán biển cảnh báo chất thải nguy hại; trang bị các thùng chứa rác thải sinh hoạt, kho tập kết và hợp đồng với Công ty Công trình đô thị vận chuyển đổ bãi rác tập trung.

5. Đã đầu tư xây dựng phòng máy cách âm máy phát điện dự phòng để hạn chế phát sinh tiếng ồn cho khu vực xung quanh.

6. Có trang bị dụng cụ, hệ thống phòng cháy chữa cháy theo yêu cầu của Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy.

7. Có thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ.

**Điều 2.** Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - Sóc Trăng có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Tự chịu trách nhiệm đối với các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã thực hiện có thay đổi, điều chỉnh so với báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt đã nêu tại Điều 1 Giấy xác nhận này, đảm bảo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường hiện hành.

2. Vận hành các công trình xử lý chất thải đã nêu tại Điều 1 Giấy xác nhận này theo đúng thiết kế, đảm bảo các qui trình, quy phạm kỹ thuật.

3. Tiếp tục thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, đảm bảo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường hiện hành.

4. Chủ động xử lý, khắc phục kịp thời các sự cố và các tình huống bất lợi xảy ra gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường trong suốt quá trình hoạt động và báo cáo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các cơ quan nhà nước liên quan khác để được hướng dẫn, hỗ trợ.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo qui định của pháp luật hiện hành.

**Điều 3.** Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký./.

**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nơi nhận:**

- Cty TNHH TM SG-ST;
- Phòng PC49; Phòng TNMT TPST;
- Chỉ cục, TTr Sở;
- Lưu: VT,



ThS. Trần Văn Chánh

**GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**  
**(Gia hạn lần 01)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Xét Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn - Sóc Trăng ngày 01/7/2021 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng (Công văn số 1767/STNMT-NKS ngày 14/7/2021),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn - Sóc Trăng, địa chỉ số 06 Hùng Vương, Phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng được xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: Sông Maspero (thông qua hệ thống thoát nước tập trung của thành phố) thuộc Phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

2. Vị trí xả nước thải:

- Tại Siêu thị Co.opMart Sóc Trăng (Số 06 Hùng Vương, Phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng).

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , vĩ chiều  $6^{\circ}$ ): X = 1062358; Y = 515599.

3. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn cho phép theo quy định sẽ tự chảy theo đường ống nhựa (đường kính 250 mm) vào hố gas phía trước siêu thị; sau đó nước thải theo đường cống bê tông (đầu nổi vào hệ thống thoát nước chung của thành phố) chảy vào nguồn tiếp nhận.

4. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24 giờ/ngày đêm.

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:  $68 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ ;  $2,83 \text{ m}^3/\text{h}$ .

6. Chất lượng nước thải: Áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT) ban hành kèm theo Quyết định số 16/2008/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (giá trị C cột B), hệ số áp dụng  $K = 1$ .

Giới hạn các thông số và nồng độ chất ô nhiễm chính có trong nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
1	pH	-	5 - 9
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	50
3	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
6	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4.0
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/l	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
10	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	19,8
11	Tổng Coliforms	MPN/100mL	5.000

7. Thời hạn của giấy phép: Đến ngày 04/10/2024.

**Điều 2.** Các yêu cầu đối với Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn - Sóc Trăng:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Thực hiện quan trắc nước thải và nước nguồn tiếp nhận, cụ thể:

- Vị trí quan trắc: Thực hiện như trong sơ đồ vị trí lấy mẫu (kèm theo Báo cáo xả nước thải vào nguồn nước của Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn - Sóc Trăng).

- Quan trắc lưu lượng nước thải: Lắp đặt đồng hồ đo và xác định được lưu lượng nước thải thực tế theo ngày, tháng và năm.

- Quan trắc chất lượng nước thải sau khi xử lý: Tần suất quan trắc 03 tháng/lần; thông số quan trắc theo quy định tại QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Quan trắc chất lượng nước nguồn tiếp nhận: Tần suất quan trắc 06 tháng/lần, thông số quan trắc theo quy định tại QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

3. Hạn  
tổng hợp báo  
và Môi trường  
tư số 31/

3. Hằng năm (trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo năm báo cáo), tổng hợp báo cáo hoạt động xả nước thải vào nguồn nước, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường (nội dung của Báo cáo thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội dung, biểu mẫu báo cáo tài nguyên nước).

4. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và các cam kết trong Báo cáo.

**Điều 3.** Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn - Sóc Trăng được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 66/GP-UBND ngày 04/10/2018 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn - Sóc Trăng còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Cty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn - Sóc Trăng;
- Cục Quản lý TNN (Bộ TN&MT);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND TP. ST;
- Lưu: VT, KT.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Vương Quốc Nam





**THÀNH SÓC TRĂNG**  
**SỞ XÂY DỰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**  
Số: 21 /GPXD

**SAO Y BẢN CHÍNH**

1. Cấp cho: Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - Sóc Trăng.
  - Người đại diện: ông Ngô Ngọc Dũng - chức vụ: Giám đốc.
  - Địa chỉ: số 06 Hùng Vương, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.
2. Được phép xây dựng công trình theo những nội dung sau:
  - Tên công trình: Siêu thị Co.opmart Sóc Trăng.
  - Vị trí xây dựng: Thửa đất số 99, tờ bản đồ số 17, đường Hùng Vương, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.
  - Cốt nền xây dựng công trình:
    - + Cốt mặt sân hoàn thiện: ±0,000;
    - + Cốt nền tầng trệt hoàn thiện: +0,500;
    - + Cốt đỉnh mái hoàn thiện: +16,600.
  - Chi giới đường đỏ: Cách trục đường Hùng Vương 15,2m.
  - Chi giới xây dựng: Cách chi giới đường đỏ 22,8m.
  - Diện tích khu đất: 9.155,1m<sup>2</sup>.
  - Diện tích xây dựng siêu thị + khối phụ trợ: 4.174m<sup>2</sup>.
  - Tổng diện tích sàn xây dựng: 10.873m<sup>2</sup>.
  - Số tầng cao xây dựng: 3 tầng.
  - Chiều cao công trình: 16,6m.
  - Mật độ xây dựng: 45,59%.
3. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp, quá thời hạn trên thì phải xin gia hạn giấy phép.

Sóc Trăng, ngày 28 tháng 8 năm 2009

**GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KTVL.



*Châu Kiên Văn*

## CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kế.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi cần thay đổi thiết kế thì phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

## GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung gia hạn, điều chỉnh: .....

.....

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép: .....

.....

Sóc Trăng, ngày tháng năm 20  
GIÁM ĐỐC



Ký bởi: Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng  
Cơ quan: Tỉnh Sóc Trăng

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**

Số: 769 / GPXD  
(Sử dụng cho công trình)

1. Cấp cho **CÔNG TY TNHH MTV TM SÀI GÒN - SÓC TRĂNG** đại diện là ông Trần Trung Hiếu.

Địa chỉ: số 06 đường Hùng Vương, phường 6, thành phố Sóc Trăng.

Số điện thoại liên hệ: 0911.709.974.

2. Được phép xây dựng công trình: nhà kho.

Theo thiết kế do Chủ đầu tư thiết lập đã được Phòng Quản lý Đô thị thẩm định số: 807 /TĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 và tờ trình số 807 /TTr-QLĐT-XD, ngày 11 tháng 10 năm 2022.

Gồm các nội dung sau: xây dựng nhà kho 01 tầng, nền bê tông cốt thép, vách tường gạch, khung bê tông cốt thép, mái lợp tole.

- Vị trí xây dựng: tờ bản đồ số 17, thửa đất số 99.

- Tại số 06 đường Hùng Vương, phường 6, thành phố Sóc Trăng.

- Cốt nền xây dựng công trình: +0.1m so với đỉnh vỉa hè đường hiện hữu.

- Chỉ giới xây dựng: cách tim đường hiện hữu là 17,2 m.

- Diện tích xây dựng:

+ Tầng trệt : (4,34 x 48,5) + (2,8 x 13,8) = 249,13 m<sup>2</sup>.

- Tổng diện tích sàn : 249,13 m<sup>2</sup>.

- Chiều cao công trình : 3,6 m.

- Số tầng : 01 tầng.

- Mật độ xây dựng là 41,6%, mật độ xây dựng tối đa theo QCVN 01:2021/BXD là 67,69%.

3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT01633 được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 05/05/2017.

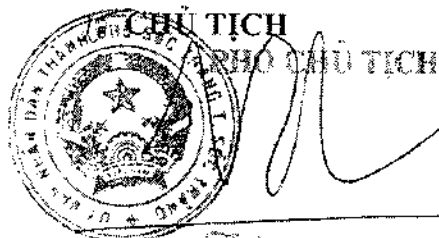
4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; Trong thời hạn 30 ngày, trước thời điểm giấy phép xây dựng hết hạn, nếu công trình chưa được khởi công, thì chủ đầu tư phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;
- Sở Xây dựng;
- Chi cục thuế TPST;
- UBND phường 6;
- Phòng Quản lý Đô thị (kèm HS);
- Lưu VP.UBND-TPST (kèm TTr).

TP. Sóc Trăng, ngày 19 tháng 10 năm 2022

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**



*Trần Văn Hùng*

## CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền lợi hợp pháp của các chủ sở hữu liên kế.

2. Trong quá trình thi công xây dựng, nếu công trình liên kế, lân cận có dấu hiệu bị lún, nứt, thấm, dột hoặc có nguy cơ sập đổ do ảnh hưởng của việc xây dựng nhà ở gây ra, chủ nhà phải phối hợp với chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình liên kế, lân cận để kiểm tra, xác định nguyên nhân và thống nhất biện pháp khắc phục. Trường hợp các bên không thống nhất thì tranh chấp phát sinh được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư, xây dựng và giấy phép xây dựng này.

4. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).

5. Xuất trình giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và niêm yết giấy phép xây dựng trước công trình nơi dễ thấy.

6. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

a) Thay đổi hình thức kiến trúc mặt ngoài của công trình đối với công trình trong đô thị thuộc khu vực có yêu cầu về quản lý kiến trúc.

b) Thay đổi các yếu tố về vị trí, diện tích xây dựng; quy mô, chiều cao, số tầng của công trình và các yếu tố khác ảnh hưởng đến kết cấu chịu lực chính.

c) Khi điều chỉnh thiết kế bên trong làm thay đổi công năng sử dụng làm ảnh hưởng đến an toàn, phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.

7. Tổ chức giám sát bảo đảm chất lượng công trình nhà ở; có kế hoạch bảo trì trong thời gian sử dụng.

8. Phải chịu trách nhiệm về các vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng nhà ở của mình.

9. Có kế hoạch tổng hợp về bảo đảm an toàn lao động người, máy, thiết bị trong thời gian thi công.

10. Chịu trách nhiệm về việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt và bảo đảm vệ vệ sinh môi trường tại công trình.

11. Thực hiện theo quy định tại Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

---

CÔNG AN TỈNH SÓC TRĂNG  
PHÒNG CS PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 175 /TD-PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số..... ngày 16 tháng 6 năm 2023 của: Công ty TNHH MTV TM Sài Gòn - Sóc Trăng

Người đại diện theo pháp luật là ông/bà: Trần Trung Hiếu Chức vụ: Giám đốc

**PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH**

**CHỨNG NHẬN:**

**Công trình: Cải tạo 01 phần tầng trệt Siêu thị Co.opMart Sóc Trăng thành Trung tâm tiêm chủng VNVC Sóc Trăng**

Địa điểm xây dựng: Số 6, Hùng Vương, Phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng thuộc thửa đất số 99, tờ bản đồ số 17.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn - Sóc Trăng.

Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty TNHH TM Dịch vụ Kỹ Thuật Văn Khoa.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

Bậc chịu lửa, nhóm nguy hiểm cháy của nhà; quy mô công trình; đường giao thông cho xe chữa cháy; khoảng cách an toàn phòng cháy và chữa cháy; bố trí công năng; giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; giải pháp thoát nạn; giải pháp chống tụ khói; trang bị phương tiện, thiết bị PCCC; hệ thống báo cháy tự động; hệ thống chữa cháy bằng nước; hệ thống điện cấp cho PCCC; hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn; hệ thống chống sét và nối đất.

Quy mô công trình và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2/2.

Nơi nhận:

- C07-BCA;

- Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn - Sóc Trăng;

- Công an thành phố Sóc Trăng;

- Lưu: PC07.....

Sóc Trăng, ngày 06 tháng 11 năm 2023...



Đại tá Phạm Minh Khả



**QUY MÔ CÔNG TRÌNH VÀ DANH MỤC  
TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ  
VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

*(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy  
số 06/11/2023 ID-PCCC ngày 06/11/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH)*

TT	Nội dung	Ghi chú
<b>I</b>	<b>QUY MÔ CÔNG TRÌNH</b>	
01	<p>Quy mô cải tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cải tạo 01 phần khu vực văn phòng làm việc, sảnh hành lang, các phòng kỹ thuật tại tầng trệt Siêu thị Co.opMart Sóc Trăng thành Trung tâm Tiêm chủng VNVC Sóc Trăng với diện tích là 370m<sup>2</sup>.</li> <li>- Bố trí lại hệ thống thoát nạn, hệ thống chống tụ khói, trang bị bình chữa cháy, bộ dụng cụ phá dỡ thô sơ (01 bộ), hệ thống báo cháy (lắp đặt mới 01 trung tâm báo cháy, 25 đầu báo cháy khói, 02 đầu báo cháy nhiệt, 02 chuông báo cháy, 02 nút nhấn khẩn, 02 đèn chớp báo cháy), hệ thống chữa cháy bằng nước (trên trần thay thế 35 đầu phun hướng lên thành 35 đầu phun hướng xuống giữ nguyên vị trí, lắp mới 47 đầu phun hướng xuống dưới trần nhà, 03 đầu phun dự phòng; lắp đặt 04 họng nước chữa cháy, thể tích dự trữ chữa cháy V= 148m<sup>3</sup>), đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn (01 đèn chiếu sáng sự cố âm trần, 08 đèn chiếu sáng sự cố treo tường, 06 đèn chỉ dẫn lối thoát nạn, 03 sơ đồ chỉ dẫn thoát nạn).</li> </ul>	
<b>II</b>	<b>DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ</b>	
01	Văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về PCCC của chủ đầu tư	
02	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 680908 ngày 05/5/2017 do Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp cho Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn - Sóc Trăng là chủ sở hữu.	
03	Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC của đơn vị tư vấn thiết kế về PCCC; giấy ủy quyền.	
04	Thiết kế bản vẽ thi công: PCCC-01, PCCC-02A, PCCC-02B, PCCC-03, PCCC-04A, PCCC-04B, PCCC-05A, PCCC-05B, PCCC-06, PCCC-07, PCCC-08A, PCCC-08B, PCCC-09, PCCC-10A, PCCC-10B, PCCC-10C, PCCC-10D, PCCC-11 đến PCCC-14, PCCC-15A, PCCC-15B, PCCC-16A, PCCC-16B.	
05	Thuyết minh thiết kế bản vẽ thi công	
06	Dự toán tổng mức đầu tư	

*Lưu ý: Thông tin tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch, xây dựng./*

Mẫu số PC10



CÔNG AN TỈNH SÓC TRĂNG  
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### BIÊN BẢN KIỂM TRA

An toàn về phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ

Hồi 13 giờ 30 phút, ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại: Siêu thị Co.opmart Sóc Trăng - Công ty TNHH MTV thương mại Sài Gòn - Sóc Trăng.

Địa chỉ: Số 6, đường Hùng Vương, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Chúng tôi gồm:

**Đại diện: Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH, Công an tỉnh Sóc Trăng**

- Ông: Trần Trường Giang; Chức vụ: Phó Đội trưởng;
- Ông: Huỳnh Thiện Đàm; Chức vụ: Cán bộ;
- Ông: Hà Văn Tuấn; Chức vụ: Cán bộ.
- Ông: Đinh Tiến Trung; Chức vụ: Cán bộ.

Đã tiến hành kiểm tra an toàn về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đối với Siêu thị Co.opmart Sóc Trăng.

**Đại diện: Công ty TNHH MTV thương mại Sài Gòn - Sóc Trăng**

- Ông: Trần Trung Hiếu; Chức danh: Giám đốc;
- Ông: Nguyễn Văn Thiện; Chức danh: Đội trưởng Đội PCCC cơ sở;

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

#### I. Phân trình bày của cơ sở

Cơ sở được Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Sóc Trăng kiểm tra an toàn PCCC và CNCH ngày 07/7/2023 đến nay cơ sở hoạt động bình thường, không có sự cố cháy, nổ xảy ra. Hiện tại do ông Trần Trung Hiếu giữ chức danh Giám đốc. Tính chất hoạt động kinh doanh bán lẻ trong lĩnh vực siêu thị. Quy mô cơ sở: 03 tầng; diện tích 4.411,49m<sup>2</sup>, khối tích 44.714,71m<sup>3</sup>. Cơ sở được Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 110/TD-PCCC (09) ngày 24/9/2009; giấy chứng nhận đủ điều kiện về PCCC số 230/ĐK-PCCC (10) ngày 21/12/2010 đến tháng 4/2022 cơ sở có cải tạo thay đổi công năng từ nhà xe thành nhà kho và kho thành kho chứng từ và được Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 53/TD-PCCC ngày 13/4/2022, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC số 3079/NT-PC07



ngày 28/11/2022. Lực lượng đội PCCC cơ sở thành lập gồm 20 thành viên đã được cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về PCCC và CNCH. Cơ sở trang bị bình chữa cháy xách tay, hệ thống chữa cháy bằng nước, hệ thống báo cháy tự động, phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn, tất cả các phương tiện chữa cháy hoạt động bình thường. Đã mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc của Công ty Bảo Việt Sài Gòn đến ngày 31/3/2024.

## II. Kiểm tra hồ sơ quản lý cơ sở về PCCC và CNCH

Hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy của cơ sở đảm bảo theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA, ngày 31/12/2020 và Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA, ngày 05/3/2018 của Bộ Công an.

## III. Kiểm tra thực tế

### 1. Điều kiện bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy

#### - Giao thông phục vụ chữa cháy

+ Giao thông bên ngoài: Khu vực của cơ sở không bị cản trở bởi phương tiện giao thông, chiều cao, rộng đảm bảo cho xe chữa cháy hoạt động.

+ Giao thông nội bộ: Không để xe máy, ô tô, vật tư, hàng hóa cản trở, đường thông thoáng đảm bảo cho xe chữa cháy hoạt động.

#### - Nguồn nước phục vụ chữa cháy

Bên trong cơ sở có bể nước 100m<sup>3</sup> phục vụ chữa cháy; bên ngoài cơ sở có trụ nước chữa cháy cách cơ sở khoảng 100m xe chữa cháy lấy nước được.

#### - Quy mô công trình, công năng sử dụng

Siêu thị Co.opmart Sóc Trăng xây dựng với quy mô cơ sở gồm: 03 tầng; diện tích 4.411,49m<sup>2</sup>, khối tích 44.714,71m<sup>3</sup>

#### - Khoảng cách PCCC

Khoảng cách an toàn về phòng cháy và chữa cháy giữa các hạng mục đảm bảo, không để hàng hóa, vật tư dễ cháy ảnh hưởng đến khoảng cách an toàn phòng cháy và chữa cháy.

#### - Hệ thống thoát nạn

+ Các cửa đi, hành lang, cầu thang thoát nạn có chiều rộng, khoảng cách đảm bảo theo quy định, không bố trí, vật dụng, hàng hóa cản trở lối thoát nạn, cửa thoát nạn không bị chèn, khóa.

+ Tại khu vực trên đường thoát nạn, lối thoát nạn đã bố trí các đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn.



### - Phương tiện PCCC

+ **Hệ thống báo cháy tự động:** Tủ trung tâm đặt tại khu vực có người thường trực 24/24 giờ theo quy định. Qua kiểm tra, tủ trung tâm trong trạng thái thường trực không báo lỗi; thử xác suất một số đầu báo cháy, nút ấn báo cháy nhận thấy hệ thống hoạt động bình thường. Có quy trình hướng dẫn vận hành tủ trung tâm báo cháy.

+ **Hệ thống chữa cháy bằng nước:** Kiểm tra thử xác suất 03 họng nước chữa cháy tại tầng trệt siêu thị nhận thấy máy bơm chữa cháy hoạt động ở chế độ vận hành đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định.

+ **Trang bị bình chữa cháy:** Kiểm tra thực tế các bình chữa cháy được trang bị tại cơ sở đảm bảo áp lực theo quy định, bố trí tại nơi dễ thấy, dễ sử dụng không bị cản trở.

+ **Phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn lối thoát nạn:** Kiểm tra xác suất một số đèn chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn hoạt động bình thường.

- **Hệ thống điện, chống sét, tiếp địa:** Không có hiện tượng tự ý cầu mắc điện, tại tủ điện chính có cầu dao, cầu chì, aptomat bảo vệ thời điểm kiểm tra chưa phát hiện dấu vết chạm chập, quá tải. Đã đo điện trở chống sét, tiếp địa theo quy định.

- **Tuyên truyền về PCCC:** Người đứng đầu cơ sở thường xuyên tổ chức tuyên truyền kiến thức pháp luật về PCCC và hướng dẫn đội PCCC cơ sở cách sử dụng các phương tiện chữa cháy tại chỗ theo quy định.

### 2. Điều kiện bảo đảm an toàn về CNCH

**Tuyên truyền về CNCH:** Người đứng đầu cơ sở thường xuyên tổ chức tuyên truyền kiến thức pháp luật về CNCH và hướng dẫn đội PCCC cơ sở cách sử dụng các phương tiện CNCH theo quy định. Cơ sở bố trí hàng hóa gọn gàng, không cản trở lối thoát nạn, có phương án cứu nạn, cứu hộ cơ sở.

### IV. Nhận xét, đánh giá

- Người đứng đầu cơ sở có quan tâm và thực hiện trách nhiệm của mình theo quy định như: thành lập, duy trì hoạt động đội phòng cháy và chữa cháy theo quy định; ban hành nội quy về PCCC và CNCH; tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về phòng cháy và chữa cháy; trang bị và duy trì hoạt động của dụng cụ, phương tiện chữa cháy và CNCH; xây dựng, tổ chức thực tập phương án chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ theo quy định.

- Tại thời điểm kiểm tra cơ sở có duy trì điều kiện an toàn về PCCC và CNCH theo quy định.



Biên bản được lập xong hồi 14 giờ 35 phút, ngày 04 tháng 01 năm 2024  
gồm 04 trang, được lập thành 02 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc  
lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây./.



**ĐẠI DIỆN  
ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA**

**ĐẠI DIỆN  
ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN CÓ  
LIÊN QUAN**

**ĐẠI DIỆN  
ĐOÀN KIỂM TRA**

**Trần Trung Hiếu**

**Trần Trường Giang**

Sóc Trăng, ngày 22 tháng 8 năm 2013

**SỞ ĐĂNG KÝ**  
**CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI**  
Mã số QLCTNH: 94.000051.T  
(Cấp lần 2)

**I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:**

Tên chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SÀI GÒN- SÓC TRĂNG.

Địa chỉ: Số 06 Hùng Vương, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Điện thoại: 0793.640131

Fax: 0793.640134

E-mail: cmsoctrang@coopmart.vn

Tài khoản số: 0321000888066 tại: Ngân hàng Vietcombank Sóc Trăng.

Giấy đăng ký kinh doanh số: 2200271882

ngày cấp: 26/12/2011

nơi cấp: Sở Kế

hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng.

**II. Nội dung đăng ký:**

Chủ nguồn thải đã đăng ký với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng. Danh sách chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở và Danh sách chất thải khác phát sinh tại cơ sở (Phụ lục kèm theo).

**III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:**

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 25 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

**IV. Thời hạn hiệu lực:**

Sở đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động và thay thế Sở đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại có mã số QL CTNH: 94.000051.T cấp ngày 01/4/2011.

**Nơi nhận:**

- Như phần I;
- Phòng KSON *km*

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC *phv*



*Trần Văn Chánh*  
ThS. Trần Văn Chánh

## PHỤ LỤC

(kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH 94.000051.T do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp lần hai ngày 22 tháng 8 năm 2013)

## 1. Cơ sở môi trường CTNH:

Tên: SIÊU THỊ COOPMART SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 089 Đường Vương, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Điện thoại: 0793.640131 Fax: 0793.640134 E-mail: cmsoctrang@coopmart.vn

Giấy đăng ký kinh doanh số: 2200271882 ngày cấp: 26/12/2011 nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng.

Loại hình hoạt động: Siêu thị, trung tâm thương mại.

## 2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
01	Dầu, nhớt thải	Lỏng	10	17 02 03
02	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	2	16 01 06
03	Giẻ lau dính dầu thải	Rắn	0.5	18 02 01
04	Mực in thải	Rắn	0.5	08 02 04
05	Pin, ắc quy thải	Rắn	0.1	16 01 12
Tổng số lượng			12.7	

## 3. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)
01	Rác thải sinh hoạt	Rắn	5700
Tổng số lượng			5700

## 4. Hồ sơ kèm theo Sổ đăng ký:

- Đơn đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (cấp lại);
- Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH (cấp lần đầu);
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Bản sao Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường ;
- Bản giải trình các điểm sửa đổi đăng ký lại Sổ chủ nguồn thải CTNH.

CTY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH  
ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG  
Số: 57/HDDV - CTĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## HỢP ĐỒNG

V/v Thực hiện dịch vụ thu gom vận chuyển  
và xử lý rác thải sinh hoạt

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH 11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 25/1/2019 về việc phê duyệt giá dịch vụ xử lý rác thải Thành Phố Sóc Trăng và các vùng lân cận, tỉnh Sóc Trăng;
- Căn cứ Quyết định số 1879/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND thành phố Sóc Trăng về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Sóc Trăng;
- Căn cứ vào sự thoả thuận của 2 bên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2024, tại Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng, chúng tôi gồm:

**Bên A: CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - SÓC TRĂNG**

- Đại diện: Ông Trần Trung Hiếu - Chức vụ : Giám đốc
- Địa chỉ : Số 06 Hùng Vương, Phường 6, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.
- Tài khoản ngân hàng: Ngân hàng VCB chi nhánh Sóc Trăng
- Mã số thuế: 2200271882
- Điện thoại : 02993 640131



**Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**

- Đại diện: Đặng Hồng Nghi - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
- Trụ sở: Số 422 Võ Văn Kiệt, Khóm 5, Phường 2, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.
- Tài khoản số: 117000070343 tại NH TMCP Công Thương Việt Nam – CN Sóc Trăng.
- MST: 2200177456
- Điện thoại : 02993 825900.

Hai bên đồng ý ký hợp đồng với điều khoản sau:

**Điều I: Nội dung hợp đồng**

- Hai Bên A và B thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt tại địa chỉ của Bên A như sau:

- Khối lượng: 1,2 m<sup>3</sup>/lần lấy rác
- Số lần lấy rác: Lấy rác mỗi ngày
- Giờ giấc lấy rác: Từ 12 giờ đến 14 giờ.

**Điều II: Giá cả và phương thức thanh toán**

**- Đơn giá hợp đồng:**

- Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Đơn giá: **324.000 đồng/m<sup>3</sup>** (Ba trăm hai mươi bốn ngàn đồng).

- Từ ngày 01/07/2024 đến ngày 31/12/2024

Đơn giá: **330.000 đồng/m<sup>3</sup>** (Ba trăm ba mươi ngàn đồng).

(Bao gồm thuế VAT).

**- Giá cả:** Hai bên thống nhất giá cả lấy rác là:

Tháng 01/01/2024 đến tháng 30/06/2024

30 lần/tháng \* (1,2 \* 324.000 đồng) = 11.664.000 đồng/tháng

Từ tháng 01/07/2024 đến tháng 31/12/2024

30 lần/tháng \* (1,2 \* 330.000 đồng) = 11.880.000 đồng/tháng

**- Giá trị hợp đồng:**

(11.664.000 đồng/tháng \* 06 tháng) + (11.880.000 đồng/tháng \* 06 tháng)  
= **141.264.000 đồng.**

(Một trăm bốn mươi một triệu, hai trăm sáu mươi bốn ngàn đồng).

- **Phương thức thanh toán:** Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản một tháng một lần ngay sau khi nhận được hoá đơn hợp pháp của Bên B.

- Trường hợp bên A chậm thanh toán cho bên B theo thỏa thuận của hợp đồng thì bên A phải bồi thường cho bên B số tiền trả chậm theo mức lãi suất tín dụng quá hạn hiện hành do ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định đối với giá trị chậm thanh toán, nhưng số ngày chậm thanh toán không được quá 45 ngày (kể cả chủ nhật và ngày lễ).

**Điều III: Thời gian thực hiện:** Từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024

**Điều IV: Trách nhiệm 2 bên**

**Trách nhiệm Bên A**

- Thực hiện đúng như điều II của hợp đồng này
- Tạo điều kiện thuận lợi trong suốt thời gian Bên B lấy rác và hỗ trợ cho Bên B trong điều kiện gặp khó khăn.
- Phải có nơi tập trung rác thải (bồn chứa hoặc đò chứa rác chắc chắn) đặt nơi thuận tiện để Bên B dễ dàng lấy rác.
- Cử người giám sát và ký xác nhận công nhân Bên B lấy xong chuyển rác theo khối lượng như điều I. Trường hợp công nhân lấy sạch rác mà Bên A không có người ký xác nhận thì Bên B không chịu trách nhiệm về số rác phát sinh trong bồn.

**Trách nhiệm Bên B**

- Tự bốc rác lên xe
- Thực hiện đúng như điều I, III của hợp đồng này

- Giữ gìn tài sản hiện có của Bên A
- Chỉ thu gom rác thải sinh hoạt trong quá trình hoạt động của bên A thải ra hàng ngày, các loại rác khác như: rác thải y tế, rác thải công nghiệp thông thường bên B sẽ không thu gom. Rác xây dựng, rác tổng vệ sinh ... sẽ thỏa thuận hợp đồng thu gom riêng.

**Điều V: Các điều khoản khác**

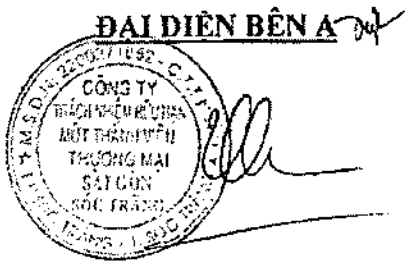
- Trường hợp lượng rác phát sinh ngoài số chuyên đã hợp đồng, nếu Bên A có nhu cầu thu gom thì hai bên sẽ ký hợp đồng riêng số chuyên phát sinh.
- Giá cả trên là tạm tính, khi có thay đổi lớn về khối lượng tăng giảm 5% khối lượng rác thu gom trong thời gian 5 lần lấy rác hay giá cả nhiên liệu, chi phí nhân công, quãng đường vận chuyển, đơn giá thu gom vận chuyển và xử lý rác thay đổi,... hai bên sẽ trao đổi thỏa thuận tính giá mới cho phù hợp và lập phụ lục hợp đồng hoặc hợp đồng mới.
- Trường hợp có tạm ngưng lấy rác thì 2 bên phải thông báo bằng văn bản cho nhau biết trước 3 ngày.
- Hợp đồng này tự thanh lý sau khi Bên A và Bên B thực hiện đầy đủ các Điều I, II, III, IV.

**Điều VI: Điều khoản chung**

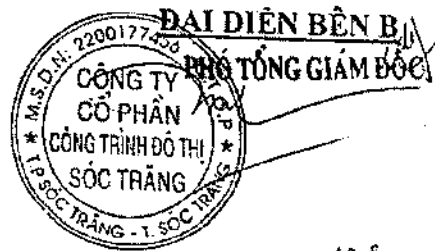
Hợp đồng có hiệu lực đến ngày 31/12/2024. Trước khi hợp đồng hết hiệu lực 30 ngày, hai bên bàn bạc trao đổi thống nhất ký kết hợp đồng mới.

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện nếu có gì khó khăn, vướng mắc hai bên cùng nhau bàn bạc và tìm biện pháp giải quyết trên tinh thần lợi ích chung. Trường hợp tranh chấp không giải quyết được thì Quyết định của Tòa án TP. Sóc Trăng sẽ là quyết định cuối cùng ràng buộc hai bên thực hiện. Án phí sẽ do bên thua kiện chịu.

Hợp đồng này được lập thành 04 bản: Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau.



*Trần Trung Hiếu*



*Dặng Hồng Nghĩa*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----o0o-----

**HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ**

Về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại  
của Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn – Sóc Trăng

(Số: 978/SGC-VAE-2023)

- Căn cứ các Luật và các quy định hiện hành có liên quan;
- Căn cứ vào khả năng, nhu cầu và thỏa thuận của các Bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 11 năm 2023, tại Văn phòng Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn – Sóc Trăng, chúng tôi gồm:

**1/ Bên giao (Bên A): CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI SÀI GÒN – SÓC TRĂNG**

Địa chỉ : Số 6 Hùng Vương, Phường 6, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng

Điện thoại : 02993.640.132 - Fax:

Mã số thuế : 2200271882

Tài khoản số : 0321000888066 tại Ngân hàng VCB - CN Sóc Trăng

Đại diện : Ông TRẦN TRUNG HIẾU - Chức vụ: Giám đốc

**2/ Bên nhận (Bên B): CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VIỆT ÚC**

Địa chỉ : 389 Lê Đại Hành, Phường 11, Quận 11, TP.HCM

VPGD : 180B An Tôn, Phường 6, Quận Tân Bình, TP.HCM

Điện thoại : 028 3971 8680 - Fax: 028 3971 8979

Mã số thuế : 0302408148

Tài khoản số : 1410030536 tại Ngân hàng BIDV, CN Chợ Lớn, TP.HCM

Giấy CN đăng ký kinh doanh số: 0302408148

Đại diện : Ông NGUYỄN NGỌC CHÂU - Chức vụ: Giám đốc

Sau khi bàn bạc trao đổi, các Bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (Hợp đồng) với các điều khoản như sau:

**ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA**

Trong Hợp đồng này những từ và cụm từ sau đây được hiểu như sau:

- 1.1. “**CÁC BÊN**” chỉ chung Bên A và Bên B. “**BÊN**” chỉ một trong hai Bên.
- 1.2. “**DỊCH VỤ**” nghĩa là dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.



- 1.3. **“HỢP ĐỒNG”** nghĩa là Hợp đồng này, bao gồm cả các Phụ lục (nếu có) và cả khi được chỉnh sửa, bổ sung Hợp đồng và Phụ lục tùy theo từng thời điểm.
- 1.4. **“CHẤT THẢI NGUY HẠI (Sau đây được viết tắt là CTNH)”** CTNH được quy định tại Hợp đồng là chất thải chứa yếu tố độc hại, có đặc tính nguy hại.
- 1.5. **“THÁNG”** nghĩa là tháng dương lịch.
- 1.6. **“HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG”** là Thời hạn của Hợp đồng như quy định tại Điều 2 dưới đây.
- 1.7. **“PHÁP LUẬT”** có nghĩa là hệ thống pháp luật của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- 1.8. **“NHÀ MÁY”** có nghĩa là Nhà máy xử lý của Công ty Cổ phần Môi Trường Việt Úc (Đơn vị xử lý chất thải của Bên B).
- 1.9. **“SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG”** là chiến tranh, trường hợp khẩn cấp, dịch bệnh, tai nạn, hỏa hoạn, động đất, lũ lụt, bão, đình công hoặc bất kỳ những trở ngại nào khác mà Bên bị ảnh hưởng chứng minh được rằng nó vượt quá tầm kiểm soát của Bên đó và không thể dự đoán được tại thời điểm thực hiện Hợp đồng hoặc không thể tránh hoặc vượt qua được sự kiện đó hoặc các hệ quả của nó một cách hợp lý.

## **ĐIỀU 2. NỘI DUNG CÔNG VIỆC**

- 2.1. Nội dung công việc: Bên A giao cho Bên B thực hiện công việc thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH phát sinh của Bên A.
- 2.2. Phương tiện vận chuyển: xe chuyên dụng vận chuyển CTNH.
- 2.3. Tần suất thu gom: 01 lần/năm hoặc theo yêu cầu của Bên A khi có phát sinh thêm (trừ các ngày nghỉ, ngày Lễ và Tết theo quy định của Nhà nước).
- 2.4. Thống nhất xác nhận bàn giao bằng liên chứng từ CTNH theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi Trường đã được ký tên, đóng dấu.
- 2.5. Hiệu lực của Hợp đồng: 01 (một) năm từ ngày **01/11/2023 đến ngày 31/10/2024**.
- 2.6. Danh mục chất thải:

<b>STT</b>	<b>Mã CTNH</b>	<b>Danh mục chất thải</b>
1	08 02 04	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại
2	16 01 06	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải
3	16 01 12	Pin, ắc quy thải
4	16 01 13	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị có các linh kiện điện tử
5	17 02 03	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải
6	17 02 04	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác

STT	Mã CTNH	Danh mục chất thải
7	18 01 01	Bao bì mềm thải
8	18 01 02	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn
9	18 01 03	Bao bì cứng thải bằng nhựa
10	18 01 04	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (composite...)
11	18 02 01	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại
12	19 05 02	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại

### ĐIỀU 3. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- 3.1. Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng đồng tiền Việt Nam Đồng theo hình thức chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt.
- 3.2. Tiến độ thanh toán: Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ thanh toán.
- 3.3. Hồ sơ thanh toán: 01 liên chứng từ số 04, giấy đề nghị thanh toán và hóa đơn giá trị gia tăng (bao gồm cả chi phí khoán và phát sinh (nếu có)).
- 3.4. Thông tin xuất hóa đơn:

Họ tên người mua hàng	: theo Phụ lục bảng giá Hợp đồng
Tên đơn vị	: CÔNG TY TNHH MTV TM SÀI GÒN – SÓC TRĂNG
Địa chỉ	: Số 6 Hùng Vương, Phường 6, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng
MST	: 2200271882
SĐT liên hệ	: 0911 709 969
Địa chỉ nhận email	: qasoctrang@coopmart.vn

### ĐIỀU 4. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THU GOM VÀ ĐỊA ĐIỂM XỬ LÝ

- 4.1. Thời gian thu gom:
  - 4.1.1. Thời gian thu gom: theo thỏa thuận của hai Bên. Bên A báo cho Bên B trước **03 (ba) ngày làm việc** (trừ thứ 7, chủ nhật và các ngày Lễ Tết trong năm). Sau khi nhận thông báo của Bên A, Bên B sẽ xác nhận thông báo và phản hồi lịch thu gom cho Bên A.
  - 4.1.2. Hạn chế lên lịch thu gom vào các ngày Lễ, Tết trong năm. Nếu Bên A có nhu cầu thu gom vào khoảng thời gian này cần báo trước **07 (bảy) ngày làm việc** cho Bên B và có sự thỏa thuận đồng ý của cả hai Bên.
  - 4.1.3. Trường hợp giao CTNH đột xuất phải có sự thỏa thuận đồng ý trước của hai Bên.
- 4.2. Địa điểm thu gom và vận chuyển CTNH:

- Co.opmart Sóc Trăng – Số 6 Hùng Vương, Phường 6, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng;
  - Co.op Food 135 Trương Công Định – Số 135 Trương Công Định, Phường 2, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng;
  - Co.op Food ST Trần Đề - Số 168 Ấp Đầu Giồng, Thị trấn Trần Đề, Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng
- 4.3. Địa điểm xử lý CTNH là Nhà máy xử lý của Công ty Cổ phần Môi Trường Việt Úc - địa chỉ Lô B4-B21, B5-B20, Đường số 9, KCN Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, TP.HCM.

## **ĐIỀU 5. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN**

### **5.1. Trách nhiệm của Bên A**

- Phải phân loại chất thải thành từng loại riêng biệt, dán nhãn cho từng loại chất thải và lưu giữ tại khu vực cố định của Bên A trước khi bàn giao xử lý theo đúng quy định môi trường hiện hành.
- Phải thông báo trước 07 (bảy) ngày cho Bên B biết tên, loại, thành phần, khối lượng chất thải cần thu gom để Bên B chuẩn bị thực hiện thu gom.
- Cung cấp các liên chứng từ CTNH (theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường) đã được ký tên đóng dấu mục 6 cho Bên B vào ngày thu gom.
- Tạo điều kiện thuận lợi để nhân sự của Bên B thực hiện Hợp đồng.
- Thanh toán chi phí cho Bên B đúng thời hạn theo Điều 2 và Điều 3.

### **5.2. Trách nhiệm của Bên B**

- Thực hiện việc thu gom, vận chuyển chất thải tại kho của Bên A và xử lý chất thải tại Nhà máy của Bên B (địa điểm: Lô B4-B21, B5-B20, Đường số 9, KCN Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, TP.HCM) theo quy định hiện hành.
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu để chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi chất thải đã được vận chuyển ra khỏi kho của Bên A.
- Không nhận chất thải ngoài danh mục đã nêu tại Điều 2 của Hợp đồng.
- Không nhận chất thải khi Bên A chưa thanh toán chi phí xử lý của đợt trước.
- Hỗ trợ, hướng dẫn Bên A chuẩn bị bộ chứng từ CTNH trước khi Bên B đến thu gom.
- Thời hạn Bên B phải giao lại chứng từ CTNH là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Bên B nhận chứng từ CTNH từ Bên A. Chứng từ thu gom và xử lý tiêu hủy CTNH bao gồm 01 liên có chữ ký của người đại diện có thẩm quyền và đóng dấu (đảm bảo tính pháp lý) của Đơn vị xử lý.
- Bên B sẽ cung cấp hóa đơn VAT cho Bên A theo mỗi đợt thu gom.
- Cung cấp đầy đủ giấy tờ pháp lý còn hiệu lực về chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH cho Bên A.

## **ĐIỀU 6. ĐIỀU KHOẢN AN TOÀN LAO ĐỘNG**

- 6.1. Bên B tuân thủ các quy định về An toàn vệ sinh lao động – Môi trường – An ninh của pháp luật. Đảm bảo nhân viên của Bên B đến làm việc tại Bên A đủ năng lực, nhận thức và sử dụng đầy đủ bảo hộ lao động phù hợp trong quá trình làm việc.
- 6.2. Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật đối với tất cả các vấn đề tai nạn lao động, vệ sinh lao động, môi trường phát sinh do nhân sự Bên B cử đến làm việc tại Bên A gây ra tại thời điểm Bên B thực hiện công việc (tại sản công tác) và hành vi vi phạm thuộc về lỗi của Bên B.
- 6.3. Nếu xảy ra tai nạn lao động, sự cố (không phân biệt nặng hay nhẹ), Bên B có trách nhiệm báo cáo cho người có trách nhiệm của Bên A biết để được hỗ trợ và hướng dẫn xử lý. Trường hợp không có báo cáo thì sẽ bị xử lý theo từng trường hợp cụ thể bởi Ban lãnh đạo Bên A.
- 6.4. Các vật nguy hiểm dễ cháy, nổ: hóa chất, xăng dầu, chất nổ... khi Bên B mang vào Bên A phải được khai báo tại bảo vệ và được sự đồng ý của người có thẩm quyền tại nơi thực hiện việc thu gom của Bên A.
- 6.5. Trong quá trình làm việc, nếu Bên A phát hiện bất cứ vi phạm nào của Bên B thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ có hình thức xử lý từ mức nhắc nhở cho đến đình chỉ thu gom tạm thời hay chấm dứt Hợp đồng, Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các phát sinh do sự việc này.

## **ĐIỀU 7. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

- 7.1. Các Bên đồng ý chấm dứt và thanh lý Hợp đồng trước thời hạn vì lý do sau:
  - 7.1.1. Nếu có sự kiện bất khả kháng xảy ra làm cho một hoặc các Bên không thể thực hiện được Hợp đồng này.
  - 7.1.2. Một Bên bị lâm vào tình trạng giải thể hoặc phá sản.
  - 7.1.3. Cơ quan thẩm quyền quyết định đình chỉ hoạt động và rút giấy phép đăng ký kinh doanh.
  - 7.1.4. Bất cứ Bên nào vi phạm những điều khoản trong Hợp đồng đã được Bên kia thông báo nhưng không khắc phục được trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được thông báo.
  - 7.1.5. Do các Bên thỏa thuận chấm dứt trước thời hạn Hợp đồng.
- 7.2. Hết hạn Hợp đồng.

## **ĐIỀU 8. BẤT KHẢ KHÁNG**

- 8.1. Một Bên bị tác động bởi sự kiện bất khả kháng sẽ không bị coi là vi phạm Hợp đồng hay phải chịu trách nhiệm với Bên kia về bất kỳ sự chậm thực hiện, hay không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào của Hợp đồng này với điều kiện sự chậm trễ hay không thực hiện này có nguyên nhân từ sự kiện bất khả kháng đã được thông báo cho Bên kia theo khoản 8.2, 8.3, 8.4.
- 8.2. Nếu một sự kiện bất khả kháng xảy ra liên quan đến một trong hai Bên ảnh hưởng hoặc có khả năng ảnh hưởng đến việc thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào theo Hợp đồng,

Bên đó phải thông báo trong một thời gian hợp lý cho Bên kia về tính chất của sự kiện này và ảnh hưởng của nó đó đối với khả năng thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng.

- 8.3. Nếu việc thực hiện bất cứ nghĩa vụ nào theo Hợp đồng này bởi một trong hai Bên bị trì hoãn hoặc cản trở bởi sự kiện bất khả kháng trong một thời gian liên tục vượt quá 01 (một) tháng, Bên kia được quyền chấm dứt Hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.
- 8.4. Nếu trong thời hạn hiệu lực Hợp đồng này một sự kiện bất khả kháng là nhà máy tăng đơn giá xử lý CTNH thì Bên B sẽ gửi thông báo bằng văn bản cho Bên A về sự việc tăng giá xử lý chất thải trên để các Bên cùng nhau bàn bạc thương thảo tiếp tục duy trì Hợp đồng.

## **ĐIỀU 9. ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- 9.1. Các Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có vướng mắc phát sinh, các Bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản, để cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần thương lượng, hợp tác và được thể hiện cụ thể bằng văn bản. Trường hợp không giải quyết được, sẽ đưa ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết. Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng buộc các Bên phải thực thi.
- 9.2. Khi có bất kỳ sự sửa đổi, bổ sung, thay thế nội dung của Hợp đồng, thì các Bên sẽ tiến hành ký kết Phụ lục Hợp đồng.
- 9.3. Khi các Bên đã thực hiện xong tất cả nghĩa vụ liên quan đến Hợp đồng thì Hợp đồng sẽ tự thanh lý khi hết hạn. Nếu các Bên đồng ý ký tiếp Hợp đồng thì cùng tiến hành soạn thảo Hợp đồng mới.
- 9.4. Mỗi Bên cam kết không tiết lộ các thông tin liên quan đến Hợp đồng này cho bất kỳ Bên thứ ba nào nếu không có sự đồng ý của Bên kia. Việc bảo mật được ngoại trừ trong các trường hợp:
  - 9.4.1. Các thông tin tiết lộ đã được biết đến rộng rãi tại thời điểm tiết lộ hoặc cho phép tiếp cận rộng rãi một cách hợp pháp.
  - 9.4.2. Theo yêu cầu của luật, quy định hay lệnh của một cơ quan có thẩm quyền (gồm bất cứ cơ quan quản lý hay cơ quan chính phủ nào) thông tin phải được tiết lộ bởi một trong các Bên, với điều kiện, trong trường hợp có thể, Bên kia được thông báo bằng văn bản một cách hợp lý về ý định tiết lộ thông tin mật đó.
- 9.5. Bất kỳ thông báo nào theo Hợp đồng này đều phải được lập bằng văn bản (có thể bằng email) và có thể được trao bằng cách gửi đến địa chỉ của Bên kia, theo cách thức mà có thể chứng minh được rằng thông báo đã được nhận:

**Bên A: CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI SÀI GÒN – SÓC TRĂNG**

Người liên hệ: Liêu Thị Mỹ Phương

Số điện thoại: 0911 709 969

Email: qasoctrang@coopmart.vn

- Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VIỆT ÚC

Người liên hệ: Vương Thị Thu Nhân

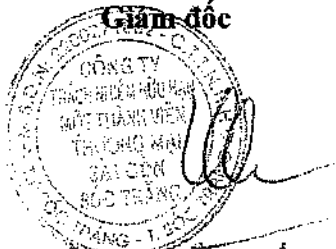
Số điện thoại: (028) 3971 8680 – Ext 121

Email: nhanvuong.vae@gmail.com

- 9.6. Khi chấm dứt Hợp đồng, hai Bên phải hoàn thành mọi nghĩa vụ theo Hợp đồng này tại thời điểm chấm dứt. Trường hợp Bên nào vi phạm Hợp đồng thì phải chịu phạt 8% giá trị Hợp đồng bị vi phạm và có trách nhiệm bồi thường toàn bộ các thiệt hại theo giá trị thiệt hại thực tế cho Bên còn lại.
- 9.7. Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt, giống nhau về hình thức và nội dung, có giá trị pháp lý như nhau với đầy đủ con dấu và chữ ký của các Bên. Mỗi Bên giữ 02 (hai) bản để thực hiện.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**Giám đốc**



**TRAN TRUNG HIÊU**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

**Giám đốc**



**NGUYỄN NGỌC CHÂU**

# PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

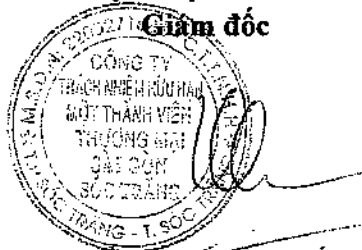
(Kèm theo Hợp đồng số 978/SGC-VAE-2023, ngày 01/11/2023)

Đơn giá thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH:

Stt	Tên đơn vị	Hệ thống áp dụng	Khối lượng khoán (≤ ... kg/năm/lần)	Đơn giá khoán (đồng/năm) (chưa VAT)	Đơn giá phát sinh vượt định mức (đồng/kg) (chưa VAT)
1	Co.opmart Sóc Trăng	Các siêu thị Co.opmart/Sense City/TTPP khu vực Miền Tây Nam Bộ	200	3.770.000	15.000
2	Co.op Food 135 Trương Công Định	Các cửa hàng Co.op Food trực thuộc siêu thị Co.opmart khu vực Miền Tây Nam Bộ	10	550.000	15.000
3	Co.op Food ST Trần Đề	Các cửa hàng Co.op Food trực thuộc siêu thị Co.opmart khu vực Miền Tây Nam Bộ	10	550.000	15.000

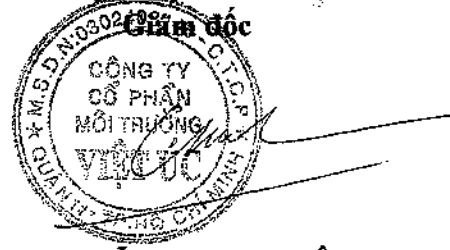
- Nếu phát sinh loại CTNH khác thì Bên A vui lòng báo trước cho Bên B trước thời điểm thu gom 15 (mười lăm) ngày. Bên B sẽ hỗ trợ thu gom và không phát sinh thêm phí xử lý và phí vận chuyển (nếu tổng khối lượng CTNH đảm bảo không vượt khối lượng khoán và chất thải không chứa PCB, amiăng, yếu tố lây nhiễm (chất thải y tế nhiễm/nghi nhiễm virus gây bệnh).
- Nếu tổng khối lượng CTNH vượt khối lượng khoán thì chi phí phát sinh cho phần khối lượng vượt được tính theo đơn giá phát sinh vượt định mức ở bảng trên.
- Nếu phát sinh lần thu gom thứ hai trở đi thì chi phí một lần thu gom bằng với đơn giá khoán ở bảng trên.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



**TRAN TRUNG HIẾU**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



**NGUYỄN NGỌC CHÂU**



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC SÓC TRĂNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-030

Địa chỉ (Address): 113 Lê Hồng Phong, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực thành phố Sóc Trăng - Số TK: 1111000573008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TDA

Số (No): 92164

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn - Sóc Trăng

Mã số thuế (Tax code): 2200271882

Địa chỉ (Address): 06 Hùng Vương, Phường 6, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PB17010034437

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=Ix2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 2 năm 2024 từ ngày 01/02/2024 đến ngày 10/02/2024 (kèm theo bảng kê số 1352799484 ngày 11 tháng 02 năm 2024)	kWh	53.900	-	164.643.900
Cộng tiền hàng (Total amount):					164.643.900
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 13.171.512
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 177.815.412
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm mười lăm nghìn bốn trăm mười hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer):

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC SÓC TRĂNG  
Ngày ký: 11/02/2024 09:16:54





CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC SÓC TRĂNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-030

Địa chỉ (Address): 113 Lê Hồng Phong, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực thành phố Sóc Trăng - Số TK: 1111000573008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TDA

Số (No): 92228

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn - Sóc Trăng

Mã số thuế (Tax code): 2200271882

Địa chỉ (Address): 06 Hùng Vương, Phường 6, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PB17010034437

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	F	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 2 năm 2024 từ ngày 11/02/2024 đến ngày 20/02/2024 (kèm theo bảng kê số 1354425196 ngày 21 tháng 02 năm 2024)	kWh	45.900	-	138.434.100
Cộng tiền hàng (Total amount):					138.434.100
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 11.074.728
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 149.508.828
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm bốn mươi chín triệu năm trăm linh (năm) nghìn tám trăm hai mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC SÓC TRĂNG  
Ngày ký: 21/02/2024 10:00:00



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC SÓC TRĂNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-030

Địa chỉ (Address): 113 Lê Hồng Phong, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực thành phố Sóc Trăng - Số TK: 1111000573008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TDA

Số (No): 92296

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn - Sóc Trăng

Mã số thuế (Tax code): 2200271882

Địa chỉ (Address): 06 Hùng Vương, Phường 6, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PB17010034437

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 2 năm 2024 từ ngày 21/02/2024 đến ngày 29/02/2024 (kèm theo bảng kê số 1358868736 ngày 03 tháng 03 năm 2024)	kWh	49.800		153.083.000
Tổng tiền hàng (Total amount):					153.083.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		12.246.640
Tỷ giá (Exchanged rate):				Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):	
					165.329.640
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm sáu mươi lăm triệu ba trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi đồng					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Đã ký bởi: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC SÓC TRĂNG Ngày ký: 03/03/2024 08:57:54



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC SÓC TRĂNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-030

Địa chỉ (Address): 113 Lê Hồng Phong, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực thành phố Sóc Trăng - Số TK: 1111000573008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TDA

Số (No): 138601

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn - Sóc Trăng

Mã số thuế (Tax code): 2200271882

Địa chỉ (Address): 06 Hùng Vương, Phường 6, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PB17010034437

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	F	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 3 năm 2024 từ ngày 01/03/2024 đến ngày 10/03/2024 (kèm theo bảng kê số 1363666152 ngày 11 tháng 03 năm 2024)	kWh	55.700	-	168.363.100
Cộng tiền hàng (Total amount):					168.363.100
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 13.469.048
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 181.832.148
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm tám mươi một triệu tám trăm ba mươi hai nghìn một trăm bốn mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC SÓC TRĂNG  
Ngày ký: 11/03/2024 14:57:04



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC SÓC TRĂNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-030

Địa chỉ (Address): 113 Lê Hồng Phong, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực thành phố Sóc Trăng - Số TK: 1111000573008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TDA

Số (No): 138664

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn - Sóc Trăng

Mã số thuế (Tax code): 2200271882

Địa chỉ (Address): 06 Hùng Vương, Phường 6, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PB1701003437

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TMUCK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

Table with 6 columns: STT (No.), Tên hàng hóa, dịch vụ (Description), ĐVT (Unit), Số lượng (Quantity), Đơn giá (Unit price), Thành tiền (Amount). Includes rows for electricity supply and tax calculations.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được lập bởi: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC SÓC TRĂNG Ngày ký: 21/03/2024 07:45:08



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC SÓC TRĂNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-030

Địa chỉ (Address): 113 Lê Hồng Phong, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực thành phố Sóc Trăng - Số TK: 1111000573008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TDA

Số (No): 184987

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn - Sóc Trăng

Mã số thuế (Tax code): 2200271882

Địa chỉ (Address): 06 Hùng Vương, Phường 6, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): FB17010034437

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đơn vị thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	D	E	F
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 3 năm 2024 từ ngày 21/03/2024 đến ngày 31/03/2024 (kèm theo bảng kê số 1370157891 ngày 03 tháng 04 năm 2024)	kWh	62900	-	190.874.700
Tổng tiền hàng (Total amount):					190.874.700
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 15.269.976
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 206.144.676
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm linh sáu triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm bảy mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC SÓC TRĂNG Ngày ký: 03/04/2024 07:23:54



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

HÓA ĐƠN THU TIỀN NƯỚC (GTGT)

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, TP. Sóc Trăng

Điện thoại: 0299.3820847 - MST: 2200107297

Số TK: 7600211.000004 - Ngân hàng NN&PINT Sóc Trăng

Ký hiệu: 1K24TCN

Số HĐ: 00135456

Khách hàng: CÔNG TY TNHH MTV TM SAI GON SOC TRANG

Mã hóa đơn: 008893022024

Địa chỉ: 06 HUNG VUONG, PHUONG 6, TP. SOC TRANG, TINH SOC TRANG Hùng

Ký hóa đơn: 02/2024

Vương, Phường 6, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng

Mã truy cập HĐĐT: 008893

Điện thoại: Mã danh bộ: 64STCQ90730 MST: 2200271882

CHỈ SỐ CŨ	CHỈ SỐ MỚI	M <sup>3</sup> TIÊU THU	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
58964	60720	1756		
		1.756	11.428,5714	20.068.571,4286
Tiền nước chưa thuế GTGT:				20.068.571
Thuế suất GTGT 5%:				1.003.429
Phí BVMT:				0
Dịch vụ thoát nước:				4.565.600
Tổng tiền thanh toán:				25.637.600

**Bảng chữ: Hai mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm đồng chẵn.**

Lưu ý: Để biết thêm chi tiết. Quý khách hàng vui lòng liên hệ Bộ phận chăm sóc khách hàng số điện thoại (0299)6507979 để được hướng dẫn cụ thể.

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Ký ngày: 20/02/2024 08:46:30



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

HÓA ĐƠN THU TIỀN NƯỚC (GTGT)

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, TP. Sóc Trăng

Điện thoại: 0299.3820847 - MST: 2200107297

Số TK: 7600211.000004 - Ngân hàng NN&PINT Sóc Trăng

Ký hiệu: 1K24TCN

Số HĐ: 00243532

Khách hàng: CÔNG TY TNHH MTV TM SÀI GÒN SÓC TRĂNG

Mã hóa đơn: 008893032024

Địa chỉ: 06 HUNG VƯƠNG, PHƯƠNG 6, TP SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG Hùng

Ký hóa đơn: 03/2024

Vương, Phường 6, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng

Mã truy cập HĐĐT: 008893

Điện thoại: Mã danh bộ: 64STCQ90730 MST: 2200271882

CHỈ SỐ CŨ	CHỈ SỐ MỚI	M <sup>3</sup> TIÊU THỤ	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
60720	62328	1608		
		1.608	11.428,5714	18.377.142,8571
Tiền nước chưa thuế GTGT:				18.377.143
Thuế suất GTGT 5%:				918.857
Phí BVMT:				0
Dịch vụ thoát nước:				4.180.800
Tổng tiền thanh toán:				23.476.800

**Bảng chữ: Hai mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn tám trăm đồng chẵn.**

Lưu ý: Để biết thêm chi tiết. Quý khách hàng vui lòng liên hệ Bộ phận chăm sóc khách hàng số điện thoại: (0299)6507979 để được hướng dẫn cụ thể.

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Ký ngày: 19/03/2024 15:38:28

Giải pháp hóa đơn điện tử được cung cấp bởi Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT-Vinaphone) - MST: 0106869730 - Tel: 19001260



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG**

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, TP. Sóc Trăng

Điện thoại: 0299.3820847 - MST: 2200107297

Số TK: 7600211.000004 - Ngân hàng NN&PNT Sóc Trăng

**HÓA ĐƠN THU TIỀN NƯỚC (GTGT)**

Ký hiệu: 1K24TCN

Số HĐ: 00343231

Khách hàng: CÔNG TY TNHH MTV TM SÀI GÒN SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 06 HÙNG VƯƠNG, PHƯƠNG 6, TP SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Hùng Vương, Phường 6, TP Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng

Điện thoại: Mã danh bộ: 64STCQ90730 MST: 2200271882

Mã hóa đơn: 008893043024

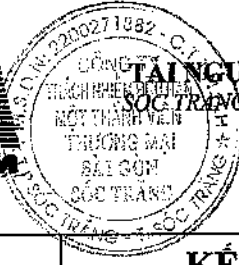
Kỳ hóa đơn: 04/2024

Mã truy cập HDDT: 008893

Chuyển đổi	In hóa đơn	Tải hóa đơn Zip	Ký số	Ký số SmartCA
------------	------------	-----------------	-------	---------------

CHI SỐ CŨ	CHI SỐ MỚI	MÃ TIÊU THỤ	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
62328	63691	1363		
		1363	11.428,5714	15.577.142,8571
Tiền nước chưa thuế GTGT:				15.577.143
Thuế suất GTGT 5%:				778.857
Phí BVMT:				0
Dịch vụ thoát nước:				3.543.800
Tổng tiền thanh toán:				19.899.800





**TRUNG TÂM QUAN TRẮC  
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG SÓC TRĂNG**  
NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
MONITORING CENTER

VIMCERTS  
179



Địa chỉ: 18 Hùng Vương, P6,  
Tp. Sóc Trăng, T. Sóc Trăng  
Add: 18 Hùng Vương street,  
Ward 6, Soc Trang City, Soc  
Trang Province  
ĐT/Phone: (0299) 3616638;  
3827819

Số/Mã số mẫu 503/23.03.209	<b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b> <i>TEST REPORT</i>	Ngày trả kết quả 12/04/2023
-------------------------------	---	--------------------------------

- Tên mẫu/Sample : Nước thải đầu ra – Hồ gas cuối hệ thống xử lý nước thải  
(16h00' – Tọa độ X= 551.313; Y= 1.063.024)
- Khách hàng/Client : CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI SÀI GÒN – SÓC TRĂNG
- Địa chỉ/Address : Số 06, Hùng Vương, phường 6, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.
- Ngày nhận mẫu/Date of receiving : 27/03/2023
- Thời gian lưu mẫu/Holding : 05 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh, BOD<sub>5</sub>;
- Phương pháp lấy mẫu/Sampling Method : Lấy mẫu theo yêu cầu của Khách hàng; TCVN 5999:1995
- Kết quả thử nghiệm/Test result :

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Phương pháp Test Method	Kết quả Test Result
1.	pH <sup>(1)(2)</sup>	-	TCVN 6492:2011	7,45
2.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) <sup>(2)</sup>	mg/L	HD.HT.TDS	835,0
3.	Nhu cầu oxy sinh học (BOD <sub>5</sub> ) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6001-1:2008	1,54
4.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	7,60
5.	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,031
6.	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo N) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	SMEWW 4500 NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> .E:2017	6,14
7.	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> tính theo P) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6202:2008	2,21
8.	Dầu, mỡ động thực vật <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,424
9.	Coliforms <sup>(1)(2)</sup>	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996 SMEWW 9221B:2017	9,0 x 10 <sup>0</sup>
10.	Sunfua (H <sub>2</sub> S)	mg/L	SMEWW 4500S <sup>2</sup> .B&D:2017	Không phát hiện (MDL=0,02)
11.	Tổng các chất hoạt động bề mặt <sup>(3)</sup>	mg/L	TCVN 6336:1998	Không phát hiện (MDL=0,25)

**Ghi chú:**

- (1) Chỉ tiêu đã được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 636. (2) Chỉ tiêu đã được công nhận theo Nghị định 127/2014/NĐ-CP VIMCERTS 179.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm, không được sao chép từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc.
- (3) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ VIMCERTS 078.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời gian lưu mẫu.

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM**

Nguyễn Thị Hồng Thắm



**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Dương Ngọc Quỳnh



**TRUNG TÂM QUAN TRẮC  
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG SÓC TRĂNG**  
SÓC TRĂNG NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
MONITORING CENTER

VIMCERTS  
179



Địa chỉ: 18 Hùng Vương, P6,  
Tp. Sóc Trăng, T. Sóc Trăng  
Add: 18 Hung Vuong street,  
Ward 6, Soc Trang City, Soc  
Trang Province  
ĐT/Phone: (0299) 3616638;  
3827819

Số/Mã số mẫu 1797/23.06.258	<b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b> <i>TEST REPORT</i>	Ngày trả kết quả 19/07/2023
--------------------------------	---	--------------------------------

-Tên mẫu/Sample

: Nước thải đầu ra – Tại hồ gas sau hệ thống xử lý nước thải  
(14h30' – Tọa độ X= 551316; Y= 1063031)

-Khách hàng/Client

: CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI SÀI GÒN –  
SÓC TRĂNG (SIÊU THỊ CO.OP)

-Địa chỉ/Address

: Số 06, Hùng Vương, Phường 6, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

-Ngày nhận mẫu/Date of receiving

: 26/06/2023

-Ngày thực hiện phân tích/Date of execution

: 26/06/2023

-Phương pháp lấy mẫu/Sampling Method

: Lấy mẫu theo yêu cầu Khách hàng; TCVN 5999 : 1995

-Kết quả thử nghiệm/Test result

:

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Phương pháp Test Method	Kết quả Test Result
1.	pH <sup>(1)(2)</sup>	-	TCVN 6492:2011	7,30
2.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	SMEWW 2540C:2017	645,0
3.	Nhu cầu oxy sinh học (BOD <sub>5</sub> ) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6001-1:2008	2,47
4.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	2,40
5.	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,034
6.	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo N) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	SMEWW 4500 NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> .E:2023	5,09
7.	Photphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> tính theo P) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6202:2008	0,442
8.	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/L	TCVN 6637:2000	Không phát hiện (MDL = 0,04)
9.	Dầu, mỡ động thực vật <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,335



TRUNG TÂM QUAN TRẮC  
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG SÓC TRĂNG  
SOC TRANG NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
MONITORING CENTER

VIMCERTS  
179



Địa chỉ: 18 Hùng Vương, P6,  
Tp. Sóc Trăng, T. Sóc Trăng  
Add: 18 Hùng Vương street,  
Ward 6, Soc Trang City, Soc  
Trang Province  
ĐT/Phone: (0299) 3616638;  
3827819

Số/Mã số mẫu 1797/23.06.258	<b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b> <b>TEST REPORT</b>	Ngày trả kết quả 19/07/2023
--------------------------------	---	--------------------------------

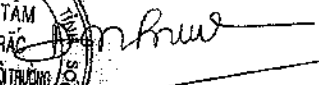

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Phương pháp Test Method	Kết quả Test Result
10.	Coliforms <sup>(2)</sup>	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	4,0 x 10 <sup>0</sup>
11.	Tổng các hoạt động bề mặt <sup>(3)</sup>	mg/L	TCVN 6336:1998	Không phát hiện (MDL = 0,02)

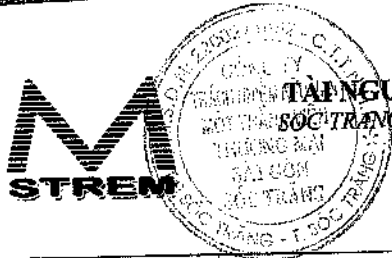
Ghi chú:

- (1) Chỉ tiêu đã được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 636. (2) Chỉ tiêu đã được công nhận theo Nghị định 127/2014/NĐ-CP VIMCERTS 179.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm, không được sao chép từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc.
- (3) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ VIMCERTS 078.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích.
- Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh, BOD<sub>5</sub>). Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời gian lưu mẫu.

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

  
Nguyễn Thị Hồng Thắm

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
  
  
Dương Ngọc Quý



**TRUNG TÂM QUAN TRẮC  
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG SÓC TRĂNG**  
SÓC TRĂNG NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
MONITORING CENTER

VIMCERTS  
179



Địa chỉ: 18 Hùng Vương, P6,  
Tp. Sóc Trăng, T. Sóc Trăng  
Add: 18 Hung Vuong street,  
Ward 6, Soc Trang City, Soc  
Trang Province  
ĐT/Phone: (0299) 3616638;  
3827819

Số/Mã số mẫu 2747/23.09.257	<b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b> <b>TEST REPORT</b>	Ngày trả kết quả 06/11/2023
--------------------------------	---	--------------------------------

- Tên mẫu/Sample** : Nước thải đầu ra -- Hồ gas cuối hệ thống xử lý nước thải  
(10h00' - Tọa độ X=1063024, Y=551313)
- Khách hàng/Client** : CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - SÓC TRĂNG
- Địa chỉ/Address** : Số 06, Hùng Vương, phường 6, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.
- Ngày nhận mẫu/Date of receiving** : 27/09/2023
- Ngày thực hiện phân tích/Date of execution** : 27/09/2023
- Phương pháp lấy mẫu/Sampling Method** : Lấy mẫu theo yêu cầu của Khách hàng; TCVN 5999:1995;  
TCVN 8880 : 2011
- Kết quả thử nghiệm/Test result** :

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Phương pháp Test Method	Kết quả Test Result
1.	pH <sup>(1)(2)</sup>	-	TCVN 6492:2011	7,55
2.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) <sup>(2)</sup>	mg/L	HD.HT.TDS	620,0
3.	Nhu cầu oxy sinh học (BOD <sub>5</sub> ) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6001-1:2021	2,96
4.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	3,45
5.	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6179-1:1996	Không phát hiện (MDL = 0,005)
6.	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo N) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	SMEWW 4500 NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> .E:2023	3,02
7.	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> tính theo P) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6202:2008	2,43
8.	Dầu, mỡ động thực vật <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	0,406
9.	Coliforms <sup>(1)(2)</sup>	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	2,4 x10 <sup>2</sup>
10.	Sunfua (S <sup>2-</sup> ) <sup>(2)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-S <sup>2-</sup> .B&D:2023	Không phát hiện (MDL = 0,03)
11.	Tổng các chất hoạt động bề mặt <sup>(2)</sup>	mg/L	SMEWW 5540B&C:2017	< 0,022

**Ghi chú:**

- (1) Chỉ tiêu đã được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 636. (2) Chỉ tiêu đã được công nhận theo Nghị định 08/2022/NB-CP VIMCERTS 179.
- (3) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ VIMCERT 075, VILAS 533.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm, không được sao chép từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích.
- Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh, BOD<sub>5</sub>). Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời gian lưu mẫu.

**PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM**

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**





**TRUNG TÂM QUAN TRẮC  
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG SÓC TRĂNG**  
SÓC TRĂNG NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
MONITORING CENTER

VINCERTS  
179



Địa chỉ: 18 Hùng Vương, P6,  
Tp. Sóc Trăng, T. Sóc Trăng  
Add: 18 Hùng Vương street,  
Ward 6, Soc Trang City, Soc  
Trang Province  
ĐT/Phone: (0299) 3616638;  
3827819

Số/Mã số mẫu 3627/23.12.149	<b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b> <b>TEST REPORT</b>	Ngày trả kết quả 29/12/2023
--------------------------------	---	--------------------------------

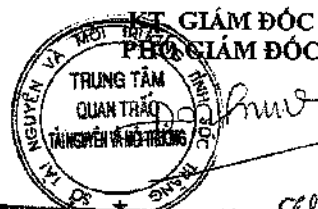
- Tên mẫu/Sample : Nước thải – Tại hồ gas sau hệ thống xử lý nước thải  
(08h45' – Tọa độ X=1063031, Y=551316)
- Khách hàng/Client : CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI SÀI GÒN – SÓC TRĂNG
- Địa chỉ/Address : Số 06, Hùng Vương, Phường 6, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng
- Ngày nhận mẫu/Date of receiving : 12/12/2023
- Ngày thực hiện phân tích/Date of execution : 12/12/2023
- Phương pháp lấy mẫu/Sampling Method : Lấy mẫu theo yêu cầu của Khách hàng; TCVN 5999 : 1995;  
TCVN 8880 : 2011
- Kết quả thử nghiệm/Test result :

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Phương pháp Test Method	Kết quả Test Result
1.	pH <sup>(1)(2)</sup>	-	TCVN 6492:2011	7,25
2.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) <sup>(2)</sup>	mg/L	HD:HT.TDS	870,0
3.	Nhu cầu oxy sinh học (BOD <sub>5</sub> ) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6001-1:2021	3,75
4.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	24,0
5.	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,007
6.	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo N) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	SMEWW 4500 NO <sub>3</sub> -E:2023	27,5
7.	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> tính theo P) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6202:2008	2,90
8.	Dầu, mỡ động thực vật <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	Không phát hiện (MDL = 0,03)
9.	Coliforms <sup>(1)(2)</sup>	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	7,9 x 10 <sup>2</sup>
10.	Sulfua (S <sup>2-</sup> ) <sup>(2)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-S <sup>2-</sup> .B&D:2023	Không phát hiện (MDL = 0,03)
11.	Tổng các chất hoạt động bề mặt <sup>(3)</sup>	mg/L	TCVN 6336:1998	0,9

Chú thích:

- (1) Chỉ tiêu đã được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 636. (2) Chỉ tiêu đã được công nhận theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP VINCERTS 179.
- (3) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ VINCERT 078
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm, không được sao chép từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích.
- Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh, BOD<sub>5</sub>). Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời gian lưu mẫu.

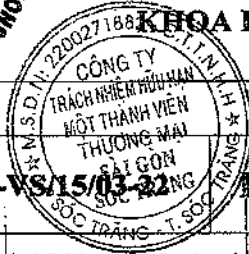
**PHỤ TRÁCH PHÒNG THỬ NGHIỆM**





SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
TỈNH SÓC TRĂNG  
TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIẾN BỘ  
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

ĐC: 20A An Dương Vương, TP. Sóc Trăng  
ĐT: 02993.826435  
Fax: 02993.610871  
Website: www.sta.soctrang.gov.vn  
Email: sta.soctrang@gmail.com



Số: 41/HL-VS/15/03-22

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Ngày: 04/04/2022

Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải  
Số lượng mẫu : 01 mẫu (1 lít)  
Ngày nhận mẫu : 23/03/2022  
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong chai thủy tinh đầy kín  
Ngày thử nghiệm : 24/03/2022  
Nơi gửi mẫu : Công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn - Sóc Trăng.  
Số 06 Hùng Vương, phường 6, thành phố Sóc Trăng  
Lưu mẫu :  Không;  Có; đến ngày:.....  
Lấy mẫu thử nghiệm tại hiện trường:  Không;  Có; Phương pháp lấy mẫu: TCVN 5992:1995  
Kết quả thử nghiệm:

(Xem phụ lục đính kèm)

**P. TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM**

Nguyễn Công Bằng

**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Anh Huy

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến;
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ Khoa học và Công nghệ Sóc Trăng.



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
TỈNH SÓC TRĂNG  
TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIỀN BỘ  
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

ĐC: 101/21 Hùng Vương, TP. Sóc Trăng  
ĐT: 02993.826435  
Fax: 02993.610871  
Website: www.sta.soctrang.gov.vn  
Email: sta.soctrang@gmail.com

PHỤ LỤC

Kèm theo Phiếu kết quả thử nghiệm số 41/HL-VS/15/03-22, ngày 04/04/2022



TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Phương pháp thử/ Thiết bị đo
01	pH (*)	-	7,65	SMEWW 4500 H <sup>+</sup> B - 2017
02	Hàm lượng BOD <sub>5</sub> (*)	mg/L	20,2	SMEWW 5210 D - 2017
03	Hàm lượng chất rắn lơ lửng (*)	mg/L	40	SMEWW 2540 D - 2017
04	Hàm lượng chất rắn hòa tan (*)	mg/L	540	SMEWW 2540 C - 2017
05	Hàm lượng Amonia (*)	mg/L	Không phát hiện (LOQ=0,37mg/L)	TCVN 5988:1995
06	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/L	13,5	SMEWW 4500 NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> B - 2017
07	Hàm lượng Photphat (*)	mg/L	2,4	SMEWW 4500 P E - 2017
08	Hàm lượng Hydro Sulfua	mg/L	Không phát hiện (LOQ=0,08mg/L)	SMEWW 4500 S <sup>2-</sup> F - 2017
09	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	0,2	SMEWW 5520 B - 2017
10	Coliform (*)	CFU/ 100ml	4,3 x 10 <sup>2</sup>	HD 7.2 -VS- 03 (Ref TCVN 6187-2:1996)



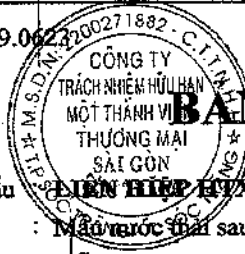
Ghi chú: - LOQ: Giới hạn định lượng.

- Chỉ tiêu (\*) đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025.

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến;
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Ứng dụng Tiên bộ Khoa học và Công nghệ Sóc Trăng.



Số: IER-N2209.062



## BẢNG KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị gửi mẫu : **DIỆN HIỆP HUY THƯƠNG MẠI TP.HCM**  
 Tên mẫu : Mẫu nước thải sau xử lý Co.opmart Sóc Trăng  
 Mã số mẫu : Mẫu nước chứa trong bình nhựa khoảng 5 L  
 Đơn vị lấy mẫu : Khách hàng gửi mẫu

Ngày lấy mẫu : 14.09.2022  
 Ngày nhận mẫu : 16.09.2022

TT	THÔNG SỐ PHÂN TÍCH	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	LOD	TIÊU CHUẨN SO SÁNH <sup>(*)</sup>	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1.	pH	-	6,75	-	5 - 9	TCVN 6492:2011
2.	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mgO <sub>2</sub> /L	< 3,0	1,0	30	SMEWW 5210.B:2017
3.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	KPH	2,0	50	SMEWW 2540.D:2017
4.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	560 ✓	-	500	LGW 35
5.	Sulfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/L	KPH	0,05	1,0	SMEWW 4500-S <sup>2</sup> .D:2017
6.	Amoni NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (tính theo N)	mg/L	KPH	0,5	5	SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> .B&C:2017
7.	Nitrat NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> (tính theo N)	mg/L	30,0	0,05	30	SMEWW 4500-NO <sub>3</sub> .E: 2017
8.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	KPH	1,0	10	SMEWW 5520.B&F:2017
9.	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/L	KPH	0,03	5	SMEWW 5540.B&C:2017
10.	Phosphat PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> (tính theo P)	mg/L	1,92	0,02	6	SMEWW 4500-P.D:2017
11.	Tổng Coliforms	MPN/100mL	KPH	2	3.000	SMEWW 9221.B:2017

**Chú thích:**

- Phòng thí nghiệm đạt chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu: VIMCERTS 138 (QĐ số 2857/QĐ-BTNMT).
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Thông tin tên khách hàng và tên mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu của khách hàng.
- Các ký hiệu: KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện; (\*) Kết quả do nhà thầu phụ thực hiện;
- Dấu (-): Không chứa giá trị, thông tin.
- (\*) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A. K = 1,0.

Đại diện nhóm phân tích

P. Trưởng Phòng Thí Nghiệm

Nguyễn Văn Sang

ThS. Nguyễn Thành Trung

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 09 năm 2022



GS.TS. Thanh Hải





**TRUNG TÂM QUAN TRẮC  
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG SÓC TRĂNG**  
SOC TRANG NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
MONITORING CENTER



Địa chỉ: 18 Hùng Vương, P6,  
Tp. Sóc Trăng, T. Sóc Trăng  
Add: 18 Hùng Vương street,  
Ward 6, Soc Trang City, Soc  
Trang Province  
ĐT/Phone: (0299) 3616638;  
3827819

Số/Mã số mẫu 2620/22.12.087	<b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b> <b>TEST REPORT</b>	Ngày trả kết quả 27/12/2022
--------------------------------	---	--------------------------------

ên mẫu/Sample : Nước thải đầu ra – Hồ gas cuối hệ thống xử lý nước thải  
(14h45 – Tọa độ X= 551.313; Y= 1.063.024)  
hách hàng/Client : SIÊU THỊ CO.OP MART SÓC TRĂNG  
ịa chỉ/Address : Số 06, Hùng Vương, phường 6, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.  
gày nhận mẫu/Date of receiving : 08/12/2022  
hời gian lưu mẫu/Holding : 05 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh, BOD<sub>5</sub>,  
hương pháp lấy mẫu/Sampling Method : Lấy mẫu theo yêu cầu của Khách hàng; TCVN 5999:1995  
ết quả thử nghiệm/Test result :

ST	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Phương pháp Test Method	Kết quả Test Result
1.	pH <sup>(1)(2)</sup>	-	TCVN 6492:2011	6,65
2.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) <sup>(1)</sup>	mg/L	HD.H.T.TDS	145,0
3.	Nhu cầu oxy sinh học (BOD <sub>5</sub> ) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6001-1:2008	4,81
4.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	11,8
5.	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,017
6.	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo N) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	SMEWW 4500 NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> E:2017	39,4
7.	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> tính theo P) <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	TCVN 6202:2008	3,90
8.	Dầu, mỡ động thực vật <sup>(1)(2)</sup>	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,531
9.	Coliforms <sup>(1)(2)</sup>	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996 SMEWW 9221:2017	1,5 x 10 <sup>1</sup>
10.	Sunfua (H <sub>2</sub> S)	mg/L	SMEWW 4500S <sup>2</sup> .B&D:2017	Không phát hiện (MDL=0,02)
11.	Tổng các chất hoạt động bề mặt <sup>(3)</sup>	mg/L	TCVN 6336:1998	Không phát hiện (MDL=0,25)

Ghi chú:

- (1) Chỉ tiêu đã được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 636. (2) Chỉ tiêu đã được công nhận theo Nghị định 127/2014/NĐ-CP VIMCERTS 179.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm, không được sao chép từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc.
- (3) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ VIMCERTS 078.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời gian lưu mẫu.

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM**

Nguyễn Thị Hồng Thắm

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



TRANG 5



Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng  
Cơ quan: Tỉnh Sóc Trăng

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1075 /QĐ-UBND

Sóc Trăng, ngày 04 tháng 5 năm 2023

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông chính thuộc nguồn nước nội tỉnh (nước mặt) trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;*

*Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 341/QĐ-BTNMT ngày 23/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Danh mục lưu vực sông nội tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 154/QĐ-TCMT ngày 15/02/2019 của Tổng cục môi trường ban hành hướng dẫn kỹ thuật tính toán sức chịu tải nguồn nước sông;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng (Công văn số 751/STNMT-NKS ngày 29/3/2023).*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông chính thuộc nguồn nước nội tỉnh (nước mặt) trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng để áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải phục vụ công tác kiểm soát nguồn thải, quản lý và bảo vệ nguồn nước mặt các sông theo quy định.

*(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).*

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:**

- Thông báo rộng rãi Danh mục các sông là nguồn nước nội tỉnh trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng đã được đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải đến các huyện, thị xã, thành phố và trên Công thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường để các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan biết, theo dõi, thực hiện.

- Chủ trì, tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung việc áp dụng các quy định về khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông, hồ là nguồn nước nội tỉnh trong trường hợp cần thiết theo quy định của pháp luật.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh không thẩm định, phê duyệt đối với các dự án có hoạt động xả nước thải trực tiếp vào môi trường nước mặt trên các sông không còn khả năng chịu tải, trừ các trường hợp chủ dự án đầu tư có phương án xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất lượng nước mặt trước khi thải vào nguồn tiếp nhận; hoặc có phương án tuần hoàn, tái sử dụng để không làm phát sinh thêm nước thải; hoặc dự án đầu tư xử lý các chất ô nhiễm, cải tạo, phục hồi, cải thiện chất lượng môi trường nước mặt khu vực bị ô nhiễm.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện các giải pháp phòng ngừa và kiểm soát nguồn thải; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương thực hiện công tác quản lý, phổ biến và sử dụng kết quả phục vụ cho công tác quy hoạch, quản lý, khai thác nước mặt hợp lý.

### **2. Các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực ngành, địa phương mình quản lý; thường xuyên tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm theo đúng quy định.

- Tổ chức quản lý danh mục các sông là nguồn nước nội tỉnh đã được đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải trên địa bàn; chỉ đạo kiểm tra và tổ chức thực hiện kiểm soát nguồn gây ô nhiễm, quản lý chặt chẽ các nguồn thải, các hoạt động xả nước thải vào nguồn nước theo đúng quy định.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung việc áp dụng các quy định về khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông, hồ là nguồn nước nội tỉnh trong trường hợp cần thiết.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố không cấp giấy phép môi trường cho dự án đầu tư mới (theo thẩm quyền) có hoạt động xả nước thải trực tiếp vào môi trường nước mặt trên các sông không còn khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải; trừ trường hợp chủ dự án đầu tư có phương án xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất lượng nước mặt trước khi thải vào

nguồn tiếp nhận; hoặc có phương án tuần hoàn, tái sử dụng để không làm phát sinh thêm nước thải; hoặc dự án đầu tư xử lý các chất ô nhiễm, cải tạo, phục hồi, cải thiện chất lượng môi trường nước mặt khu vực bị ô nhiễm.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt theo quy định.

### 3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ, phòng, chống ô nhiễm nguồn nước mặt trên các sông theo quy định.

- Kiểm soát nguồn phát sinh ô nhiễm, quản lý chặt chẽ các nguồn thải trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh; xử lý nước thải đạt quy chuẩn môi trường cho phép trước khi xả nước thải ra nguồn tiếp nhận.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *tt*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ TN&MT
- Cục QL TNN (Bộ TN&MT);
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành tỉnh;
- Lưu: VTW *tt*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*tt*

**Vương Quốc Nam**



Stt	Tên đoạn	Thuộc lưu vực sông	Chiều dài (km)	Diện tích lưu vực (km <sup>2</sup> )	Tọa độ (Vĩ độ, kinh tuyến trực tiếp 105°30', mỗi chiều 6°)		Địa vị hành chính		Mục đích sử dụng nước theo QCVN 08:2015/BTNMT	Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải đối với (tổng thông số đánh giá (kg/ngày))				Ghi chú	
					Điểm bắt đầu	Điểm kết thúc	Cấp huyện	Cấp xã		COD	BOD <sub>5</sub> (20°C)	AmoNi (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )		Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> )
22	Kênh Hưng Thạnh	Kênh Hưng Thạnh	15	49,78	554.016 1.054.502	563.954 1.046.142	Trần Đề	Thành Thới An, Viên Bình	B1	3782,54	158,34	91,959	228,689	10,904	Còn khả năng tiếp nhận nước thải
23	Kênh Tiếp Nhứt - đoạn 1	Kênh Tiếp Nhứt	13,9	95,64	554.647 1.056.750	566.438 1.049.505	Mỹ Xuyên; Trần Đề	Thị trấn Mỹ Xuyên; Tài Văn, Viên An Viên Bình	B1	2024,14	172,70	72,831	168,051	13,870	Còn khả năng tiếp nhận nước thải
24	Kênh Tiếp Nhứt - đoạn 2		Trần Đề		Liêu Tú, thị trấn Lịch Hội Thượng	B1	2918,77	53,82	24,119	51,198	4,776	Còn khả năng tiếp nhận nước thải			
25	Kênh Tiếp Nhứt - đoạn 3	Rạch Ngan Rô	7,2	73,9	570.761 1.049.393	577.857 1.050.633	Trần Đề	Trung Bình, thị trấn Lịch Hội Thượng, thị trấn Trần Đề	B1	3968,85	94,50	34,362	79,712	7,320	Còn khả năng tiếp nhận nước thải
26	Rạch Ngan Rô - đoạn 1		Trần Đề		Tài Văn	B1	423,61	100,14	6,396	203,878	0,824	Còn khả năng tiếp nhận nước thải			
27	Rạch Ngan Rô - đoạn 2		Long Phú; Trần Đề		Long Phú; Đại An 2	B1	609,63	81,13	6,707	177,916	0,977	Còn khả năng tiếp nhận nước thải			
28	Rạch Ngan Rô - đoạn 3	Trần Đề	Đại An 2	B1	699,18	77,28	7,459	170,513	1,034	Còn khả năng tiếp nhận nước thải					
29	Kênh Xáng Lớn	Kênh Xáng Lớn	6	21,2	557.268 1.062.262	551.126 1.062.575	Thành phố Sóc Trăng	Phường 6; Phường 8	B1	16077,28	373,25	89,372	53,276	-7,843	Không còn khả năng tiếp nhận nước thải; Chỉ tiêu PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup>
30	Sông Long Phú - đoạn 1	Sông Long Phú	7,4	65,22	558.725 1.064.061	565.789 1.063.067	Long Phú	Tân Thạnh; Tân Hưng	B1	9534,01	128,34	16,635	11,065	1,568	Còn khả năng tiếp nhận nước thải
31	Sông Long Phú - đoạn 2		Long Phú		Long Phú; thị trấn Long Phú	B1	11350,33	101,53	11,490	12,240	1,528	Còn khả năng tiếp nhận nước thải			



Stt	Tên đoạn	Thuộc lưu vực sông	Chiều dài (km)	Diện tích lưu vực (km <sup>2</sup> )	Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trực 105.30', múi chiều 6°)		Địa giới hành chính		Mục đích sử dụng nước theo QCVN 08:2015/B TNMT	Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải đối với (tổng thông số đánh giá (kg/ngày))				Ghi chú	
					Điểm bắt đầu	Điểm kết thúc	Cấp huyện	Cấp xã		COD	BOD <sub>5</sub> (20°C)	Amo <sub>N</sub> (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )		Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>-3</sup> )
32	Sông Cồn Tròn	Sông Cồn Tròn	24	48,25	578.170 1.055.036	569.771 1.066.999	Cù Lao Dung	Thị trấn Cù Lao Dung; An Thạnh 2; Đại An 1; An Thạnh Nam	BI	30214,03	567,75	8,183	51,574	6,252	Còn khả năng tiếp nhận nước thải
33	Sông Mỹ Thạnh - đoạn 1	Sông Mỹ Thạnh	6,6	574.140 1.042.153	569.031 1.040.979	Trần Đề;	thị xã Vĩnh Châu	Trần Đề, Lịch Hội Thượng; Vĩnh Hải	BI	87757,71	677,98	158,451	408,217	302,876	Còn khả năng tiếp nhận nước thải
34	Sông Mỹ Thạnh - đoạn 2	Sông Mỹ Thạnh	10,5	569.031 1.040.979	560.065 1.044.916	Trần Đề;	thị xã Vĩnh Châu	Liêu Tú, Viên Bình; Hòa Đông	BI	79341,80	1193,77	303,835	660,037	732,714	Còn khả năng tiếp nhận nước thải
35	Sông Mỹ Thạnh - đoạn 3	Sông Mỹ Thạnh	9,8	560.065 1.044.916	551.804 1.042.628	Trần Đề;	thị xã Vĩnh Châu	Thạnh Thới Thuận, Thạnh Thới An; Hòa Đông, Phường Khánh Hòa	BI	58756,43	973,29	362,385	778,134	943,097	Còn khả năng tiếp nhận nước thải
36	Kênh xáng Mỹ Phước	Kênh xáng Mỹ Phước	16	532.428 1.057.709	515.911 1.064.406	Mỹ Tú;	thị xã Ngã Năm	Phước 2; Mỹ Phước	BI	7165,52	96,99	22,361	60,523	8,761	Còn khả năng tiếp nhận nước thải
37	Kênh Tam Sóc - đoạn 1	Kênh Tam Sóc	8	532.969 1.057.018	540.528 1.059.236	Mỹ Tú	Mỹ Thuận, Thuận Hưng	Mỹ Thuận, Thuận Hưng	BI	4464,42	423,48	51,504	70,596	192,319	Còn khả năng tiếp nhận nước thải
38	Kênh Tam Sóc - đoạn 2	Kênh Tam Sóc	4	540.528 1.059.236	543.980 1.061.169	Mỹ Tú	Thuận Hưng	Thuận Hưng	BI	3810,55	390,42	58,935	70,890	175,858	Còn khả năng tiếp nhận nước thải



STT	Tên đoạn	Thuộc lưu vực sông	Chiều dài (km)	Diện tích lưu vực (km <sup>2</sup> )	Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trực 105°30', mỗi điểm bắt đầu		Địa giới hành chính		Mục đích sử dụng nước theo QCVN 08:2015/B-TNMT	Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải đối với từng thông số đánh giá (kg/ngày)				Ghi chú	
					Điểm bắt đầu	Điểm kết thúc	Cấp huyện	Cấp xã		COD	BOD <sub>5</sub> (20°C)	Amo <sub>N</sub> (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )		Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> )
39	Kênh Tân Sóc - đoạn 3		7,2		543.980 1.061.169	551.101 1.062.565	Châu Thành, thành phố Sóc Trăng	An Ninh; Phường 2; Phường 7	B1	2690,16	161,47	51,567	59,146	191,238	Còn khả năng tiếp nhận nước thải
40	Kênh Cái Trầu - đoạn 1	Kênh Cái Trầu	7,0	64,73	518.787 1.053.137	525.401 1.055.358	Ngã Năm; Thành Trì	Tân Long; Thành Tân	B1	2833,06	18,22	4,171	12,199	0,669	Còn khả năng tiếp nhận nước thải
41	Kênh Cái Trầu - đoạn 2				525.401 1.055.358	532.841 1.057.000	Mỹ Tú, Thành Trì	Mỹ Thuận; Lâm Tân	B1	2628,90	20,68	4,294	14,650	0,917	Còn khả năng tiếp nhận nước thải
42	Rạch Xã Keo	Rạch Xã Keo	10	36,52	527.496 1.051.467	536.062 1.053.119	Thành Trì	Lâm Tân; Lâm Kiệt	B1	-18,91	14,44	6,212	14,815	-0,207	Không còn khả năng tiếp nhận nước thải; Chỉ tiêu COD và PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup>
43	Sông Gia Hòa - đoạn 1	Sông Gia Hòa	24,8	201,86	539.909 1.047.967	537.927 1.042.421	Mỹ Xuyên, Thành Trì	Gia Hòa 1, Gia Hòa 2, Hòa Trị 1, Thành Phú, Thành Quới; thị trấn Phú Lộc	B1	1273,95	529,32	37,939	123,668	12,330	Còn khả năng tiếp nhận nước thải
44	Sông Gia Hòa - đoạn 2				527.927 1.042.421	525.495 1.043.495	Thành Trì	Thị trấn Phú Lộc	B1	1321,23	68,20	4,789	10,715	2,224	Còn khả năng tiếp nhận nước thải
45	Sông Gia Hòa - đoạn 3				525.495 1.043.495	522.126 1.049.933	Thành Trì	Thành Trì, Thành Tân, Thị trấn Phú Lộc	B1	1226,67	165,74	14,608	28,626	5,557	Còn khả năng tiếp nhận nước thải
46	Sông Gia Hòa - đoạn 4		14,2		522.126 1.049.933	510.508 1.057.798	Thành Trì; thị xã Ngã Năm	Thành Trì; Tân Long; Long Bình, Phường 1	B1	1620,94	322,37	32,434	51,048	7,734	Còn khả năng tiếp nhận nước thải

Stt	Tên đoạn	Thuộc lưu vực sông	Chiều dài (km)	Diện tích lưu vực (km <sup>2</sup> )	Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trục 105°30', múi châu Âu)		Địa giới hành chính		Mục đích sử dụng nước theo QCVN 08:2015/MT-TNMT	Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải đối với từng thông số đánh giá (kg/ngày)				Ghi chú	
					Điểm bắt đầu	Điểm kết thúc	Cấp huyện	Cấp xã		COD	BOD <sub>5</sub> (20°C)	AmoNi (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )		Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>-</sup> )
47	Sông Trung Hòa	Sông Trung Hòa	10	38,82	522.207 1.049.938	527.806 1.042.714	Thành Trì	Thạnh Tân; Tuần Túc; thị trấn Phú Lộc	B1	967,03	51,72	22,562	44,033	0,821	Còn khả năng tiếp nhận nước thải
48	Sông Đĩnh	Sông Đĩnh	14	29,75	544.632 1.048.071	547.025 1.044.086	Mỹ Xuyên	Hòa Tú I; Ngọc Tề, Ngọc Đồng	B1	1548,13	60,80	22,894	18,699	1,254	Còn khả năng tiếp nhận nước thải
49	Kênh Mới	Kênh Mới	11	60,08	551.889 1.042.501	551.411 1.031.491	Thị xã Vĩnh Châu	Phường 1; Phường 2; Phường Khánh Hòa; Phường Vĩnh Phước; Vĩnh Hiệp	A2	-2221,87	70,36	14,202	24,559	3,404	Không còn khả năng tiếp nhận nước thải
50	Rạch Trà Niên	Rạch Trà Niên	15	65,08	559.086 1.038.024	568.747 1.040.930	Thị xã Vĩnh Châu	Vĩnh Hải, Hòa Đông, Lạc Hòa	B1	13674,94	944,04	112,292	71,386	3,913	Còn khả năng tiếp nhận nước thải
51	Kênh Xáng	Kênh Xáng	10	39,08	570.768 1.049.376	569.071 1.041.248	Trần Đề	Liêu Tú, Thị trấn Lịch Hội Thượng	B1	4541,43	141,32	43,845	37,760	1,525	Còn khả năng tiếp nhận nước thải

Ghi chú: - Mục đích sử dụng nước áp dụng là QCVN 08-MT:2015/MT-TNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

+ A2 dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các mục đích sử dụng như loại B1 và B2.

+ B1 dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích như loại B2.



**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA  
VỀ NƯỚC THẢI SINH HOẠT**

*National technical regulation on domestic wastewater*

**(QCVN 14 : 2008/BTNMT )**

**1. QUY ĐỊNH CHUNG**

**1.1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chuẩn này quy định giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi thải ra môi trường.

Không áp dụng quy chuẩn này đối với nước thải sinh hoạt thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

**1.2. Đối tượng áp dụng**

Quy chuẩn này áp dụng đối với cơ sở công cộng, doanh trại lực lượng vũ trang, cơ sở dịch vụ, khu chung cư và khu dân cư, doanh nghiệp thải nước thải sinh hoạt ra môi trường.

**1.3. Giải thích thuật ngữ**

Trong Quy chuẩn này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.3.1. Nước thải sinh hoạt là nước thải ra từ các hoạt động sinh hoạt của con người như ăn uống, tắm giặt, vệ sinh cá nhân.

1.3.2. Nguồn nước tiếp nhận nước thải là nguồn nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ, có mục đích sử dụng xác định, nơi mà nước thải sinh hoạt thải vào.

**2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT**

**2.1. Giá trị tối đa cho phép các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt**

Giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi thải ra nguồn nước tiếp nhận nước thải không vượt quá giá trị  $C_{max}$  được tính toán như sau:

$$C_{max} = C \times K$$

Trong đó:

$C_{max}$  là nồng độ tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi thải ra nguồn nước tiếp nhận, tính bằng miligam trên lít nước thải (mg/l);

C là giá trị nồng độ của thông số ô nhiễm quy định tại Bảng 1 mục 2.2.

K là hệ số tính tới quy mô, loại hình cơ sở dịch vụ, cơ sở công cộng và chung cư quy định tại mục 2.3.

Không áp dụng công thức tính nồng độ tối đa cho phép trong nước thải cho thông số pH và tổng coliforms.

**2.2. Giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt**

Giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép  $C_{max}$  trong nước thải sinh hoạt khi thải ra các nguồn nước tiếp nhận nước thải được quy định tại Bảng 1.

**Bảng 1: Giá trị các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt**

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C	
			A	B
1	pH	-	5 - 9	5 - 9
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	30	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500	1000
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	1.0	4.0
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	10
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/l	30	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5	10
10	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	6	10
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	3.000	5.000

Trong đó:

- Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột A1 và A2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt).

- Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ).

### 2.3. Giá trị hệ số K

Tùy theo loại hình, quy mô và diện tích sử dụng của cơ sở dịch vụ, cơ sở công cộng, khu chung cư và khu dân cư, doanh nghiệp, giá trị hệ số K được áp dụng theo Bảng 2

**Bảng 2: Giá trị hệ số K ứng với loại hình cơ sở dịch vụ, cơ sở công cộng và chung cư**

Loại hình cơ sở	Quy mô, diện tích sử dụng của cơ sở	Giá trị hệ số K
1. Khách sạn, nhà nghỉ	Từ 50 phòng hoặc khách sạn được xếp hạng 3 sao trở lên	1
	Dưới 50 phòng	1,2
2. Trụ sở cơ quan, văn phòng, trường học, cơ sở nghiên cứu	Lớn hơn hoặc bằng 10.000m <sup>2</sup>	1,0
	Dưới 10.000m <sup>2</sup>	1,2
3. Cửa hàng bách hoá, siêu thị	Lớn hơn hoặc bằng 5.000m <sup>2</sup>	1,0
	Dưới 5.000m <sup>2</sup>	1,2

Loại hình cơ sở	Quy mô, diện tích sử dụng của cơ sở	Giá trị hệ số K
4. Chợ	Lớn hơn hoặc bằng 1.500m <sup>2</sup>	1,0
	Dưới 1.500m <sup>2</sup>	1,2
5. Nhà hàng ăn uống, cửa hàng thực phẩm	Lớn hơn hoặc bằng 500m <sup>2</sup>	1,0
	Dưới 500m <sup>2</sup>	1,2
6. Cơ sở sản xuất, doanh trại lực lượng vũ trang	Từ 500 người trở lên	1,0
	Dưới 500 người	1,2
7. Khu chung cư, khu dân cư	Từ 50 căn hộ trở lên	1,0
	Dưới 50 căn hộ	1,2

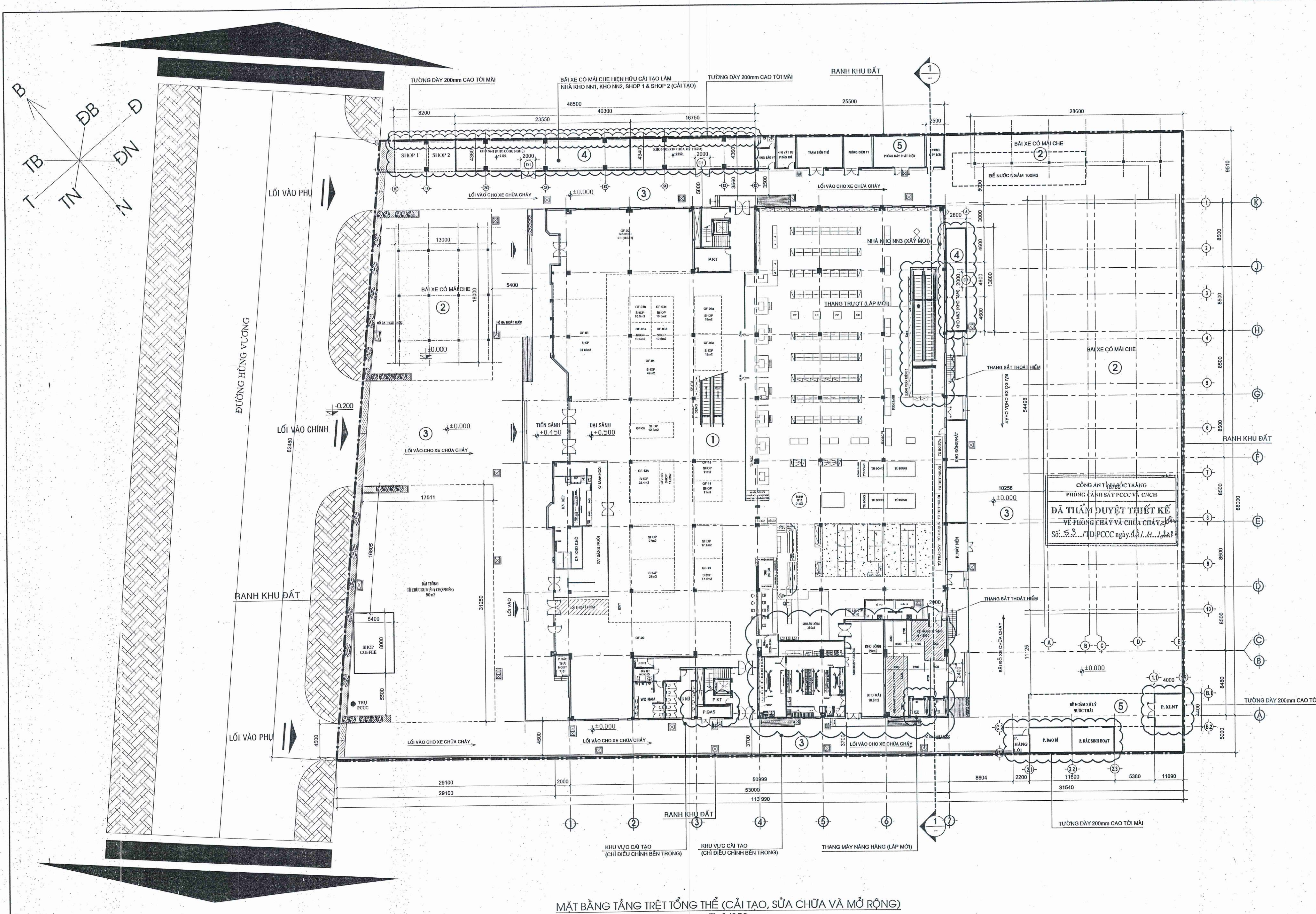
### 3. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH

Phương pháp xác định giá trị các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt thực hiện theo hướng dẫn của các tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn phân tích tương ứng của các tổ chức quốc tế:

- TCVN 6492-1999 (ISO 10523-1994) Chất lượng nước - Xác định pH.
- TCVN 6001-1995 (ISO 5815-1989) - Chất lượng nước - Xác định nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD<sub>5</sub>). Phương pháp cấy và pha loãng;
- TCVN 6625-2000 (ISO 11923-1997) - Chất lượng nước - Xác định chất rắn lơ lửng bằng cách lọc qua cái lọc sợi thủy tinh.
- TCVN 6053-1995 (ISO 9696-1992) - Chất lượng nước - Xác định hàm lượng tổng chất rắn hòa tan.
- TCVN 4567-1988 - Chất lượng nước - Xác định hàm lượng gốc sunphua và sunphát
- TCVN 5988-1995 (ISO 5664-1984) - Chất lượng nước - Xác định amoni - Phương pháp chung cất và chuẩn độ.
- TCVN 6180-1996 (ISO 7890-3-1988) - Chất lượng nước - Xác định nitrat - Phương pháp trắc phổ dùng axit sunfosalixylic.
- TCVN 6336-1998 (ASTM D 2330-1988) - Phương pháp thử chất hoạt động bề mặt bằng metylen xanh.
- TCVN 6622-2000 - Chất lượng nước - Xác định chất hoạt động bề mặt. Phần 1: Xác định chất hoạt động bề mặt Anion bằng phương pháp đo phổ Metylen xanh.
- TCVN 6494-1999 - Chất lượng nước - Xác định các ion Florua, Clorua, Nitrit, Orthophotphat, Bromua, Nitrat và Sunfat hòa tan bằng sắc ký lỏng ion.
- TCVN 6187-1-1996 (ISO 9308-1-1990) - Chất lượng nước - Phát hiện và đếm vi khuẩn coliform, vi khuẩn coliform chịu nhiệt và Escherichia coli giả định. Phần 1: Phương pháp màng lọc.
- TCVN 6187-2:1996 (ISO 9308-2:1990) Chất lượng nước - Phát hiện và đếm vi khuẩn coliform, vi khuẩn coliform chịu nhiệt và escherichia coli giả định - Phần 2: Phương pháp nhiều ống.

Phương pháp xác định tổng dầu mỡ thực hiện theo US EPA Method 1664 Extraction and gravimetry (Oil and grease and total petroleum hydrocarbons)





MẶT BẰNG TẦNG TRỆT TỔNG THỂ (CẢI TẠO, SỬA CHỮA VÀ MỞ RỘNG)  
 TL: 1/250

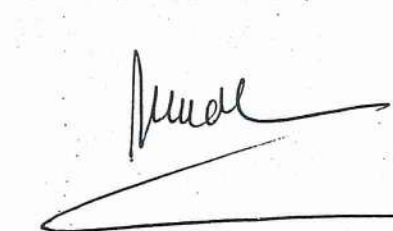
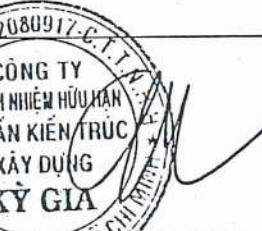



THUYẾT MINH CHUNG:

- ① CÁC HƯỚNG TIẾP GIÁP:
  - HƯỚNG ĐÔNG BẮC GIÁP SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN.
  - HƯỚNG ĐÔNG NAM TRƯỜNG HỌC NGUYỄN THỊ MINH KHAI.
  - HƯỚNG TÂY BẮC GẤP ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG.
  - HƯỚNG TÂY NAM GIÁP BẢO Tàng TỈNH SÓC TRĂNG.
- ② HẠNG SẢN XUẤT: CHẤT CHẤY CHỦ YẾU LÀ BAO BÌ, BỘC NI LÔNG CÓ TẢI TRỌNG CHẤT CHẤY RIÊNG LÀ 1.400MJ/m<sup>2</sup>. HẠNG SẢN XUẤT C2.
- ③ BẠC CHỊU LỬA CỦA CÔNG TRÌNH:
  - TƯỜNG GẠCH ĐÁT SÉT NUNG DÀY 200mm, GIỚI HẠN CHỊU LỬA (REI)=180 PHÚT. BẠC CHỊU LỬA BẬC I.
  - CỘT BÊ TÔNG CỐT THÉP KÍCH THƯỚC 400x400mm CÓ BỐN MẶT TIẾP XÚC VỚI LỬA GIỚI HẠN CHỊU LỬA R=180 PHÚT. BẠC CHỊU LỬA BẬC I.
  - SÀN GIỮA CÁC TẦNG VÀ SÀN MÁI BÊ TÔNG CỐT DÂY 100mm, GIỚI HẠN CHỊU LỬA (REI)=60 PHÚT. BẠC CHỊU LỬA BẬC I.
  - MÁI TÓN SÓNG VƯƠNG DÀY 0,45mm, GIỚI HẠN CHỊU LỬA (REI)=15 PHÚT. BẠC CHỊU LỬA BẬC II.
  - THANG THOÁT NẠN CÓ KÍCH THƯỚC CHIỀU RỘNG BẬC 1.2m & 1.4m, CHIỀU CAO BẬC LÀ 150mm. GIỚI HẠN CHỊU LỬA R=60 PHÚT. BẠC CHỊU LỬA BẬC I.

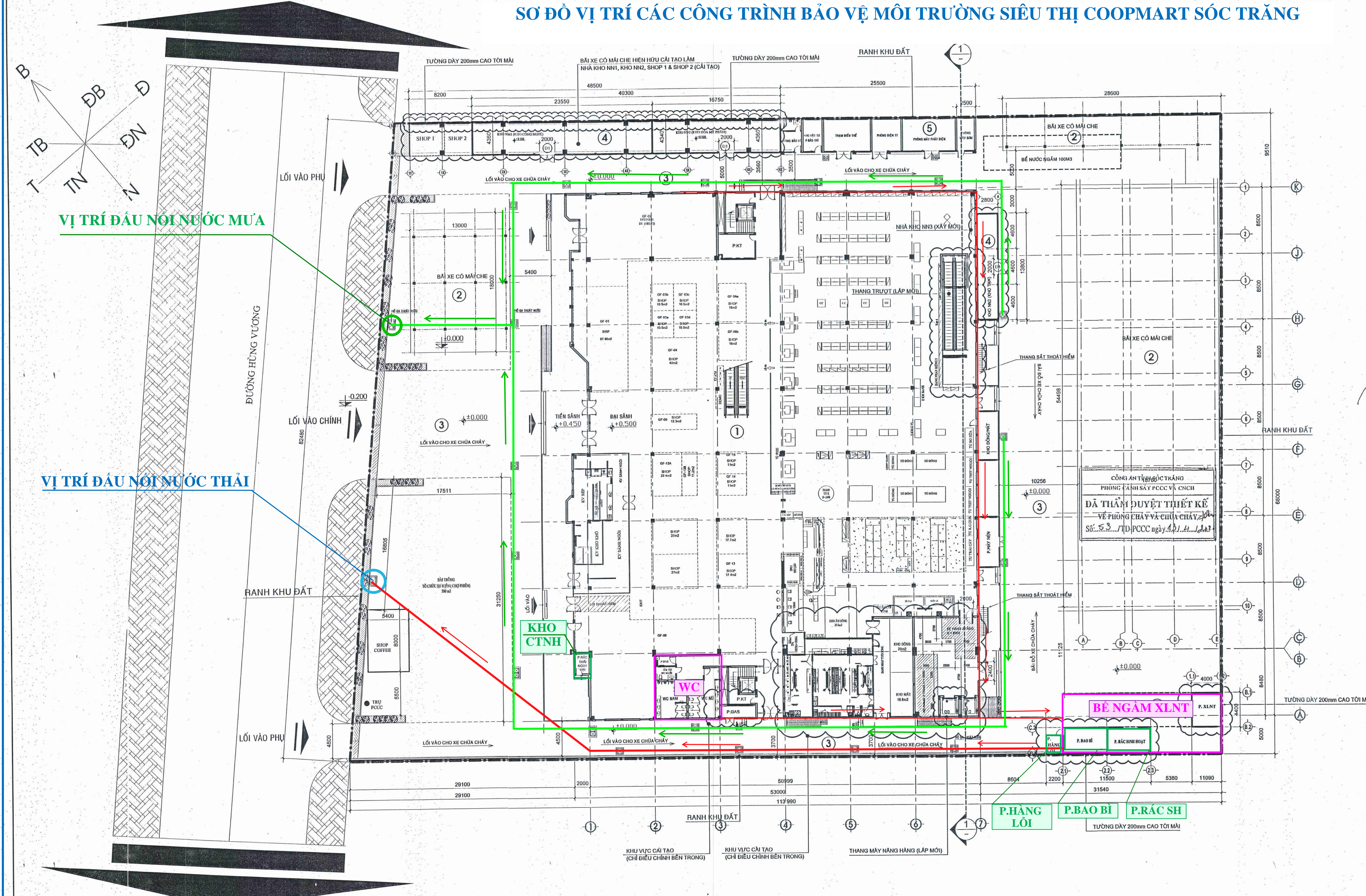
- ④ NHÓM NGUY HIỂM CHÁY CỦA CÔNG TRÌNH: NHÓM F3.1
- ⑤ ĐƯỜNG CHO XE CHỨA CHÁY: ĐƯỜNG BÊ TÔNG CỐT THÉP, DÀY 300mm, CÓ TẢI TRỌNG TRÊN 20 TẤN ĐẢM BẢO CHO XE CHỨA CHÁY. CHIỀU RỘNG NHỎ NHẤT LÀ 3,5m, LỚN NHẤT 8m. CHIỀU CAO THÔNG THƯỜNG KHÔNG NHỎ HƠN 4,5m.
- ⑥ CÔNG TRÌNH CÓ LỐI VÀO TỰ TRÊN CAO CHO CHỨA CHÁY VÀ CỨU NẠN CỨU HỘ TỰ CÁC THANG THOÁT HIỂM BÊN NGOÀI CÔNG TRÌNH.

GHI CHÚ :

- ① \* SIÊU THỊ
- ② \* BÃI XE 4 BÁNH & 2 BÁNH
- ③ \* ĐƯỜNG NỘI BỘ
- ④ \* NHÀ KHO CẢI TẠO, XÂY MỚI
- ⑤ \* KHỐI KỸ THUẬT PHỤ TRỢ

GHI CHÚ			
- TẤT CẢ CÁC KỊCH THUỘC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA THỰC TẾ TẠI CÔNG TRƯỜNG TRƯỚC KHI THI CÔNG.			
- NẾU CÓ SỰ KHÁC BIỆT LỚN SO VỚI HỒ SƠ THIẾT KẾ, NHÀ THẦU PHẢI THÔNG BÁO CHO ĐƠN VỊ THIẾT KẾ ĐỂ PHỐI HỢP THỰC HIỆN.			
HIỆU CHỈNH VÀ NGÀY HOÀN THÀNH REVISION AND COMPLETION DATE			
SIT	NGÀY	ĐIỀU CHỈNH	NGƯỜI CHỈNH
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUE FOR			
TRÌNH DUYỆT	<input type="checkbox"/>	FOR APPROVAL	
THIẾT KẾ CƠ SỞ	<input type="checkbox"/>	BASIC DESIGN	
THI CÔNG	<input checked="" type="checkbox"/>	FOR CONSTRUCTION	
HIỆU CHỈNH	<input type="checkbox"/>	REVISED	
HOÀN CÔNG	<input type="checkbox"/>	AS-BUILT	
CHỦ ĐẦU TƯ: <i>Phùng Anh</i> CÔNG TY TNHH MTV TM SẮC GÒN - SẮC TRẮNG			
			
THIẾT KẾ: <b>KYGIA</b> CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG KỸ GIA ĐỊA CHỈ: 188 ĐIỆN BIÊN PHÚ, PHƯỜNG 6, QUẬN 3, TP HCM			
GIÁM ĐỐC: 			
KTS. BÙI GIA KỶ			
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: 			
KTS. TRẦN TIẾN ĐẠT			
CHỦ TRÌ - THIẾT KẾ: 			
KTS. PHAN THANH HƯƠNG			
VỀ: 			
HỒ XUÂN HIỆP			
TÊN CÔNG TRÌNH			
CẢI TẠO SIÊU THỊ CO.OPMART SẮC TRẮNG			
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG			
6 HÙNG VƯƠNG, PHƯỜNG 6, TP. SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG			
HẠNG MỤC: CẢI TẠO, SỬA CHỮA VÀ MỞ RỘNG XÂY DỰNG			
TÊN BẢN VẼ			
MẶT BẰNG TRỆT TỔNG THỂ (CẢI TẠO, SỬA CHỮA VÀ MỞ RỘNG)			
SỐ HIỆU	CSM-KT-01		
NGÀY HOÀN THÀNH	TỶ LỆ		
03/2022			

# SƠ ĐỒ VỊ TRÍ CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SIÊU THỊ COOPMART SÓC TRĂNG



VỊ TRÍ ĐẦU NƠI NƯỚC MƯA

VỊ TRÍ ĐẦU NƠI NƯỚC THẢI

**GHI CHÚ:**

- : Đường ống thoát nước thải
- : Đường ống thoát nước mưa
- : Hướng thoát nước thải
- : Hướng thoát nước mưa

GIỚI HẠN CHỊU LỬA  
0mm CÓ BỐN MẶT TIẾP  
BẮC CHỊU LỬA BẬC I  
CỐT DÂY 100mm, GIỚI  
BẮC I  
HẠN CHỊU LỬA (RE)=15  
RỘNG BẮC 1.2m &  
CHỊU LỬA R=60 PHÚT.

MẶT BẰNG TẦNG TRỆT TỔNG THỂ (CẢI TẠO, SỬA CHỮA VÀ MỞ RỘNG)  
Tỉ: 1/250

- ④ NHÓM NGUY HIỂM CHÁY CỦA CÔNG TRÌNH: NHÓM F3.1
- ⑤ ĐƯỜNG CHO XE CHỨA CHÁY: ĐƯỜNG BÊ TÔNG CỐT THÉP, DÂY 300mm, CỎ TẢI TRỌNG TRÊN 20 TẤN ĐẢM BẢO CHO XE CHỨA CHÁY. CHIỀU RỘNG NHỎ NHẤT 3,5m, LỚN NHẤT 8m. CHIỀU CAO THÔNG THƯỜNG KHÔNG NHỎ HƠN 4,5m.
- ⑥ CÔNG TRÌNH CÓ LỐI VÀO TỪ TRÊN CAO CHO CHỨA CHÁY VÀ CỨU NẠN CỨU HỘ TỬ CÁC THANG THOÁT HIỂM BÊN NGOÀI CÔNG TRÌNH.

- GHI CHÚ :**
- ① \* SIÊU THỊ
  - ② \* BÃI XE 4 BÁNH & 2 BÁNH
  - ③ \* ĐƯỜNG NỘI BỘ
  - ④ \* NHÀ KHO CẢI TẠO, XÂY MỚI
  - ⑤ \* KHỐI KỸ THUẬT PHỤ TRỢ

CHI CHỦ

- TẤT CẢ CÁC KỊCH THUỘC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA THỰC TẾ TẠI CÔNG TRƯỜNG TRƯỚC KHI THI CÔNG.  
- NẾU CÓ SỰ KHÁC BIỆT LỚN SO VỚI HỒ SƠ THIẾT KẾ, NHÀ THẦU PHẢI THÔNG BÁO CHO ĐƠN VỊ THIẾT KẾ ĐỂ PHỐI HỢP THỰC HIỆN.

HIỆU CHỈNH VÀ NGÀY HOÀN THÀNH REVISION AND COMPLETION DATE			
SIT	NGÀY	ĐIỀU CHỈNH	NGƯỜI CHỈNH

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUE FOR	
TRÌNH DUYỆT	<input type="checkbox"/> FOR APPROVAL
THIẾT KẾ CƠ SỞ	<input type="checkbox"/> BASIC DESIGN
THI CÔNG	<input checked="" type="checkbox"/> FOR CONSTRUCTION
HIỆU CHỈNH	<input type="checkbox"/> REVISED
HOÀN CÔNG	<input type="checkbox"/> AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ  
CÔNG TY TNHH MTV TM SÀI GÒN - SÓC TRĂNG

THIẾT KẾ: **KYGIA**  
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG KỸ GIA  
ĐỊA CHỈ: 188 ĐIỆN BIÊN PHÚ, PHƯỜNG 6, QUẬN 3, TP HCM

GIÁM ĐỐC:   
KTS. BÙI GIA KỶ  
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:

KTS. TRẦN TIẾN ĐẠT  
CHỦ TRÌ - THIẾT KẾ:

KTS. PHAN THANH HƯƠNG  
VỀ:

HỒ XUÂN HIỆP  
TÊN CÔNG TRÌNH

CẢI TẠO SIÊU THỊ CO.OPMART SÓC TRĂNG

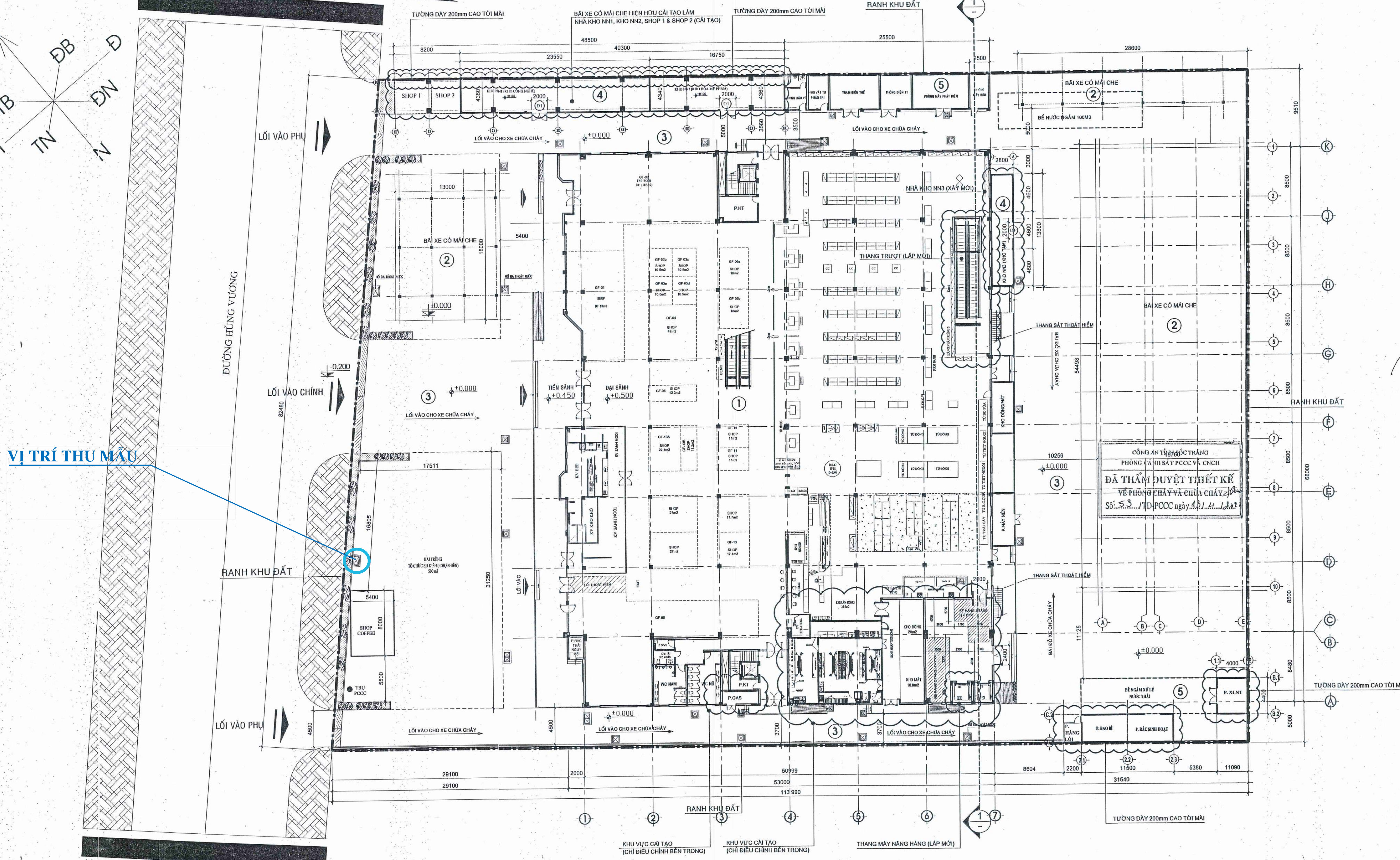
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG  
6 HỮNG VƯƠNG, PHƯỜNG 6, TP. SÓC TRĂNG,  
TỈNH SÓC TRĂNG

HẠNG MỤC: CẢI TẠO, SỬA CHỮA VÀ MỞ RỘNG XÂY DỰNG  
TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG TRỆT TỔNG THỂ  
(CẢI TẠO, SỬA CHỮA VÀ MỞ RỘNG)

SỐ HIỆU	CSM-KT-01
NGÀY HOÀN THÀNH	TỶ LỆ
03/2022	

# SƠ ĐỒ VỊ TRÍ THU MẪU GIÁM SÁT CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI SIÊU THỊ COOPMART SÓC TRĂNG



VỊ TRÍ THU MẪU

MẶT BẰNG TẦNG TRỆT TỔNG THỂ (CẢI TẠO, SỬA CHỮA VÀ MỞ RỘNG)  
T.L: 1/250

**THUYẾT MINH CHUNG:**

- ① CÁC HƯỚNG TIẾP GIÁP:
  - HƯỚNG ĐÔNG BẮC GIÁP SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN.
  - HƯỚNG ĐÔNG NAM TRƯỜNG HỌC NGUYỄN THỊ MINH KHAI.
  - HƯỚNG TÂY BẮC GẤP ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG.
  - HƯỚNG TÂY NAM GIÁP BẢO Tàng TỈNH SÓC TRĂNG.
- ② HẠNG SẢN XUẤT: CHẤT CHẤY CHỦ YẾU LÀ BAO BÌ, BỘ C NI LÔNG CÓ TẢI TRỌNG CHẤT CHẤY RIÊNG LÀ 1.400MJ/m2. HẠNG SẢN XUẤT C2.
- ③ BẠC CHỊU LỬA CỦA CÔNG TRÌNH:
  - TƯỜNG GẠCH ĐÁT SÉT NUNG DÀY 200mm. GIỚI HẠN CHỊU LỬA (REI)=180 PHÚT. BẠC CHỊU LỬA BẠC I.
  - CỘT BÊ TÔNG CỐT THÉP KÍCH THƯỚC 400x400mm CÓ BỐN MẶT TIẾP XÚC VỚI LỬA GIỚI HẠN CHỊU LỬA R=180 PHÚT. BẠC CHỊU LỬA BẠC I.
  - SÀN GIỮA CÁC TẦNG VÀ SÀN MÁI BÊ TÔNG CỐT DÂY 100mm. GIỚI HẠN CHỊU LỬA (REI)=60 PHÚT. BẠC CHỊU LỬA BẠC I.
  - MÁI TÓN SÓNG VÙNG DÂY 0,45mm. GIỚI HẠN CHỊU LỬA (REI)=15 PHÚT. BẠC CHỊU LỬA BẠC II.
  - THANG THOÁT NẠN CÓ KÍCH THƯỚC CHIỀU RỘNG BẮC 1.2m & 1.4m. CHIỀU CAO BẮC LÀ 150mm. GIỚI HẠN CHỊU LỬA R=60 PHÚT. BẠC CHỊU LỬA BẠC I.

- ④ NHÓM NGUY HIỂM CHẤY CỦA CÔNG TRÌNH: NHÓM F3.1
- ⑤ ĐƯỜNG CHO XE CHỨA CHÁY: ĐƯỜNG BÊ TÔNG CỐT THÉP, DÀY 300mm. CÓ TẢI TRỌNG TRÊN 20 TẤN ĐẢM BẢO CHO XE CHỨA CHÁY. CHIỀU RỘNG NHỎ NHẤT LÀ 3,5m, LỚN NHẤT 8m. CHIỀU CAO THÔNG THƯỜNG KHÔNG NHỎ HƠN 4,5m.
- ⑥ CÔNG TRÌNH CÓ LỐI VÀO TỪ TRÊN CAO CHO CHỨA CHÁY VÀ CỨU NẠN CỨU HỘ TỰ CÁC THANG THOÁT HIỂM BÊN NGOÀI CÔNG TRÌNH.

**GHI CHÚ :**

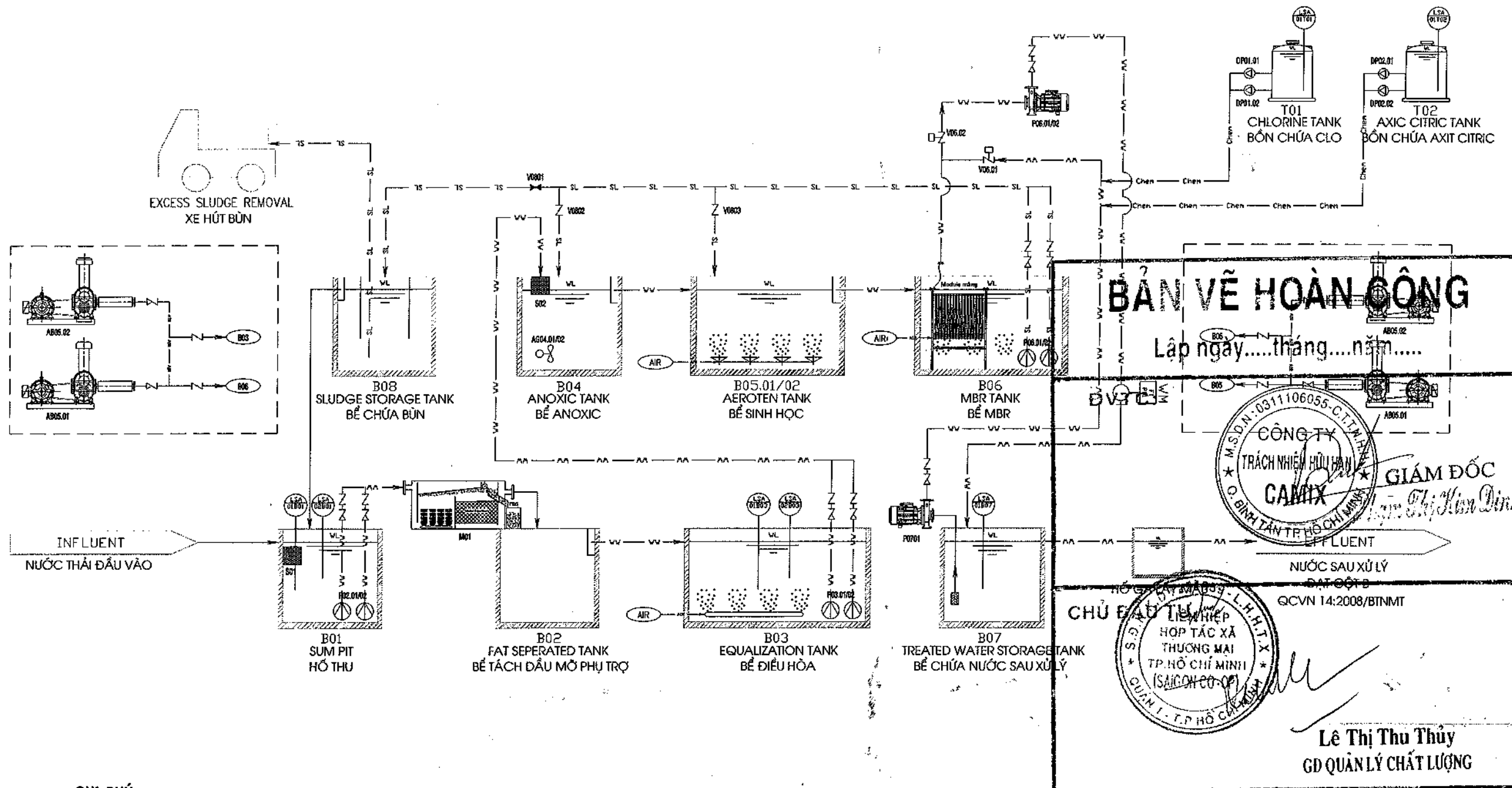
- ① \* SIÊU THỊ
- ② \* BÃI XE 4 BÁNH & 2 BÁNH
- ③ \* ĐƯỜNG NỘI BỘ
- ④ \* NHÀ KHO CẢI TẠO, XÂY MỚI
- ⑤ \* KHỐI KỸ THUẬT PHỤ TRỢ

GHI CHÚ			
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA THỰC TẾ TẠI CÔNG TRƯỜNG TRƯỚC KHI THI CÔNG.			
- NẾU CÓ SỰ KHÁC BIỆT LỚN SO VỚI HỒ SƠ THIẾT KẾ, NHÀ THẦU PHẢI THÔNG BÁO CHO ĐƠN VỊ THIẾT KẾ ĐỂ PHỐI HỢP THỰC HIỆN.			
HIỆU CHỈNH VÀ NGÀY HOÀN THÀNH REVISION AND COMPLETION DATE			
SIT	NGÀY	ĐIỀU CHỈNH	NGƯỜI CHỈNH
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUE FOR			
TRÌNH DUYỆT	<input type="checkbox"/>	FOR APPROVAL	
THIẾT KẾ CƠ SỞ	<input type="checkbox"/>	BASIC DESIGN	
THI CÔNG	<input checked="" type="checkbox"/>	FOR CONSTRUCTION	
HIỆU CHỈNH	<input type="checkbox"/>	REVISED	
HOÀN CÔNG	<input type="checkbox"/>	AS-BUILT	
CHỦ ĐẦU TƯ <i>Phạm Văn Tấn</i> CÔNG TY TNHH MTV TM SÀI GÒN - SÓC TRĂNG			
THIẾT KẾ: <b>KYGIA</b> CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG KỸ GIA ĐỊA CHỈ: 188 ĐIỆN BIÊN PHÚ, PHƯỜNG 6, QUẬN 3, TP HCM			
GIÁM ĐỐC: <i>[Signature]</i> CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG KỸ GIA			
KTS. BÙI GIA KỲ			
QUẢN LÝ KỸ THUẬT <i>[Signature]</i>			
KTS. TRẦN TIẾN ĐẠT			
CHỦ TRÌ - THIẾT KẾ <i>[Signature]</i>			
KTS. PHAN THANH HƯƠNG			
VỀ <i>[Signature]</i>			
HỒ XUÂN HIỆP			
TÊN CÔNG TRÌNH			
CẢI TẠO SIÊU THỊ CO.OPMART SÓC TRĂNG			
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG			
6 HÙNG VƯƠNG, PHƯỜNG 6, TP. SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG			
HẠNG MỤC : CẢI TẠO, SỬA CHỮA VÀ MỞ RỘNG XÂY DỰNG			
TÊN BẢN VẼ			
MẶT BẰNG TRỆT TỔNG THỂ (CẢI TẠO, SỬA CHỮA VÀ MỞ RỘNG)			
SỐ HIỆU	CSM-KT-01		
NGÀY HOÀN THÀNH	TỶ LỆ		
03/2022			





# SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SIÊU THỊ CO.OPMART SỐC TRẮNG - CÔNG SUẤT: 70M3/NGÀY



**GHI CHÚ:**

B01: HỒ THU GOM  
B02: MŨNG TÁCH DẦU MỠ  
B03: BỂ ĐIỀU HÒA  
B04: BỂ ANOXIC  
B05.01/02 : BỂ SINH HỌC

B06: BỂ MBR  
B07: BỂ CHỨA NƯỚC SAU XỬ LÝ  
B08: BỂ CHỨA BÙN  
T01: BỒN CHỨA HÓA CHẤT CHLORINE  
T02: BỒN CHỨA AXIT CITRIC

S01: GIÓ CHẤN RÁC THỎ  
S02: GIÓ CHẤN RÁC TÍNH  
P0201/02: BƠM THU GOM  
M01: THIẾT BỊ TÁCH MỠ TỰ ĐỘNG  
P0301/02: BƠM NƯỚC THẢI ĐIỀU HÒA  
P0601/02: BƠM BÙN  
P0601/02: BƠM LỌC MÀNG MBR

AG04.01/02: MÁY KHUẤY CHÌM  
P07: BƠM RỬA NGƯỢC  
AB0501/02: MÁY THỔI KHÍ BỂ VI SINH  
AB0503/04: MÁY THỔI KHÍ BỂ MBR + ĐIỀU HÒA  
DP0101/02: BƠM ĐỊNH LƯỢNG CHLORINE  
DP0201/02: BƠM ĐỊNH LƯỢNG AXIT CITRIC  
WM: ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG

**GHI CHÚ:**

— SL — ĐƯỜNG ỐNG BÙN  
— AIR — ĐƯỜNG ỐNG KHÍ  
— WW — ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC  
— Chem — ĐƯỜNG ỐNG HÓA CHẤT

**LEGEND:**

Chỉ thống nhất về mặt vật liệu, thiết bị.  
Nhà thầu chịu trách nhiệm về thiết kế.

NO	DATE	SHOP DRAWING REV
REV	DATE	DESCRIPTION

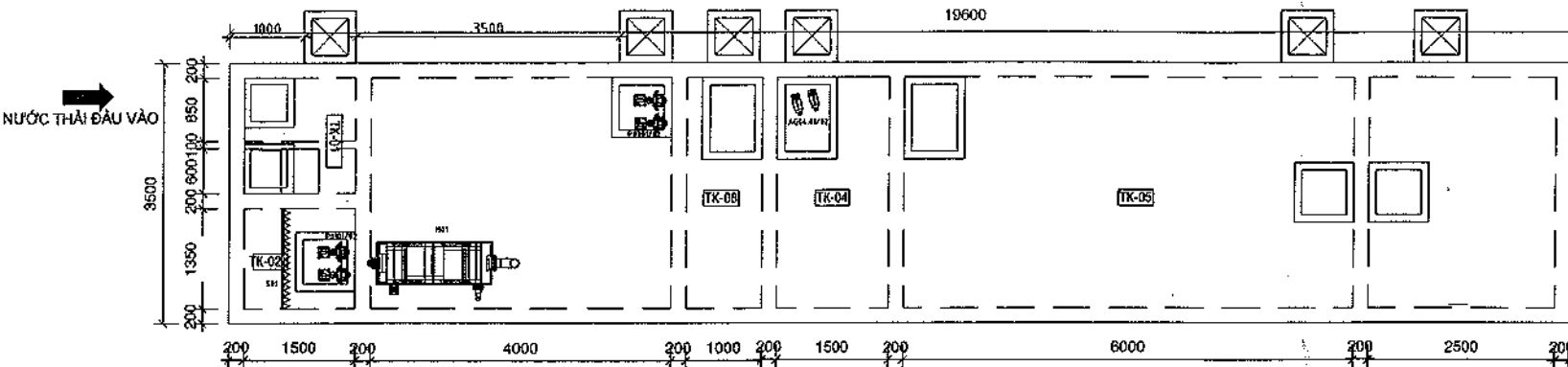
TÊN DỰ ÁN  
**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI  
CO.OPMART SỐC TRẮNG**

**CHỮ ĐẤU:**

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
Lập ngày...tháng...năm...

NƯỚC SAU XỬ LÝ ĐẠT CỘT B  
QCVN 14:2008/BTNMT

<b>CAMIX CO., LTD</b>		
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CAMIX, Q. BÌNH TÂN TP. HỒ CHÍ MINH		
DUYỆT	LÊ ĐÌNH THÀNH BÌNH	24.08.2018
KẾM	NGUYỄN HUY THẢO	24.08.2018
VỀ	CAO ĐÌNH TẤN	24.08.2018
<b>HANG MÀC: CÔNG NGHỆ</b>		
<b>TÊN BẢN VẼ: SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ</b>		
BẢN VẼ SỐ:	02.01	V.1.0



# BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập ngày.....tháng.....năm.....

**CHỖ ĐẦU TƯ**

LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ HƯƠNG MẠI TP. HỒ CHÍ MINH (SI-GON CO-OP)

**Lê Thị Thu Thủy**  
GD QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CAMIX**  
Số Đ. thuế: 0311106055-C.T. (H. Hồ Chí Minh)  
Số Đ. kinh doanh: 0311106055-C.T. (H. Hồ Chí Minh)

**GIÁM ĐỐC**  
Tham Thị Kim Định

STT	KÍ HIỆU	HẠNG MỤC
01	TK - 01	BỂ THU GOM
02	TK - 02	BỂ CHỨA MŨ
03	TK - 03	BỂ ĐIỀU HÒA
04	TK - 04	BỂ SINH HỌC THIỂU KHÍ
05	TK - 05	BỂ SINH HỌC HIỂU KHÍ
06	TK - 06	BỂ MBR
07	TK - 07	BỂ CHỨA SAU XỬ LÝ
08	TK - 08	BỂ CHỨA BÙN

STT	Kí hiệu	Tên thiết bị, vật tư	Số lượng	Đ.vj	Vị trí lắp đặt	Chủng loại	Nhà SX / Xuất xứ
1	S01	Tấm chắn rác	01	cái	Hố thu	Inox SUS304	Việt Nam
2	P01.01/02	Bơm nước thải hố thu	02	cái	Hố thu	CN40T	ShinMaywa/Nhật
3	P03.01/02	Bơm bể điều hòa	02	cái	Bể điều hoà	CN40T	ShinMaywa/Nhật
4	P08.01/02	Bơm tuần hoàn bùn	02	cái	Hố bơm bùn	CN40T	ShinMaywa/Nhật
5	AB05.01/02	Máy thổi khí	02	cái	Bể vi sinh	...	Tận dụng lại
6	AB05.03/04	Máy thổi khí	02	cái	Bể MBR	...	Tận dụng lại
7	AG04.01/02	Máy khuấy chìm	02	cái	Bể Anoxic	SM250	ShinMaywa/Nhật
8	T01/02	Bồn chứa hóa chất	02	cái	Phòng hóa chất	V=300L	Đại Thành/Việt Nam
9	DP01.01/02	Bơm định lượng hoá chất clo	02	cái	Phòng hóa chất	C-645P	Blue - White / Mỹ
10	DP02.01/02	Bơm định lượng hoá chất axit	02	cái	Phòng hóa chất	C-645P	Blue - White / Mỹ
11	SF01.01	Quạt hút khử mùi	01	cái	Phòng máy		Việt Nam
12	OA01.01	Tháp hấp thụ mùi	01	cái	Phòng máy	Inox 304	Việt Nam
13	Ele.Panel	Tủ điện điều khiển	01	cái	Phòng điện		Việt Nam
14	VF	Quạt thông gió	03	cái	Phòng điều khiển		Việt Nam
15	WM	Thiết bị đo lưu lượng kiểu điện từ	01	cái	Phòng điện	Tận dụng lại	Tận dụng lại
16	BP06.01/02	Bơm hút màng MBR	02	cái	Phòng điện	...	Tận dụng lại
17	BP07.01	Bơm rửa màng MBR	01	cái	Phòng điện	IR4P-32-125A	Saer/Italya
18	MBR	Màng MBR	01	module	Bể sinh học MBR	dạng sợi rỗng	Koch/Mỹ
19	M01	Thiết bị tách mỡ tự động	01	cái	Bể tách mỡ	Inox 304	Việt Nam

## MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ TRONG BỂ & PHÒNG ĐIỀU KHIỂN

**Ghi chú:**

- Tất cả các thiết bị như: máy thổi khí, máy hút mùi, đều được đặt trên bệ bê tông cách sàn 200 mm.
- Tủ điện cách sàn 500 mm.

**LEGEND:**  
Chỉ thống nhất về mặt vật liệu, thiết bị.  
Nhà thầu chịu trách nhiệm về thiết kế.

Tên Dự Án: **HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CO.OPMART SÓC TRĂNG**

CHỖ ĐẦU TƯ

Ngày tháng: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CAMIX**  
Số Đ. thuế: 0311106055-C.T. (H. Hồ Chí Minh)  
Số Đ. kinh doanh: 0311106055-C.T. (H. Hồ Chí Minh)

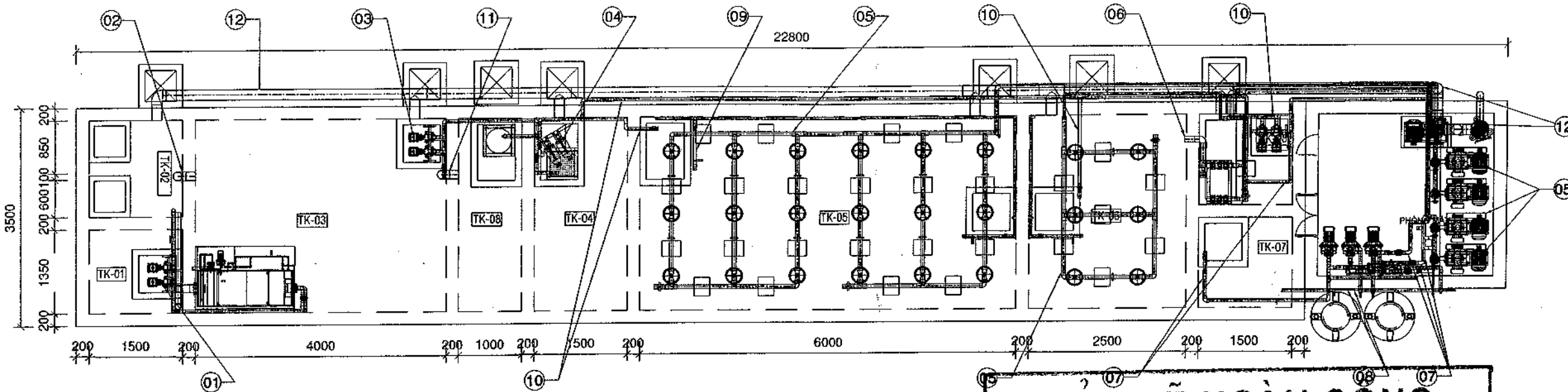
**GIÁM ĐỐC**  
Tham Thị Kim Định

Duyệt	LÊ ĐÌNH THANH BÌNH	17.08.2018
Kiểm	VŨ ĐỨC NGHĨA	17.08.2018
Vẽ	NGUYỄN VIỆT ĐAM	17.08.2018

Hàng Mục: **LẮP ĐẶT THIẾT BỊ & ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ**

Tên Bản Vẽ: **MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ TRONG HT XLNT**

Bản Vẽ Số: 04.02 / 1.1



LEGEND:  
Chỉ thống nhất về mặt vật liệu, thiết bị.  
Nhà thầu chịu trách nhiệm về thiết kế.

STT	TÊN	THỜI	CHỨC DẠNG
01	02	03	04
05	06	07	08
09	10	11	12
13			

TÊN DỰ ÁN  
**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI  
CO.OPMART SÓC TRĂNG**

CHỨC DÂY

STT	KÍ HIỆU	HẠNG MỤC
01	TK - 01	BỂ THU GOM
02	TK - 02	BỂ CHỨA MỠ
03	TK - 03	BỂ ĐIỀU HÒA
04	TK - 04	BỂ SINH HỌC THIỂU KHÍ
05	TK - 05	BỂ SINH HỌC HIỂU KHÍ
06	TK - 06	BỂ MBR
07	TK - 07	BỂ CHỨA SAU XỬ LÝ
08	TK - 08	BỂ CHỨA BÙN

## MẶT BẰNG TUYẾN ỐNG CÔNG NGHỆ

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
Lập ngày.....tháng.....năm.....

ĐVTC:

**CHỦ ĐẦU TƯ**

LIÊN HIỆP  
HỢP TÁC XÃ  
THƯƠNG MẠI  
T.P. HỒ CHÍ MINH  
ISAIGON CO-OP

**GIÁM ĐỐC**  
Lê Thị Kim Định

**GIÁM ĐỐC**  
Lê Thị Thu Thủy  
GD QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

- 1 - Tuyến ống Hồ thu sang Mương tách dầu mỡ  
Ống uPVC Ø60x2.0 Bình Minh
- 2 - Tuyến ống mương tách mỡ sang bể điều hòa  
Ống uPVC Ø114x3.2 Bình Minh
- 3 - Tuyến ống bơm nạp Bể điều hòa  
Ống uPVC Ø49x2.4 Bình Minh
- 4 - Hệ thống khuấy trộn vi sinh bể Anoxic  
Thanh vuông 50x2.0 Inox SUS 304
- 5 - Tuyến ống sục khí Bể vi sinh  
Ống Ø60x2.0, Inox SUS304 - 1 tuyến  
Ống uPVC Ø60x2.8 Bình Minh
- 6 - Tuyến ống Bể vi sinh sang Bể MBR  
Ống uPVC Ø140x4.0 Bình Minh
- 7 - Tuyến ống bơm hút nước và rửa màng MBR  
Ống uPVC Ø49x2.4 Bình Minh
- 8 - Tuyến ống châm hóa chất rửa màng  
Ống uPVC Ø34x2.0 Bình Minh  
Ống nhựa Tio Ø10 dẫn clo khử trùng
- 9 - Tuyến ống đập bọt bể vi sinh  
Ống uPVC Ø49x2.4 Bình Minh
- 10 - Tuyến ống bơm tuần hoàn bùn vi sinh  
Ống uPVC Ø49x2.4 Bình Minh
- 11 - Tuyến ống thu nước từ bể chứa bùn sang bể thu gom  
Ống uPVC Ø140x4.0 Bình Minh
- 12 - Tuyến ống khử mùi  
Ống uPVC Ø114x3.2 Bình Minh
- 13 - Thiết bị tách dầu mỡ

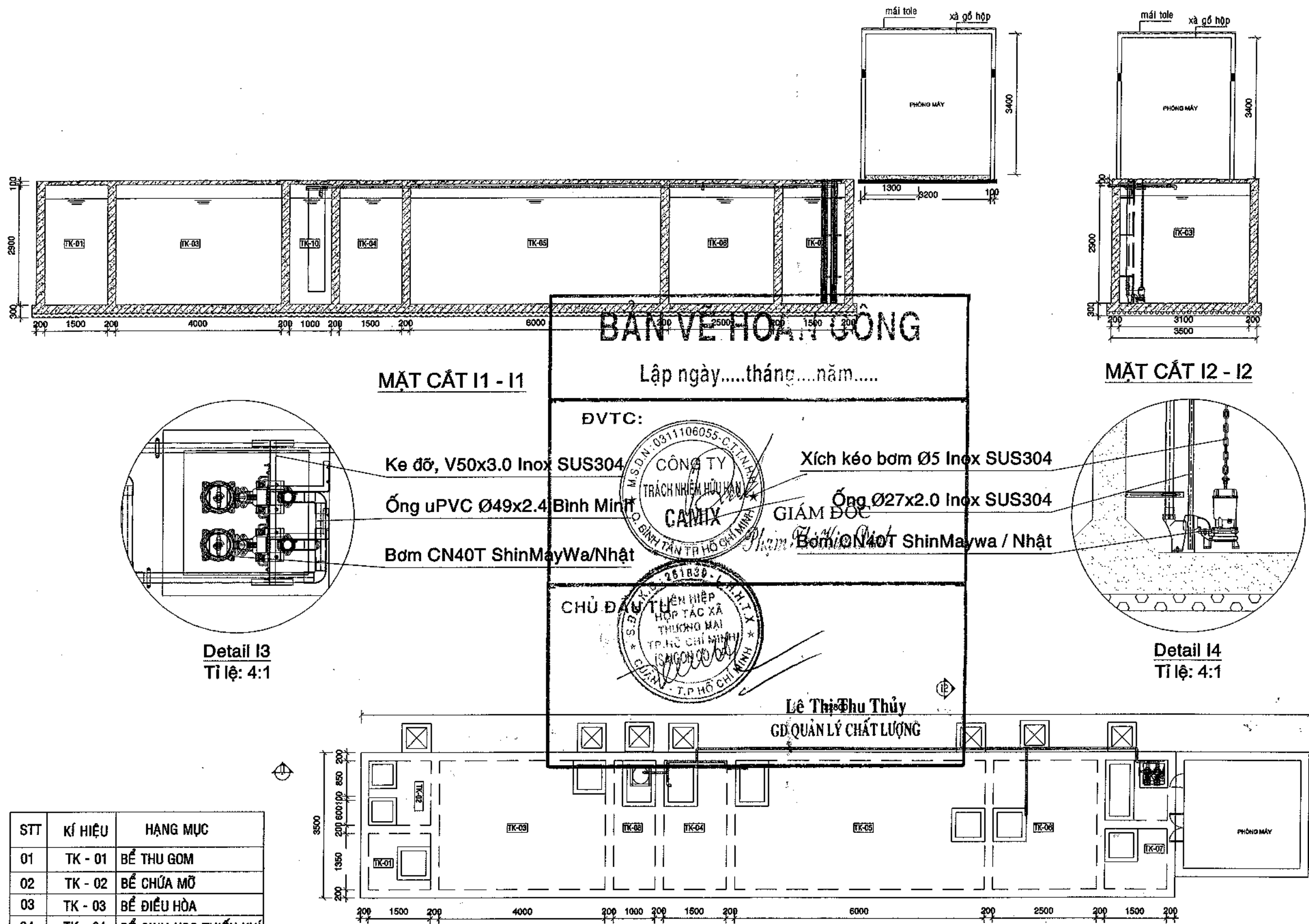
THÀNH VIÊN

**CAMIX CO., LTD**  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
C. BÌNH TÂN TR. HỒ CHÍ MINH

**GIÁM ĐỐC**  
Lê Thị Kim Định

CHỨC	LÊ ĐÌNH THANH BÌNH	24.08.2017
KÈM	VŨ ĐỨC NGHĨA	24.08.2017
VỀ	NGUYỄN NHẬT DẠ	24.08.2017
TÊN BẢN VẼ <b>LẮP ĐẶT THIẾT BỊ &amp; ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ</b>		
BẢN VẼ SỐ:	04.03	tr.1/2





STT	KÍ HIỆU	HẠNG MỤC
01	TK - 01	BỂ THU GOM
02	TK - 02	BỂ CHỨA MỠ
03	TK - 03	BỂ ĐIỀU HÒA
04	TK - 04	BỂ SINH HỌC THIỂU KHÍ
05	TK - 05	BỂ SINH HỌC HIỂU KHÍ
06	TK - 06	BỂ MBR
07	TK - 07	BỂ CHỨA SAU XỬ LÝ
08	TK - 08	BỂ CHỨA BÙN

**TUYẾN ỐNG BƠM BÙN (2D)**

LEGEND:  
Chỉ thống nhất về mặt vật liệu, thiết bị.  
Nhà thầu chịu trách nhiệm về thiết kế.

CO	TH	SHOP DRAWING
DATE	DATE	DATE
BY	BY	BY
CHECK	CHECK	CHECK

TRƯỜNG  
**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
**CO.OPMART SÓC TRĂNG**

CHỦ ĐẦU TƯ  
**Lê Thị Thu Thủy**  
GD. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

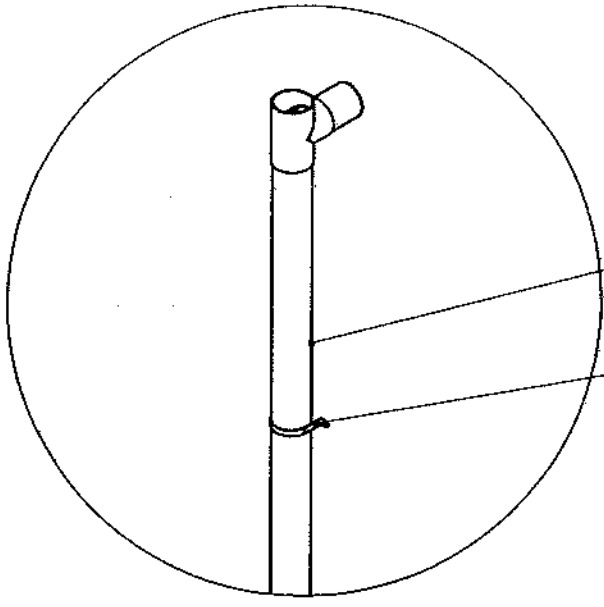
**CAMIX CO., LTD**  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
CAMIX  
GIÁM ĐỐC  
Lê Thị Kim

DUYỆT	LÊ ĐÌNH THANH BÌNH	17.08.2018
THẨM	VŨ ĐỨC NGHĨA	17.08.2018
VỀ	NGUYỄN HUỆT GAI	17.08.2018

HẠNG MỤC:  
**LẮP ĐẶT THIẾT BỊ & ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ**

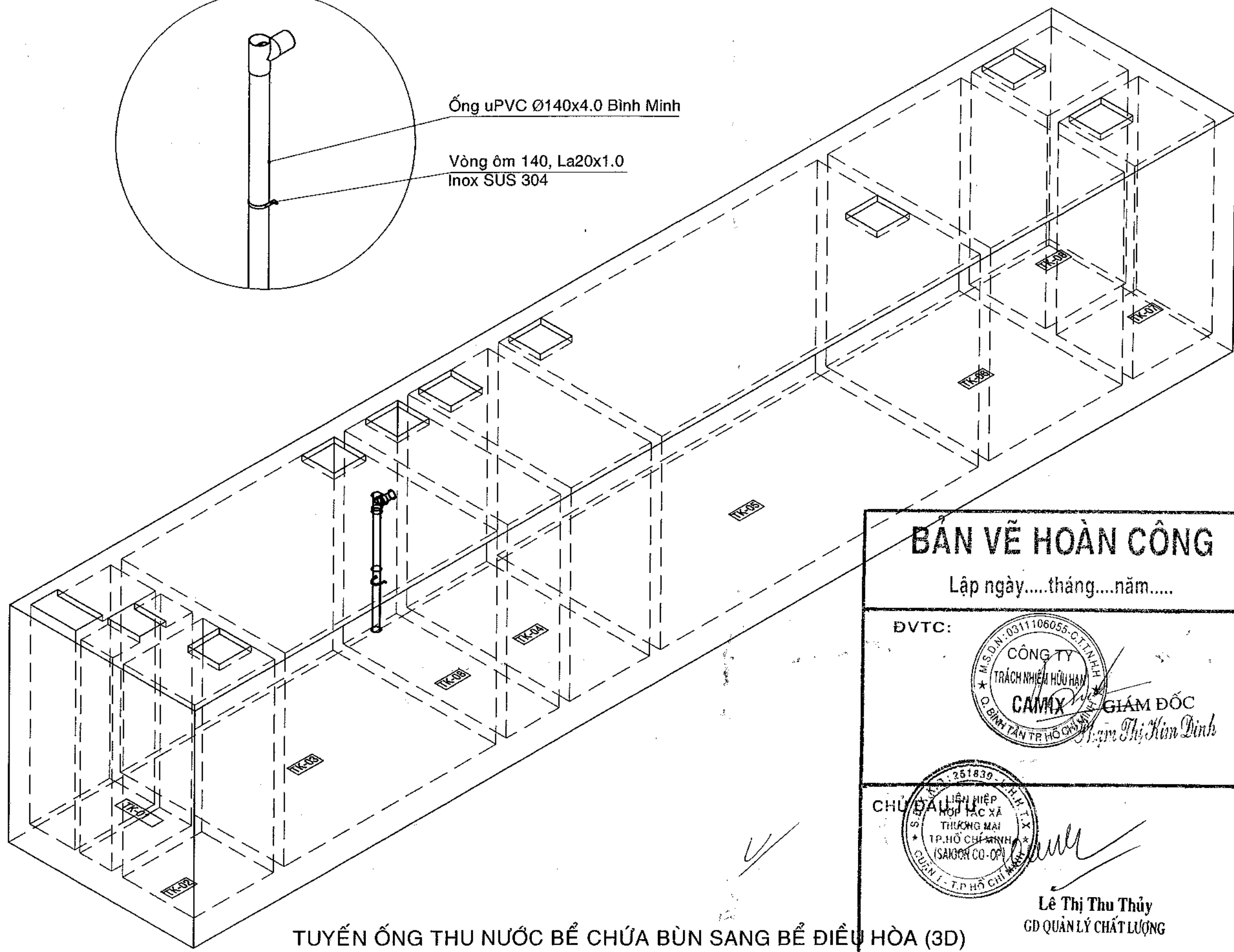
TRUYỀN VẼ:  
**TUYẾN ỐNG BƠM BÙN (2D)**

BẢN VẼ SỐ:	04.23	TỰA:
------------	-------	------



Ống uPVC Ø140x4.0 Bình Minh

Vòng ôm 140, La20x1.0  
Inox SUS 304



TUYẾN ỐNG THU NƯỚC BỂ CHỨA BÙN SANG BỂ ĐIỀU HÒA (3D)

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
Lập ngày.....tháng.....năm.....

ĐVTC:

GIÁM ĐỐC  
*Thị Kim Định*

---

CHỦ ĐẦU TƯ:

Lê Thị Thu Thủy  
GD QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

LEGEND:  
Chỉ thống nhất về mặt vật liệu, thiết bị.  
Nhà thầu chịu trách nhiệm về thiết kế.

CO	TĐH	SHOP DRAWING REV.01
REV	DATE	NGƯỜI DÙNG SỬA ĐÓNG

Tên Dự Án  
**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI  
CO.OPMART SÓC TRĂNG**

CHỮ DẤU TAY

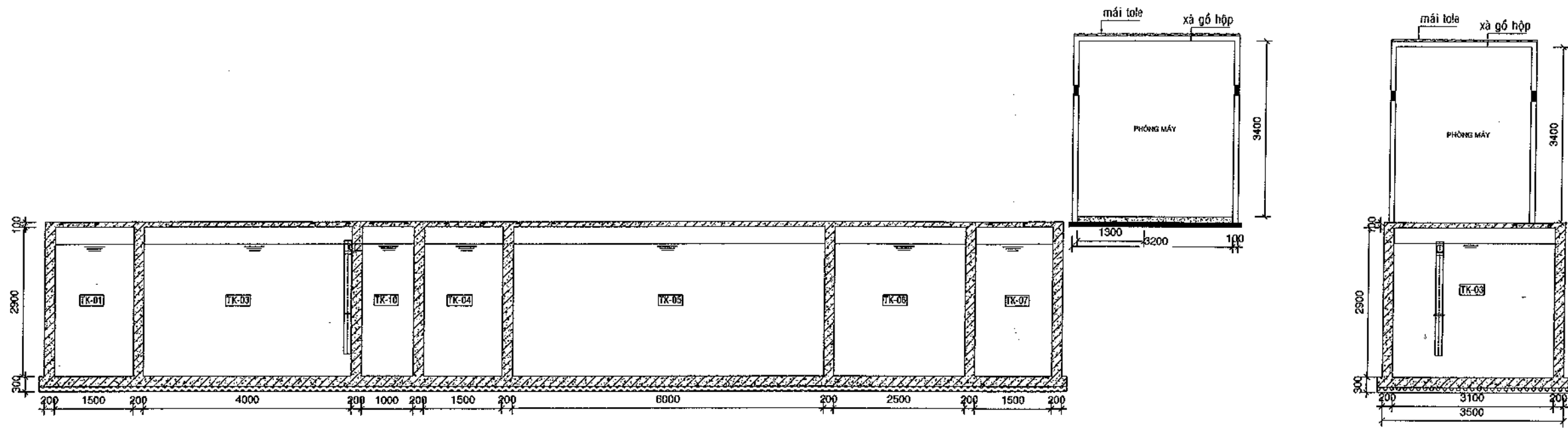
NHÀ ĐÁNH GIÁ

GIÁM ĐỐC  
*Thị Kim Định*

DUYỆT	LÊ ĐÌNH THANH BÌNH	24.08.2017
Kiểm	VŨ ĐỨC NGHĨA	24.08.2017
VẼ	NGUYỄN NHẬT DUY	24.08.2017

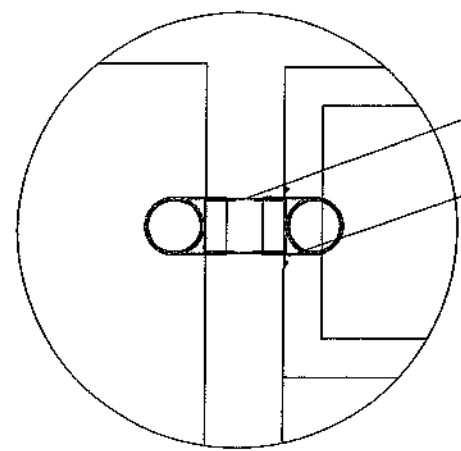
HẠNG MỤC:  
**LẮP ĐẶT THIẾT BỊ &  
ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ**

TÊN BẢN VẼ:  
**TUYẾN ỐNG THU NƯỚC BỂ CHỨA  
BÙN SANG BỂ ĐIỀU HÒA (3D)**

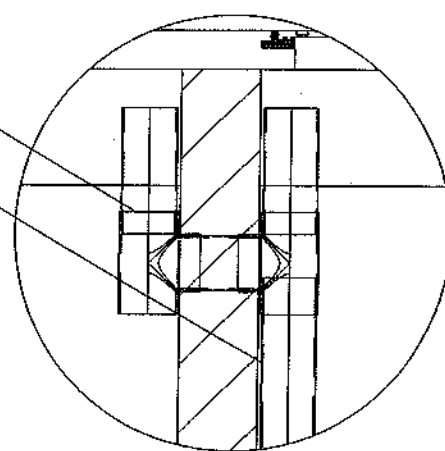


MẶT CẮT J1 - J1

MẶT CẮT J2 - J2

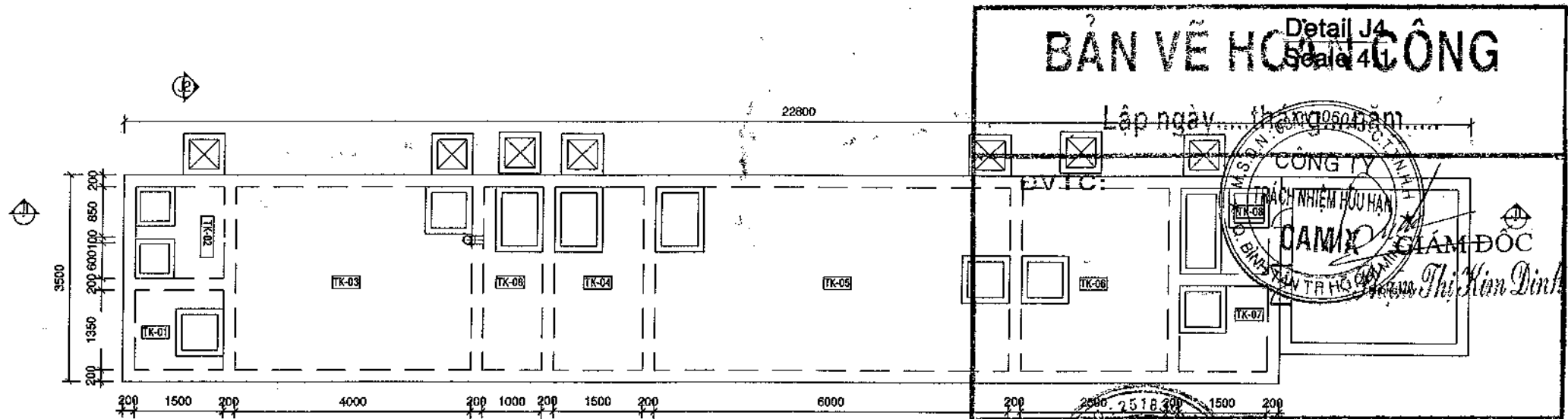


Detail J3  
Scale 4:1



Detail J4  
Scale 4:1

STT	KÍ HIỆU	HẠNG MỤC
01	TK - 01	BỂ THU GOM
02	TK - 02	BỂ CHỨA MỒ
03	TK - 03	BỂ ĐIỀU HÒA
04	TK - 04	BỂ SINH HỌC THIỂU KHÍ
05	TK - 05	BỂ SINH HỌC HIỂU KHÍ
06	TK - 06	BỂ MBR
07	TK - 07	BỂ CHỨA SAU XỬ LÝ
08	TK - 08	BỂ CHỨA BÙN



TUYẾN ỐNG THU NƯỚC BỂ CHỨA BÙN SANG BỂ ĐIỀU HÒA (2D)

CHỦ ĐẦU TƯ  
LIÊN HIỆP  
HỢP TÁC XÃ  
THƯƠNG MẠI  
TP. HỒ CHÍ MINH  
SAIGON CO., LTD  
QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH

Lê Thị Thu Thủy  
GD QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

LEGEND:

Chỉ thống nhất về mặt vật liệu, thiết bị.  
Nhà thầu chịu trách nhiệm về thiết kế.

NO	TÊN	SHOP DRAWING REVUI
NO	HỌ TÊN	HỘI DỒNG SỬA ĐỔI

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI  
CO.OPMART SÓC TRĂNG

CHỦ ĐẦU TƯ

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
CÔNG TY  
CAMIX  
CÔNG TY  
CAMIX  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
CÔNG TY  
CAMIX

DUYỆT:	LÊ BÌNH THÀNH BÌNH	17.08.2018
HIỆM:	VŨ ĐỨC NGHĨA	17.08.2018
VE:	NGUYỄN HUỆ DÀI	17.08.2018

HẠNG MỤC: LẮP ĐẶT THIẾT BỊ & ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ

HỒ SƠ VẼ: TUYẾN ỐNG THU NƯỚC BỂ CHỨA BÙN SANG BỂ ĐIỀU HÒA (2D)

BẢN VẼ SỐ: 04.25

